

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ SOA

NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH
CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC TRẺ EM
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

NGUYỄN THỊ SOA

**NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH
CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC TRẺ EM
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

Chuyên ngành : Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm

Mã số : 60.38.01.05

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS. TS. PHẠM VĂN TỈNH

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào khác. Các số liệu, trích dẫn được sử dụng trong luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực, có dẫn chiếu, tham chiếu đầy đủ nguồn theo quy định của một công trình khoa học. Tôi xin chịu trách nhiệm về nội dung công trình nghiên cứu của mình./.

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC TRẺ EM	8
1.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em	8
1.2. Phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em.....	13
1.3. Cơ chế tác động của các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em	25
Chương 2. THỰC TRẠNG NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC TRẺ EM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI	29
2.1. Thực trạng nhận thức và làm sáng tỏ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	29
2.2. Thực trạng hậu quả (quan hệ nhân - quả) của nguyên nhân và điều kiện của hiện tượng được nghiên cứu - tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2012 - 2016	35
2.3. Thực trạng các nguyên nhân và điều kiện cụ thể của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2012 – 2016	46
2.4. Thực trạng làm sáng tỏ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thông qua chủ thể phòng, chống tội phạm.....	51
Chương 3: NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC TRẺ EM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI PHÒNG NGỪA HIỆN TƯỢNG TIÊU CỰC NÀY	55
3.1. Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em và dự báo tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	55

3.2. Tăng cường nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	58
3.3. Giải pháp khắc phục các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em để phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	61
KẾT LUẬN	77
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	79
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	: Bộ luật hình sự
BLTTHS	: Bộ luật tố tụng hình sự
Bộ LĐ-TB&XH	: Bộ lao động thương binh và xã hội
CAND	: Công an nhân dân
CQĐT	: Cơ quan điều tra
PBGDPL	: Phổ biến giáo dục pháp luật
TAND	: Tòa án nhân dân
TNHS	: Trách nhiệm hình sự
UBND	: Ủy ban nhân dân
VKSND	: Viện kiểm sát nhân dân
XPTD	: Xâm phạm tình dục
XPTDTE	: Xâm phạm tình dục trẻ em

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Mức độ tổng quan của tình hình tội phạm và tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ năm 2012 – 2016

Bảng 2.2. Mức độ tổng quan của tình hình tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người và tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ năm 2012 – 2016.

Bảng 2.3. Cơ số tội phạm và cơ số tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ năm 2012 – 2016

Bảng 2.5. Diễn biến tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ năm 2012 – 2016. (so sánh định gốc)

Bảng 2.6. Cơ cấu về mức độ của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phân theo dân cư 11 đơn vị hành chính cấp huyện

Bảng 2.7. Cơ cấu về mức độ của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phân theo diện tích 11 đơn vị hành chính cấp huyện

Bảng 2.8. Cơ cấu xét theo chế tài đã áp dụng

Bảng 2.9. Cơ cấu xét theo độ tuổi và giới tính của bị cáo

Bảng 2.10. Cơ cấu xét theo cư trú của bị cáo

Bảng 2.11. Cơ cấu xét theo tôn giáo của bị cáo

Bảng 2.12. Cơ cấu xét theo trình độ học vấn của bị cáo

Bảng 2.13. Cơ cấu xét theo nghề nghiệp của bị cáo

Bảng 2.14. Cơ cấu xét theo hoàn cảnh gia đình của người phạm các tội XPTDTE tại tỉnh Đồng Nai

Bảng 2.15. Cơ cấu xét theo đặc điểm tiền án, tiền sự của bị cáo

Bảng 2.16. Mối quan hệ của người phạm tội và nạn nhân trong các vụ phạm tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Bảng 2.17: Thống kê kết quả điều tra xã hội học đối với nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2012 -2016

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đồng Nai là một địa bàn trọng yếu ở khu vực miền Đông Nam Bộ có diện tích 5.907,2 km, chiếm 1,76% diện tích tự nhiên cả nước và 25,5% diện tích tự nhiên của vùng Đông Nam Bộ. Toàn tỉnh có 11 đơn vị hành chính, gồm: 01 đô thị loại 1 (thành phố Biên Hòa), 01 đô thị loại 3 (thị xã Long Khánh) và có 9 huyện (Long Thành, Nhơn Trạch, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom, Định Quán, Tân Phú Và Vĩnh Cửu) với 171 địa bàn hành chính cấp xã (29 phường, 06 thị trấn, 136 xã). Phía Đông tiếp giáp tỉnh Bình Thuận, phía Bắc tiếp giáp tỉnh Lâm Đồng, phía Tây Bắc giáp tỉnh Bình Dương và tỉnh Bình Phước, phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, phía tây giáp thành phố Hồ Chí Minh. Đồng Nai được coi là bản lề chiến lược, tiếp giáp giữa trung du và đồng bằng, là cửa ngõ của trục động lực phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam: thành phố Hồ Chí Minh – Đồng Nai – Bà Rịa Vũng Tàu nối liền với nhiều tuyến đườn huyết mạch đi qua như: Quốc lộ 1A, quốc lộ 20, quốc lộ 51, quốc lộ 56 và tuyến đường sắt Bắc Nam đã tạo điều kiện cho hoạt động phát triển kinh tế trong vùng cũng như giao thương với cả nước. Theo số báo cáo của cục thống kê năm 2016 dân số toàn tỉnh khoảng 3.100 triệu người, mật độ dân cư trung bình là 890 người/ km. Cơ cấu dân số nông thôn chiếm khoảng 66,3%, thành thị khoảng 33,7%; nam chiếm 49,2%, nữ giới chiếm 50,8%. Ngoài người Kinh, tỉnh Đồng Nai có nhiều người dân tộc anh em sinh sống với 33 dân tộc khác nhau chủ yếu là người Hoa, Khome, Chăm, Stiêng, Choro. Tỉnh Đồng Nai cũng là địa phương có thành phân tôn giáo đa dạng với 13 tôn giáo hoạt động, trong đó công giáo chiếm 29,9% dân số, Phật giáo chiếm khoảng 12,7%, Cao Đài khoảng 5,2%....[50]

Nhờ vị trí thuận lợi và nền văn hóa phong phú và đa dạng, nên Đồng Nai đã trở thành khu vực trọng điểm của vùng Đông Nam Bộ. Trong những năm qua, tình hình kinh tế - xã hội của Đồng Nai không ngừng phát triển, có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống nhân dân đều được nâng cao về mọi mặt. Công tác phòng, chống tội phạm nói chung và tội xâm phạm tình dục trẻ em nói riêng trên địa bàn tỉnh

Đồng Nai luôn được Tỉnh ủy Đồng Nai quan tâm chỉ đạo các cấp, các ngành, các cơ quan chức năng thường xuyên triển khai các biện pháp nhằm giữ vững ổn định chính trị, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phục vụ tích cực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tiến bộ, tích cực thì những năm gần đây, tình hình trật tự, trị an trên địa bàn tỉnh vẫn còn diễn biến phức tạp như tình trạng nhập cư, cư trú trái phép gia tăng, sự xâm nhập của văn hóa độc hại, lối sống thực dụng, các vấn đề tệ nạn xã hội tồn tại và biến động không ngừng, nhất là tình hình tội phạm, trong đó có các XPTDTE.

Theo báo cáo kết quả thụ lý, giải quyết các loại án của TAND tỉnh Đồng Nai, trong 5 năm từ năm 2012 đến năm 2016, TAND các cấp đã giải quyết 15430 vụ với 26.984 bị cáo; trong đó đã xét xử các tội XPTDTE là 438 vụ với 468 bị cáo. Cụ thể năm 2012 số vụ án XPTDTE 77 vụ với 85 bị cáo; năm 2013 số vụ án XPTDTE 87 vụ với 91 bị cáo; năm 2014 số vụ án XPTDTE 106 vụ với 115 bị cáo; năm 2015 số vụ án XPTDTE 85 vụ với 90 bị cáo; năm 2016 số vụ án XPTDTE 83 vụ với 87 bị cáo [42] và đang diễn ra theo chiều hướng gia tăng. Loại tội phạm này không chỉ xâm hại đến sự phát triển bình thường, lành mạnh của trẻ em, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tâm, sinh lý của trẻ về lâu dài, làm tổn thương tinh thần trẻ em cũng như gia đình của trẻ, nhiều vụ án gây phẫn nộ, gây bức xúc, nhức nhối trong dư luận.

Trong những năm qua, việc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và các tội xâm phạm tình dục nói riêng luôn được Đảng ủy và UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc đến các ngành, các cấp, triển khai, có nội dung, chương trình, kế hoạch và biện pháp cụ thể để tổ chức thực hiện trên tinh thần của các văn bản: Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP ngày 31/7/1998 của Chính Phủ về *“tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; Chỉ thị số 48 - CT/TU ngày 22/10/2010 của Bộ chính trị về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”*; Chỉ thị số 09 - CT/TU ngày 01/12/2011 của Ban bí thư Trung ương về *“tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ trong tình hình mới”*.

Tuy nhiên, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh mới chỉ trên tinh thần đấu tranh, phòng ngừa các loại tội phạm nói chung trên địa bàn tỉnh, chưa có chỉ đạo cụ thể và những giải pháp phù hợp để ngăn chặn, hạn chế nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình các tội XPTDTE cũng như phòng ngừa hiệu quả đối với loại tội phạm này. Để đấu tranh có hiệu quả đối với loại tội phạm này, một trong những vấn đề quan trọng là cần làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE. Vì vậy, tác giả đã lựa chọn nghiên cứu đề tài “*Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*” làm đề tài nghiên cứu luận văn Thạc sĩ Luật học, chuyên ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm; Mã số: 60.38.01.05.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Luận văn là một công trình nghiên cứu khoa học, nên không thể thiếu lý luận. Vì thế, các công trình nghiên cứu khoa học sau đây đã được nghiên cứu:

- Giáo trình “Tội phạm học” của GS.TS. Võ Khánh Vinh, NXB CAND, tái bản năm 2002, 2008;

- Tội phạm học Việt Nam – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Viện Nhà nước và Pháp luật, NXB. Công an nhân dân, năm 2000;

- Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam của TS. Phạm Văn Tĩnh, NXB. CAND, 2007;

Đấu tranh với tình hình tội phạm chống người thi hành công vụ ở nước ta hiện nay, một mô hình nghiên cứu tội phạm học chuyên ngành, Phạm Văn Tĩnh, Đào Bá Sơn, NXB. CAND, 2010;

Giáo trình “Tội phạm học” của trường Đại học Luật Hà Nội, NXB. CAND, 2012;

Giáo trình “Tội phạm học” của Học viện Cảnh sát nhân dân, NXB. CAND, 2002, 2013;

Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam, của Nguyễn Văn Cảnh và Phạm Văn Tĩnh, do Học viện Cảnh sát nhân dân, Bộ Công an ấn hành năm, 2013;

Trong thời gian vừa qua, vấn đề phòng ngừa và đấu tranh phòng, chống các tội XPTDTE đã được nghiên cứu trong một số công trình khoa học như: luận văn Thạc sĩ Luật học với các đề tài liên quan đến đấu tranh phòng chống các tội “xâm phạm tình dục trẻ em” của các tác giả ở một số tỉnh, thành trong cả nước - các giai đoạn trước năm 2016 như:

Đỗ Tiến Dũng (2012), Các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Dương: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam;

Nguyễn Vinh Huy (2012), các tội xâm phạm tình dục trẻ em theo pháp luật hình sự từ thực tiễn tỉnh Bình Phước, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam;

Diệp Huyền Thảo (2012), Các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Trà Vinh: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam;

Võ Công Sáu (2013), Tội xâm phạm tình dục đối với trẻ em trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam;

Nguyễn Văn Quý (2014), nguyên nhân và điều kiện của các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam;

Đỗ Minh Hiền (2014), nguyên nhân và điều kiện của các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam;

Nguyễn Ngọc Thắm (2014), nhân thân người phạm các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam;

Ngoài ra còn có một số công trình, bài viết đăng trên các tạp chí đề cập đến vấn đề nghiên cứu. Các đề tài, công trình nghiên cứu trên đã góp phần làm sáng tỏ về mặt lý luận cũng như tình hình và những giải pháp phòng, chống các tội XPTDTE em với khía cạnh tiếp cận, thời gian và địa bàn nghiên cứu khác nhau. Vì vậy, tác giả luận văn kế thừa các kiến thức cơ bản của tội phạm học ở những công trình nghiên cứu trước và cách tiếp cận trong việc nghiên cứu phòng ngừa tội phạm.

Tuy nhiên, vấn đề nguyên nhân và điều kiện của tình hình các XPTDTE ở tỉnh Đồng Nai chưa có công trình nghiên cứu một cách hệ thống, vì vậy tác giả thực

hiện đề tài “*Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*”.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu luận văn là xác định, làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, qua đó đề xuất các giải pháp khắc phục các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm để phòng ngừa có hiệu quả hơn đối với tội phạm này trong những năm tiếp theo.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận văn thực hiện những nhiệm vụ sau: Nghiên cứu sáng tạo, bao gồm:

- + Khái quát những vấn đề lí luận về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em.

- + Khái quát ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em.

- + Nghiên cứu, phân tích thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2012 - 2016.

- + Từ những thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em đề xuất các giải pháp phòng ngừa có hiệu quả các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2012 - 2016.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Luận văn được nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học thuộc chuyên ngành Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm.

Về tội danh, luận văn chỉ tập trung nghiên cứu các tội về XPTDTE quy định tại chương XII của BLHS năm 2015, gồm các tội: Tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112),

Tội cưỡng dâm trẻ em (Điều 114), Tội giao cấu với trẻ em (Điều 115), Tội dâm ô với trẻ em (Điều 116), tội Mua dâm người chưa thành niên (Điều 256).

Về không gian: luận văn được thực hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai: sử dụng số liệu thực tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm số liệu thống kê của các cơ quan tư pháp hình sự cấp tỉnh, đặc biệt của TAND và 145 bản án HSST của TAND các cấp trong tỉnh Đồng Nai.

Về không gian, luận văn nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2012 - 2016.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn vận dụng phép duy vật biện chứng và phép duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn TTATXH; các tri thức khoa học pháp lý của Tội phạm học, pháp luật hình sự, khoa học điều tra hình sự; thực tiễn phòng, chống các tội phạm XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai làm phương pháp luận để nghiên cứu đề tài.

Ngoài ra, đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu đặc thù của tội phạm học, cụ thể:

Phương pháp phân tích, tổng hợp: được sử dụng trong toàn bộ luận văn nhằm làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em.

Phương pháp thống kê: sử dụng trong thống kê số liệu của luận văn (phần phụ lục) nhằm khái quát tình hình chung của các XPTDTE thông qua các cơ cấu (theo độ tuổi, học vấn, nghề nghiệp...).

Phương pháp so sánh: sử dụng trong toàn bộ luận văn. Đối chiếu những nguyên nhân và điều kiện nào là quan trọng, hàng đầu cần phải ngăn chặn, từ đó đề ra các giải pháp phòng ngừa phù hợp, hiệu quả.

Phương pháp lịch sử: Có trong toàn bộ luận văn, thể hiện sự kế thừa của luận văn, phát huy sáng tạo có chọn lọc.

Phương pháp nghiên cứu bản án: nghiên cứu đầy đủ 145 bản án điển hình là những vụ án có nhiều tình tiết phức tạp, nghiên cứu xem nguyên nhân và điều kiện

được thể hiện trong bản án như thế nào nhằm làm rõ thực trạng nhận thức và làm sáng tỏ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em.

Phương pháp điều tra xã hội học: tác giả thực hiện việc khảo sát trên 200 người bằng các phiếu khảo sát có các câu hỏi nhiều lựa chọn và câu hỏi mở. Nhằm làm rõ thêm nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE là cơ sở để xây dựng các biện pháp phòng ngừa các tội XPTDTE một cách khoa học và hiệu quả hơn. Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần làm rõ hơn lý luận tội phạm học về phòng ngừa tội phạm nói chung và các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nói riêng.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận văn đã làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, từ đó đề ra các giải pháp phòng ngừa phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương. Do vậy, kết quả nghiên cứu của luận văn có thể giúp cá nhân, cơ quan, tổ chức tham khảo để vận dụng vào việc tuyên truyền, giáo dục nâng cao trình độ nhận thức cho quần chúng nhân dân và vận dụng trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong thời gian tới.

7. Cơ cấu của Luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phần nội dung của luận văn gồm có 3 chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em.

Chương 2: Thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong thời gian từ năm 2012 đến năm 2016.

Chương 3: Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và những vấn đề đặt ra đối với phòng ngừa hiện tượng tiêu cực này.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC TRẺ EM

1.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em

1.1.1. Khái niệm nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em

Thuật ngữ “Nguyên nhân” được định nghĩa tương đối thống nhất trong các từ điển Tiếng Việt hiện nay. Cụ thể, Theo từ điển tiếng Việt, nguyên nhân “là nhân tố tạo ra kết quả hoặc nảy sinh sự việc (đang nói đến)” và điều kiện là “cái cần phải có để cho một cái khác có thể xảy ra”.

Như vậy, có thể hiểu nguyên nhân là hiện tượng mà tác động của nó gây nên, làm biến đổi hay kéo theo sau nó các hiện tượng khác. Còn điều kiện như là chất xúc tác góp phần thúc đẩy nhanh một kết quả nào đó. Nguyên nhân và điều kiện là những yếu tố của một hệ thống tác động thống nhất làm sinh ra hậu quả.

Có thể thấy nguyên nhân - điều kiện dẫn tới kết quả, kết quả do nguyên nhân gây ra phụ thuộc vào những điều kiện nhất định. Điều kiện tuy không sinh ra kết quả, mà tạo điều kiện, bảo đảm cho hậu quả xảy ra. Về bản chất điều kiện là những sự kiện, hiện tượng, tình huống, hoàn cảnh nhất định.

Nếu tương tác là nguyên nhân cuối cùng thật sự của sự vật thì rõ ràng là trong bất cứ trường hợp nào, suy cho cùng, nguyên nhân bao giờ cũng là tương tác giữa các mặt trong một sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây nên những biến đổi nhất định; còn kết quả là những biến đổi xuất hiện do sự tác động lẫn nhau của các mặt trong một sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau [22, tr.245]

Việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm chính là việc nghiên cứu quy luật phát sinh và tồn tại tội phạm. Nội dung này thuộc về đối tượng nghiên cứu của tội phạm học. Với tư tưởng, tội phạm học Việt Nam cũng như các khoa học pháp lý hình sự khác, không có lý luận riêng về quan hệ nhân - quả, mà chỉ cụ thể hóa nội dung cặp phạm trù nhân - quả của triết học Mác- xít vào lĩnh

vực nghiên cứu của mình và theo đó những khái niệm của cặp phạm trù này được hiểu và vận dụng trong tội phạm học.

Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm là tổng hợp những ảnh hưởng và quá trình xã hội, xác định tình hình tội phạm là hậu quả của chúng. Đó là toàn bộ những hiện tượng, quá trình xã hội làm phát sinh tình hình tội phạm.

Giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Về bản chất, điều kiện không dẫn đến việc thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, nếu không có các điều kiện thuận lợi thì nguyên nhân cũng không thể thể hiện được bản chất của mình - không thể làm nảy sinh tội phạm. Nguyên nhân và điều kiện luôn luôn tồn tại độc lập và đứng bên cạnh nhau như những tiền đề không thể thiếu được của tội phạm nói chung và tội phạm cụ thể nói riêng.

Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm không phải là những ảnh hưởng của quá trình xã hội tồn tại vĩnh viễn và cố định. Chúng có thể chuyển hóa lẫn nhau hoặc có thể bị triệt tiêu bởi những yếu tố tích cực của xã hội.

Khi đề cập đến nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm nói chung, GS.TS Võ Khánh Vinh cho rằng: *“Nguyên nhân của tình hình tội phạm là những hiện tượng xã hội tiêu cực ở trong mối liên hệ tương tác hai mức độ sinh ra và tái sản xuất ra tình hình tội phạm như là hậu quả tất yếu của mình. Điều kiện của tình hình tội phạm là những hiện tượng xã hội tiêu cực, tự mình không sinh ra tình hình tội phạm và các tội phạm, mà là hỗ trợ, làm dễ dàng và tăng cường cho sự hình thành và hoạt động của các nguyên nhân”* [60, tr. 87].

Dựa trên quan điểm của triết học Mác xít về quan hệ Nhân quả áp dụng nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của THTP, cho thấy: Nguyên nhân là phạm trù chỉ sự tác động qua lại giữa các mặt trong một sự vật, hiện tượng với nhau, gây ra sự biến đổi nhất định gọi là kết quả. Về bản chất, nguyên nhân không phải là một hiện tượng hay sự vật nào đó mà nguyên nhân chỉ có thể là sự tác động qua lại của nhiều hiện tượng, nhiều yếu tố. Không có sự tác động qua lại của nhiều hiện tượng, nhiều yếu tố thì không có nguyên nhân. Để nguyên nhân sinh ra kết quả nhất định nào đó, thì quá trình tương tác phải diễn ra trong điều kiện nhất định.

Như vậy điều kiện của tình hình tội phạm đó là những hiện tượng, sự kiện, tình huống...không tự mình sinh ra tình hình tội phạm mà hỗ trợ, thúc đẩy phát sinh tình hình tội phạm. Ví dụ: đó là những khiếm khuyết, thiếu sót trong hoạt động kinh tế của các khâu quản lí cụ thể...

Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, theo nguồn gốc và bản chất của mình mang tính chất xã hội. Chúng bao giờ cũng nằm trong hệ thống các mâu thuẫn của xã hội. Tương tự như vậy bản chất của hậu quả của tình hình tội phạm do các nguyên nhân và điều kiện đó sinh ra cũng mang tính chất xã hội.

Từ những điểm phân tích khái niệm nguyên nhân và điều kiện của tội phạm nói chung, chúng ta có thể rút ra nguyên nhân và điều kiện của các tội XPTDTE là đi sâu làm rõ các yếu tố tiêu cực thuộc về môi trường sống bên ngoài và yếu tố tâm - sinh lý tiêu cực bên trong thuộc về cá nhân con người mà trong những tình huống, hoàn cảnh nhất định dẫn đến việc thực hiện một hành động nguy hiểm cho xã hội mà Luật Hình sự quy định là tội phạm xâm phạm tình dục trẻ em

Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định các tội về XPTDTE gồm các tội: Tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112), Tội cưỡng dâm trẻ em (Điều 114), Tội giao cấu với trẻ em (Điều 115), Tội dâm ô với trẻ em (Điều 116). Các tội này đã xâm phạm vào khách thể là quyền bất khả xâm phạm về tình dục, nhân phẩm, danh dự được biểu hiện ở hành vi khách quan là giao cấu trái pháp luật hoặc dâm ô với người khác, người thực hiện tội phạm với lỗi cố ý và có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. [23]

Như vậy, về mặt lý thuyết, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm là hai phạm trù khác nhau, giữ vai trò khác nhau trong việc sinh ra kết quả- THTP. Giữa nguyên nhân và điều kiện của THTP luôn luôn đi liền với nhau không tách rời nhau, sự phân biệt đâu là nguyên nhân, đâu là điều kiện chỉ mang tính tương đối. hơn nữa, thực tế đấu tranh và phòng ngừa tội phạm lại luôn đòi hỏi loại trừ cả những gì thuộc về nguyên nhân và loại trừ cả những gì thuộc về điều kiện phát sinh tội phạm.

1.1.2. Ý nghĩa nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em

Trong tội phạm học, việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm là vấn đề vô cùng quan trọng. Bởi mục đích cuối cùng của tội phạm học nói chung là làm giảm đến mức thấp nhất số lượng tội phạm xảy ra trong xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Mà muốn làm giảm tình hình tội phạm thì vấn đề quan trọng là phân tích làm rõ nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm. Nếu không hiểu được những gì là nguyên nhân, những gì là điều kiện của tình hình tội phạm thì định hướng của hoạt động phòng ngừa sẽ không đúng, các biện pháp phòng ngừa sẽ không trúng. Do đó, nghiên cứu một cách sâu sắc, toàn diện nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE sẽ mang lại nhiều ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn sau:

- *Việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE là cơ sở để xây dựng các biện pháp phòng ngừa các tội XPTDTE một cách khoa học và hiệu quả.*

Việc tìm ra quy luật phát sinh, tồn tại, phát triển của tình hình các tội XPTDTE để chủ động những điều kiện cần thiết là hoạt động tư duy có định hướng chiếm vị trí rất quan trọng trong đấu tranh nhằm kiềm chế, đẩy lùi các tội phạm XPTDTE trong xã hội. Thực tế đã chỉ ra rằng, không thể áp dụng các biện pháp phòng, chống các tội phạm XPTDTE khi chúng ta không hiểu được từ đâu mà tội phạm được sinh ra, dưới điều kiện nào mà tội phạm được tồn tại, phát triển trong những giai đoạn nhất định. Đấu tranh phòng, chống các tội XPTDTE có kết quả chỉ khi sử dụng các biện pháp thủ tiêu cho được những nguyên nhân và điều kiện phạm tội. Như vậy, hạt nhân của việc nghiên cứu các biện pháp đấu tranh phòng, chống các tội XPTDTE phải tìm ra được nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE. Nếu không nêu được, hoặc nêu không đúng, không chính xác nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE thì định hướng cho cuộc đấu tranh này sẽ không đúng, không đạt được hiệu quả.

- Nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE còn góp phần cho việc hoạch định chính sách pháp luật nói chung và các chính sách hình sự nói riêng.

Cuộc đấu tranh phòng ngừa tội phạm luôn luôn phải có sự hỗ trợ của pháp luật, chỉ có trên cơ sở các quy định của pháp luật mới con người ta mới có cách nhìn đúng đắn về hành vi xử sự của mình. Khi nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội XPTDTE sẽ góp phần hoàn thiện các văn bản pháp luật cũng như chính sách hình sự, chính sách xã hội để loại trừ dần các yếu tố làm phát sinh tội phạm.

Khi làm sáng tỏ các nguyên nhân và điều kiện sẽ giúp các cơ quan chức năng chủ động hơn (có kế hoạch dự liệu từ trước), có biện pháp tiến hành hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm hiệu quả hơn. Mục đích là ngăn chặn các yếu tố, điều kiện có thể làm phát sinh tội phạm, không để các yếu tố có nguy cơ phát triển chứ không phải là bị động trong việc loại trừ các nguyên nhân và điều kiện đã xảy ra và phát triển rồi khắc phục chúng. Chẳng hạn, để ngăn chặn và loại trừ nguyên nhân của tình hình các tội XPTDTE, các cơ quan chức năng có thể đi sâu vào việc tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật, đạo đức để hình thành, phát triển nhân cách con người hiện đại, hướng thiện, có phẩm chất tốt, lối sống lành mạnh, tôn trọng tuyệt đối các quyền, lợi ích của người khác đặc biệt là tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người. Và như vậy cũng tôn trọng chính bản thân, chính tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của mình.

Như vậy, việc nghiên cứu các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE suy cho cùng nhằm mục đích là soạn thảo và sau đó là thực hiện các biện pháp pháp được lập luận về mặt khoa học có khả năng tạo điều kiện cho việc đấu tranh có kết quả với các hiện tượng xã hội tiêu cực, làm giảm, hạn chế tính phổ biến của chúng và cuối cùng từng bước khắc phục chúng.

- Nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE là cơ sở cho việc hoạch định các chính sách phát triển kinh tế xã hội một cách phù hợp giảm thiểu các mâu thuẫn xã hội là nguyên nhân làm phát sinh tình hình các tội XPTDTE nói riêng và tình hình tội phạm nói chung.

Nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE còn góp phần cung cấp những thông tin hữu ích cho các ngành khoa học pháp lý nói chung sử dụng làm tài liệu để tiếp tục đi sâu nghiên cứu, xem xét đối tượng của mình, đồng thời làm cơ sở áp dụng các phương pháp, biện pháp trong thực tế phòng chống tội phạm. Thực tế đã chỉ ra nguồn gốc phát sinh tội phạm không chỉ ở những hiện tượng tiêu cực mà ngay trong quá trình phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa chưa thể hoàn thiện, khép kín toàn bộ vấn đề đường lối, chính sách, chủ trương, tổ chức thực hiện mà còn tạo nên sơ hở xảy ra tội phạm. Có những chính sách kinh tế, xã hội nếu đứng từ một góc độ kinh tế hoặc xây dựng thì đem lại một hiệu quả nhất định, nhưng đứng ở góc độ khác thì nó lại tạo ra sơ hở và được coi là nguồn gốc làm phát sinh hoặc tạo điều kiện cho tội phạm tồn tại. Do đó, việc hoạch định các chính sách phát triển kinh tế, xã hội làm sao để tạo công ăn việc làm, giảm tình trạng thất nghiệp, nâng cao đời sống nhân dân là những giải pháp nhằm tác động làm mất đi nguyên nhân, điều kiện của tội XPTDTE.

1.2. Phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em

Các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm XPTDTE rất đa dạng và có những mức tồn tại, thể hiện khác nhau. Do đó, để nhận thức chung về mặt khoa học và về thực tiễn cần phải phân loại chúng.

Theo GS.TS. Võ Khánh Vinh thì *“Trong tội phạm học, tùy thuộc vào nhiệm vụ của việc nghiên cứu người ta sử dụng việc phân chia các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm theo các cách khác nhau”* [60, tr.93]. Việc phân loại các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm được tiến hành theo các tiêu chí về cơ chế, mức độ tác động, nội dung tác động và bản chất của sự tồn tại [60, tr.90]. Việc phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm là để chỉ ra cho được toàn bộ các yếu tố làm phát sinh tình hình tội phạm. Từ đó có những biện pháp cụ thể phù hợp tác động vào các yếu tố đó nhằm mục đích ngăn chặn, hạn chế và loại bỏ chúng - phòng ngừa tình hình tội phạm có hiệu quả.

Việc phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE có

thể căn cứ trên cơ sở của cơ chế hành vi phạm tội. Đây là cách phân loại vừa có tính lý luận vừa có tính khả thi cao, mở ra nhiều khả năng tiếp cận những nguyên nhân gần nhất, trực tiếp nhất dẫn đến vi phạm pháp luật ở mức độ tội phạm. Đồng thời nó cũng chỉ ra những cơ sở thiết thực và vững chắc cho công tác đấu tranh và phòng ngừa tội phạm ở những mức độ khác nhau.

Nghiên cứu cơ chế hành vi phạm tội là hướng xuất phát từ động lực của hành vi và đi tìm điểm xuất phát của hành vi phạm tội. Tức xem hành vi phạm tội là một quá trình diễn ra theo thời gian và không gian hàm chứa những hành động khách quan bên ngoài tạo nên cấu thành tội phạm và các hiện tượng, các quá trình tâm lý xảy ra trước đó, quy định việc thực hiện tội phạm. Sự vận hành của hành vi phạm tội chính là cơ chế và cơ chế hành vi có hai quá trình kế tiếp nhau và phụ thuộc lẫn nhau: quá trình thứ nhất được gọi là quá trình tương tác nhập tâm, được bắt đầu từ khi sinh ra cho đến khi chủ thể hành vi có được động lực thực hiện hành vi phạm tội, tức là có được động cơ tư tưởng. Quá trình này tuy kéo dài, song nó chỉ diễn ra trong đầu óc con người; quá trình thứ hai là quá trình tương tác xuất tâm, đây là quá trình mà hành vi phạm tội được bộc lộ ra bên ngoài thông qua hoạt động kế hoạch hóa và hiện thực hóa hành vi. Nói cách khác, quá trình tương tác xuất tâm không chỉ có biểu hiện hành vi cụ thể nào đó, mà còn phản ánh quá trình tương tác nhập tâm. Hai quá trình tương tác này là khác nhau, phụ thuộc nhau, phản ánh lẫn nhau, nên việc kiến tạo các biện pháp phòng ngừa trên chúng cũng khác nhau, trong đó, các biện pháp phòng ngừa được kiến tạo trên cơ sở của quá trình nhập tâm thì gọi là “đẩy lùi tội phạm”, các biện pháp còn lại thì gọi là “ngăn chặn tội phạm”.

Trên cơ sở lý luận về hai quá trình như vậy, việc phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE ở đây đã được thực hiện

1.2.1. Những nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình tương tác nhập tâm

Quá trình tương tác nhập tâm là quá trình con người chuyển từ phía môi trường sống vào bản thân mình những quy luật bản chất của thế giới để tạo thành tâm lý, ý thức, nhân cách của bản thân, bằng cách chiếm lĩnh thế giới. Quá trình tương tác nhập tâm diễn ra trong đầu óc con người, kéo dài từ khi sinh ra cho đến khi có động cơ tư

tưởng (động cơ hóa hành vi) và được bộc lộ ra bên ngoài thông qua quá trình tương tác xuất tâm. Chính những yếu tố tiêu cực thuộc quá trình này đã tạo cho chủ thể hành vi một nhân thân xấu dần và “đột phá” khi xác định cho mình động lực để phạm tội – động cơ tư tưởng.

1.2.1.1. Những nguyên nhân và điều kiện khách quan.

Trong tội phạm học, việc phân chia các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm theo dấu hiệu khách quan là bắt nguồn từ những quy luật cơ bản của sự phát triển xã hội. Việc khắc phục các nguyên nhân và điều kiện này tùy thuộc vào chế độ xã hội mà giai cấp thống trị lựa chọn. Sự hình thành, phát triển nhân cách của một con người với tính chất là một thực thể xã hội bắt đầu từ khi người đó sinh ra và trải qua một quá trình tương tác lâu dài giữa các yếu tố khách quan thuộc môi trường sống với các yếu tố chủ quan thuộc về ý thức của con người. Trong quá trình tương tác đó cá nhân chịu sự tác động của môi trường sống (chứa đựng yếu tố thuận lợi và yếu tố không thuận lợi) làm biến dạng nhân cách, làm xuất hiện những nhu cầu, lợi ích lệch chuẩn mực xã hội của một đối tượng luôn được coi là nguyên nhân và điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội XPTDTE. Nhưng nguyên nhân và điều kiện này tác động lên đối tượng trong một khoảng thời gian dài khi người đó tham gia vào một môi trường hoạt động giao tiếp không thuận lợi và chịu sự tác động đó như thế nào là do từng cá nhân; yếu tố thuận lợi sẽ tác động hình thành nhân cách tốt, yếu tố không thuận lợi sẽ tác động hình thành nhân cách xấu. Chính những đặc điểm nhân cách xấu này kết hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể và sự thiếu bản lĩnh trước mọi cám dỗ tiêu cực dễ làm phát sinh hành vi phạm tội. Tuy nhiên, các yếu tố tác động từ bên ngoài không được xem là nguyên nhân của tội XPTDTE mà chỉ là điều kiện bởi vì không ai phải ai rơi vào môi trường không thuận lợi cũng đều phạm tội. Trong phạm vi mục này, tác giả tập trung làm rõ những nhân tố không thuận lợi từ môi trường sống ảnh hưởng đến việc hình thành và phát triển nhân cách người phạm tội

a) Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường gia đình

Gia đình là một thiết chế xã hội đặc thù, một hình ảnh "xã hội thu nhỏ" cơ bản nhất của xã hội. Gia đình là môi trường đầu tiên, có vai trò quan trọng trong việc hình

thành và phát triển nhân cách của một con người, cũng chính trong gia đình mỗi con người học được cách cư xử với người xung quanh và xã hội. Do đó, con người được sống trong môi trường gia đình an toàn, lành mạnh, hòa thuận, yêu thương chăm sóc lẫn nhau, luôn chú trọng giáo dục nhân cách, hướng con người sống thiện, trung thực và nhân hậu thì sẽ hình thành nhân cách tốt. Ngược lại nếu con người sống trong môi trường không lành mạnh, gia đình không an toàn thì dễ hình thành nhân cách tiêu cực. Các yếu tố tiêu cực từ môi trường gia đình là nhân tố có thể kiểm soát hay tạo cơ hội cho sự phát triển của tội XPTDTE thực hiện.

- Gia đình khuyết thiếu: (không có cha, không có mẹ, hoặc không có cả cha và mẹ, cha mẹ ly hôn). Trẻ sống trong gia đình khuyết thiếu thường thiếu tình thương của cha mẹ, sự quan tâm, chăm sóc, dạy bảo của cha mẹ dẫn đến tự tin, mặc cảm, bi quan, chán nản..., không lo học hành, dễ bị dụ dỗ, lôi kéo sa vào các tệ nạn xã hội dẫn đến con đường phạm tội.

- Gia đình đông con: Thiếu sự quan tâm dạy dỗ, chăm sóc của cha mẹ, cha mẹ bận làm việc nên không có thời gian gần gũi quan tâm, trẻ thường sống ít kỷ, coi thường tình cảm, các giá trị đạo đức, thậm chí coi thường pháp luật dẫn đến cách xử sự không phù hợp. Sống trong gia đình đông con trẻ thường thiếu thốn về vật chất và tình cảm, ngại giao tiếp, thấy bất công, dễ bị sa ngã.

- Gia đình không hòa thuận, hạnh phúc, thường xuyên cãi, chửi nhau, thậm chí đánh đập trẻ. Sống trong môi trường gia đình này trẻ thường ám ảnh về mặt tinh thần, tâm lý trẻ thường xuyên buồn chán, thất vọng, coi thường bố mẹ, không tôn trọng, không vâng lời, lì lợm, coi thường những giá trị đạo đức, không có ý thức tôn trọng pháp luật.

- Gia đình có người thân vi phạm pháp luật: Cha hoặc mẹ không gương mẫu trong lối sống như có hành vi phạm tội, sa đà vào tệ nạn xã hội như nghiện hút, cờ bạc, mại dâm hoặc có lối sống thực dụng coi nhẹ các giá trị đạo đức, giá trị pháp luật. Ở trong gia đình có hoàn cảnh này trẻ sẽ hình thành tâm lý bất cần, thờ ơ, coi thường pháp luật, khi gặp tình huống thuận lợi trẻ bất chấp điều đó là vi phạm pháp luật sẵn sàng thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, thậm chí xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác.

b) Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường nhà trường

Nếu gia đình là môi trường đầu tiên có vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển nhân cách của một con người thì môi trường giáo dục là môi trường thứ hai giáo dục và rèn luyện nhân cách con người. Nhà trường có vai trò quan trọng trong rèn luyện trí thức nền tảng đạo đức, kỹ năng sống của người công dân tương lai của xã hội. Do đó nếu sống trong môi trường giáo dục có nhiều nhân tố lành mạnh sẽ đào tạo ra những con người sống có hoài bão, có lý tưởng tốt đẹp, trở thành một công dân có ích cho xã hội. Ngược lại môi trường giáo dục có nhiều nhân tố không lành mạnh thì cũng có thể ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách lệch lạc của cá nhân. Những nhân tố không lành mạnh trong môi trường giáo dục bao gồm:

- Kỷ luật nhà trường lỏng lẻo, không nghiêm, bạo lực học đường, việc xử lý những biểu hiện sai trái của học sinh chưa triệt để, thiên vị, dẫn đến mất niềm tin vào sự công bằng trong nhà trường làm cho các em buồn chán, thất vọng, sợ đến trường, mất niềm tin, dễ bị lôi kéo tham gia vào các hoạt động tiêu cực, không lành mạnh như thường xuyên trốn học, đua đòi, sử dụng bạo lực với bạn bè. Với môi trường này hình thành nên nhân thân xấu của trẻ như chống đối, coi thường, thích dùng vũ lực để giải quyết mọi vấn đề mọi tình huống. Vì vậy, khi gặp điều kiện thuận lợi trẻ dễ dàng coi thường các giá trị đạo đức thậm chí là coi thường pháp luật, dễ dàng phạm tội như XPTDTE.

- Thiếu sự gương mẫu của thầy cô giáo trong lối sống, đạo đức, thậm chí lôi kéo các em vào lối sống không lành mạnh, làm tổn hại đến các em như có hành vi dụ dỗ các em học sinh nữ vào quan hệ tình dục khi các em còn nhỏ tuổi, dẫn đến các em coi thường Thầy cô giáo, chán nản, lo sợ, thất vọng, bất tuân lệnh, không vâng lời, coi thường các giá trị đạo đức nhân cách và khi gặp các tình huống thuận lợi, trẻ sẽ lựa chọn cách xử sự trái pháp luật như xâm phạm đến sức khỏe, danh dự của người khác.

- Thiếu giáo dục kỹ năng sống, phương pháp giáo dục chưa khoa học, sử dụng các phương pháp phi giáo dục, quá tải về nội dung làm cho các em áp lực, chính những nguyên nhân đó hình thành nên các đặc điểm xấu như: chán nản, học đối phó nảy sinh tính lừa dối, hình thức, chán học đua đòi theo bạn bè bỏ học tụ tập bạn bè xấu tham gia vào các tệ nạn xã hội. Trong điều kiện giáo dục này khi gặp điều kiện thuận lợi trẻ sẽ

xử sự theo cảm tính, nghe theo sự xúi giục, lôi kéo của bạn bè xấu thực hiện hành vi phạm tội như hiếp dâm trẻ em, giao cấu với trẻ em mà không cần biết được hậu quả như thế nào.

- Thiếu sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình; gia đình không quan tâm, ỷ lại, giao phó việc quản lý giáo dục cho nhà trường. Còn nhà trường chỉ thực hiện nhiệm vụ truyền đạt kiến thức mà không có phương pháp giáo dục cho học sinh một cách toàn diện, theo dõi uốn nắn kịp thời các trường hợp cá biệt. Chính vì thiếu sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình dẫn đến trẻ bỏ học, rơi vào các tệ nạn xã hội, dễ dẫn đến hành vi phạm tội. Trong điều kiện thiếu sự quan tâm, theo dõi của nhà trường và gia đình trẻ hình thành nên tính lừa dối, đua đòi theo bạn bè, thiếu bản lĩnh, dễ dàng tham gia vào các băng nhóm xã hội, phạm tội nhằm thỏa mãn nhu cầu lợi ích các nhân.

c) Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường bạn bè

Môi trường bạn bè cũng có ảnh hưởng vô cùng quan trọng trong việc hình thành các đặc điểm nhân cách của con người. Bởi là bạn bè đồng trang lứa thì có những suy nghĩ, nhìn nhận, quan điểm, thái độ, tâm sinh lí lứa tuổi giống nhau. Nếu trẻ kết bạn với người bạn tốt, trẻ sẽ hình thành các đặc điểm nhân thân tích cực như chăm chỉ học tập, biết quan tâm, lo lắng, lễ phép, có ý thức tôn trọng đạo đức, tôn trọng pháp luật, trở thành người có ích cho xã hội... Nhưng khi kết bạn với những người bạn xấu, trẻ rất dễ học theo những tính xấu của bạn bè như lười học, đua đòi, chơi bời, hưởng thụ... dễ sa ngã hay dễ bị kích động, thích thể hiện bản thân, thiếu khả năng kiểm soát bản thân dễ dàng dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật như phạm tội XPTDTE để thỏa mãn nhu cầu của bản thân cũng như thể hiện với bạn bè mà không biết đó là hành vi vi phạm pháp luật như giao cấu với trẻ em.

đ) Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường kinh tế, xã hội

Kinh tế Việt Nam đang trên đà phát triển, từng bước thoát khỏi trạng thái suy giảm; thế và lực, uy tín quốc tế của đất nước được nâng lên; nhiều cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, bảo đảm an sinh xã hội được triển khai thực hiện kịp thời; quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại giữa Việt Nam với các quốc gia trên thế giới

tiếp tục phát triển, đời sống người dân được nâng lên. Tuy nhiên cùng với sự phát triển của nền kinh tế thì cũng bộc lộ một số vấn đề như: sự yếu kém trong việc quản lý kinh tế dẫn đến lạm phát, giá cả tăng cao, các vấn đề phúc lợi xã hội chưa đảm bảo; các chính sách pháp luật còn hạn chế, tỉ lệ thất nghiệp còn cao.

Bên cạnh đó, sự phát triển kinh tế xã hội không đồng đều giữa thành thị và nông thôn, sự phân hóa giàu nghèo giữa hai khu vực thành thị và nông thôn ngày càng rõ rệt. Những đặc điểm đó là yếu tố có tác động hình thành một số đặc điểm nhân thân tiêu cực của người phạm tội nói chung và người phạm tội XPTDTE như: coi trọng đồng tiền, bất công, chán nản, thích hưởng thụ vật chất, lười lao động, sa đà vào các tệ nạn xã hội, coi thường các giá trị đạo đức, coi thường pháp luật, thậm chí nảy sinh tâm lí chống đối xã hội, dễ dàng thực hiện hành vi phạm tội, trong đó có hành vi XPTDTE.

e) Môi trường văn hóa, tư tưởng, đạo đức

Trải qua quá trình giao lưu, tiếp xúc với văn hóa của các quốc gia, các dân tộc khác nhau đã đem lại cho nhân dân ta đời sống văn hóa, tinh thần phong phú và đậm đà, những nét đặc sắc của lối sống dân tộc Việt Nam được nâng cao trên nền văn hóa tổng hợp có tính quốc tế và đầy trí tuệ của thời đại, nhiều giá trị truyền thống của dân tộc được phát huy, nhiều chuẩn mực văn hóa, đạo đức mới được hình thành.

Tuy nhiên kết quả phát triển văn hóa chưa tương xứng với phát triển kinh tế, chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, nhất là khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, tình trạng phổ biến, tiếp thu thiếu chọn lọc những sản phẩm văn hóa không phù hợp từ nước ngoài (băng đĩa, phim ảnh khiêu dâm, sách ảnh bạo lực, sản phẩm tình dục...); sản phẩm văn hóa, văn học nghệ thuật kém chất lượng, phản cảm vẫn được xuất bản, lưu hành, truyền bá. Tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống trong một bộ phận thanh thiếu niên và xã hội có chiều hướng gia tăng; các giá trị đạo đức truyền thống bị xói mòn.

Bên cạnh đó, việc xây dựng đời sống văn hóa, môi trường văn hóa lành mạnh còn nhiều hạn chế, công tác giáo dục đạo đức, lối sống ở cơ sở, trong cộng

đồng dân cư chưa cao. Công tác quản lý nhà hàng, khách sạn, quán trọ, quán cà phê sân vườn...còn hạn chế, quản lý còn lỏng lẻo, yếu kém, thiếu kinh phí, thiếu lực lượng đã tạo điều kiện sơ hở cho hành vi phạm tội. Việc quản lý chưa có giải pháp hữu hiệu trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa. Những yếu tố trên có ảnh hưởng nhất định đến việc hình thành phát triển nhân cách của con người, những nhân cách lệch lạc đó kết hợp với điều kiện và hoàn cảnh thích hợp dẫn đến hành vi phạm tội, nhất là các hành vi phạm tội XPTDTE.

1.2.1.2. Nguyên nhân và điều kiện chủ quan

Việc nghiên cứu các yếu tố tiêu cực thuộc về cá nhân người phạm các tội XPTDTE bao gồm những yếu tố tiêu cực thuộc ý thức cá nhân (ý thức đạo đức, ý thức pháp luật) và những biểu hiện tiêu cực trong lối sống cá nhân.

Nghiên cứu quá trình này là tìm ra động lực thúc đẩy con người ta hành động, từ đó lý giải vì sao trong cùng một môi trường sống thì có người phạm tội nhưng có người không phạm tội. Các yếu tố thuộc về chủ quan người phạm các tội XPTDTE cá nhân gồm có quá trình “động cơ hóa hành vi phạm tội” diễn ra trong suy nghĩ người phạm tội, còn những động lực của hành vi như nhu cầu, sở thích, lợi ích, thói quen... lại là những yếu tố không phải lúc nào cũng ở trong con người, mà chúng do môi trường bên ngoài quy định. Điều đó có nghĩa là, động cơ hóa hành vi là quá trình tâm – sinh lý – xã hội. Quá trình này có cơ sở khách quan do điều kiện xã hội, do hoàn cảnh sống cụ thể của mỗi con người mang lại.[40, tr.33.]

Trên cơ sở nghiên cứu toàn diện về nguyên nhân và điều kiện khách quan, nguyên nhân từ phía người phạm tội, sự tác động qua lại giữa môi trường sống và người phạm tội thì việc đưa ra giải pháp phòng ngừa tội phạm mới có hiệu quả và giải quyết tận gốc nguyên nhân phát sinh tội phạm.

Yếu tố ý thức của người phạm tội XPTDTE có ý nghĩa quyết định thực hiện hành vi phạm tội của họ. Chủ thể phạm tội XPTDTE thường có trạng thái tâm lý ở dưới các góc độ tâm lý như: tâm lý cá nhân, tâm lý xã hội, tâm lý pháp luật. đa phần trong ý thức của họ sai lệch về nhu cầu, sở thích, cách thỏa mãn nhu cầu tình dục thấp hèn của mình, dẫn đến hành động theo thói quen cảm tính.

Sở thích là những hoạt động thường xuyên hoặc thói quen đem lại cho con người niềm vui, sự phấn khởi trong cuộc sống. Sở thích cũng nói lên sự hứng thú, thái độ ham thích đối với một số đối tượng nhất định. Nếu con người có những sở thích lành mạnh thì hình thành ở người đó nhân cách đúng đắn. Ngược lại, con người có sở thích không lành mạnh, tiêu cực sẽ hình thành ở cá nhân đó nhân cách lệch lạc như sống ít kỷ, hưởng thụ, sống buông thả, coi thường chuẩn mực đạo đức... Người phạm tội XPTDTE thường là người có trình độ học vấn thấp, quan niệm sai về các giá trị cuộc sống, không hiểu biết hoặc hiểu biết rất ít pháp luật nên thường có thái độ thờ ơ, coi thường pháp luật những sai lệch trong ý thức pháp luật cũng là một trong những yếu tố tác động trong cơ chế làm phát sinh tội phạm khi gặp những hoàn cảnh, tình huống cụ thể họ sẽ không kiềm chế, kiểm soát được hành vi của mình, xử sự không đúng đắn và có hành vi vi phạm pháp luật.

1.2.2. Nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình tương tác xuất tâm

Quá trình tương tác xuất tâm là quá trình bộc lộ tâm lý, ý thức, đặc biệt là ý thức pháp luật ra bên ngoài thông qua hoạt động kế hoạch hóa và hiện thực hóa hành vi. Nói cách khác, quá trình tương tác xuất tâm không chỉ có biểu hiện hành vi cụ thể nào đó, mà còn phản ánh quá trình tương tác nhập tâm.

1.2.2.1. Nguyên nhân và điều kiện chủ quan

a) Những nguyên nhân và điều kiện thuộc về chủ thể thực hiện hành vi phạm tội

Những nguyên nhân phát sinh, phát triển thuộc bản thân người phạm tội xuất phát từ những nhu cầu, hứng thú thấp kém với những thói hư, tật xấu và đặc biệt là biện pháp để thỏa mãn nhu cầu. Đó là những nguyên nhân và điều kiện thuộc yếu tố tâm - sinh lý của chủ thể hành vi phạm tội bao gồm:

Sai lệch ý thức cá nhân: Nói đến tâm - sinh lý của con người là nói đến nhu cầu. Con người có nhu cầu nhưng đồng thời cũng có ý thức về nhu cầu và cách thức, con đường để thỏa mãn nhu cầu. Cách thức, con đường sai trái để thỏa mãn nhu cầu (tức vượt quá chuẩn mực của pháp luật, của cộng đồng xã hội) chính là nguyên nhân trực tiếp của các hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm. Chỉ khi nào có ý thức sai về con đường thỏa mãn nhu cầu sinh lý, tình dục mới có thể trở thành nguyên nhân trực tiếp

của việc phạm tội XPTDTE và quá trình suy thoái nhân cách của tội phạm có biểu hiện đầu tiên là suy thoái đạo đức, tiếp theo đó là sự đổ vỡ của hệ thống các chuẩn mực giá trị xã hội trong tâm lý họ. Từ sự suy thoái nhân cách dẫn đến lệch chuẩn của các hiện tượng tâm lý khác như: sự lệch lạc về động cơ, nhu cầu, hứng thú, thế giới quan và cuối cùng là hình thành các động cơ thúc đẩy thực hiện hành vi phạm tội

Ngoài những sai lệch về tâm lý, người phạm tội còn bị ảnh hưởng bởi chính yếu tố thể chất của cá nhân tội phạm này. Trước hết, họ là những con người thiếu giáo dục hoặc không tiếp nhận sự giáo dục của gia đình và xã hội dẫn đến nhận thức xã hội, ý thức trách nhiệm xã hội và ý thức trách nhiệm công dân thấp kém. Những cá nhân này phần lớn có tính cách cá nhân tiêu cực, trụy lạc không biết kiềm chế, lòng ham muốn dục vọng thấp hèn, tầm nhận thức hạn chế làm cơ sở và động lực của hành vi phạm tội. Yếu tố này là nguyên nhân trực tiếp của tội XPTDTE. Hiện nay, có nhiều quan điểm, cách nhìn nhận sai lệch và vì để thỏa mãn nhu cầu tình dục mà họ bất chấp pháp luật, đạo đức, lối sống, thuần phong mỹ tục và những truyền thống, tập quán của dân tộc.

Tuy nhiên, tâm lý trụy lạc, lòng ham muốn dục vọng thấp hèn không biết kiềm chế, tầm nhận thức hạn chế, lỗ mãng không phải là những thứ có sẵn, bẩm sinh trong con người phạm tội. Là tổng hòa các quan hệ xã hội, con người luôn bị tác động bởi hoàn cảnh, môi trường bên ngoài. Các yếu tố bên ngoài tác động vào nhu cầu, ý thức, tư tưởng, tình cảm của con người. Tác động biện chứng giữa yếu tố bên ngoài và yếu tố bên trong (chủ quan) của con người ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu và ý thức về con đường thỏa mãn nhu cầu. Vì vậy, trong khi chú ý đến yếu tố tâm lý xã hội, yếu tố bên trong với tư cách là nguyên nhân trực tiếp của tội phạm thì đồng thời cũng phải chú ý đến tất cả các yếu tố tiêu cực bên ngoài đang tác động đến ý thức của con người về nhu cầu và con đường thỏa mãn nhu cầu. Qua đó cho thấy trình độ học vấn của những người phạm các tội XPTDTE là rất thấp, cho nên việc nhận thức sai lệch đạo đức, lối sống, về giới tính, quan hệ tình dục dẫn đến những hành động sai lệch của con người trên con đường thỏa mãn nhu cầu tình dục của mình, chưa thoát khỏi những quan điểm cổ hủ, lạc hậu. Đó cũng là những nguyên nhân chính xuất hiện tội hiếp dâm trẻ em. Chẳng hạn, nhằm để thỏa mãn nhu cầu dục vọng của mình mà người phạm tội đã

lợi dụng nạn nhân còn nhỏ, đã dụ dỗ, dọa nạt hoặc lợi dụng người bị bệnh tâm thần nên hạn chế về khả năng nhận thức, điều khiển hành vi; hoặc người phạm tội cho rằng phạm tội đối với các em nhỏ thì sẽ an toàn hơn, không ai biết, khó phát hiện để tố giác tội phạm

b) Nguyên nhân xuất phát từ nạn nhân

Nạn nhân của tội phạm là những cá nhân, tổ chức phải chịu những hậu quả thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tinh thần, tình cảm, tài sản hoặc các quyền và lợi ích hợp pháp khác mà những hậu quả thiệt hại này là do hành vi phạm tội trực tiếp gây ra.[44, tr. 19].

Trong các tội XPTDTE nạn nhân là những người (cá nhân) bị hành vi phạm xâm phạm tình dục gây thiệt hại nghiêm trọng về sức khỏe, tinh thần, tình cảm, ảnh hưởng nghiêm trọng tới cuộc sống cũng như tương lai, hạnh phúc của họ. Nhiều trường hợp hành vi phạm tội gây ra những tổn hại nghiêm trọng tới sự phát triển bình thường về tâm, sinh lý của trẻ em gái (dưới 16 tuổi). Từ những thiệt hại về sức khỏe, tinh thần sẽ dẫn đến những thiệt hại về kinh tế như tiền chữa bệnh, điều trị về tâm thần...

Yếu tố nạn nhân của tội phạm XPTDTE đóng vai trò không hề nhỏ vào quá trình phát sinh tội phạm. Nạn nhân của nhóm tội XPTDTE về giới tính là nữ, độ tuổi, nạn nhân dưới 16 tuổi chiếm tỷ lệ đa số, đặc biệt, trong những năm gần đây, độ tuổi của nạn nhân ngày càng “trẻ hóa”, có những nạn nhân mới 6 tuổi, độ tuổi còn nhỏ chưa hoàn thiện về thể chất nên không có hoặc ít có khả năng phản kháng, chống cự, đối phó khi tội phạm tấn công hoặc do độ tuổi còn nhỏ nên khả năng phát triển về tâm lý, nhận thức còn hạn chế, dễ bị đối tượng phạm tội dụ dỗ, mua chuộc. Nhiều em không biết là mình đang bị xâm hại nên mặc cho hành vi XPTDTE xảy ra nhiều lần, chỉ cần đối tượng phạm tội cho vài ngàn mua bánh, cho kẹo hay rủ xem phim cùng rồi có hành vi đòi bái. Chỉ đến khi “vô tình” các em kể với người thân hoặc bị phát hiện, hỏi thì các em mới nói. Khi đã bị xâm phạm rồi, nhiều nạn nhân có tâm lý e ngại, sợ ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của bản thân và gia đình hoặc sợ bị đe dọa nên không dám tố cáo với chính quyền địa phương, tổ chức đoàn thể để có biện pháp can thiệp kịp thời mà âm thầm chịu đựng cho đến khi không thể chịu đựng được nữa mới gửi đơn tố cáo hành

vi xâm hại tình dục. Nạn nhân có lối sống không lành mạnh, dễ dãi và buông thả trong các quan hệ khác giới. Đây là hệ quả của việc giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục giới tính ở nhà trường, gia đình và cộng đồng còn chưa đầy đủ và hiệu quả; cũng như do ảnh hưởng của văn hóa phẩm kích động, bạo lực; phim, ảnh khiêu dâm, kích dục trên Internet, cùng với sự yếu kém về tính tự tu dưỡng của bản thân nạn nhân. Một số nạn nhân có lối sống thoáng, coi trọng lợi ích vật chất, coi thường các giá trị đạo đức, thuần phong mỹ tục nên sẵn sàng tự nguyện trở thành nạn nhân của tội XPTDTE. Một số nạn nhân thường trốn học, tụ tập đi chơi, uống rượu bia, đi chơi thâu đêm, thậm chí bỏ nhà đi vài ba ngày. Không ít những trường hợp chỉ quen trên mạng, gặp lần đầu nhưng đã “thích” và sẵn sàng quan hệ cùng nhau. Nhiều trường hợp, các em học sinh còn học cấp hai, đã có khái niệm bạn trai, bạn gái, xem như đó là trào lưu, khẳng định phong cách của giới trẻ. Đa số trong các tội XPTDTE, nạn nhân và người phạm tội có mối quan hệ quen biết với nhau. Mối quan hệ quen biết, gần gũi hay thân tình đã giúp người phạm tội dễ dàng tìm hiểu, nắm bắt tính cách, thói quen sinh hoạt của nạn nhân, gia đình nạn nhân, dễ tiếp cận nạn nhân để XPTD mà không bị phát hiện. Mối quan hệ gần gũi, thân thiết còn làm cho nạn nhân và gia đình của nạn nhân tin tưởng, mất cảnh giác, không đề phòng... tạo điều kiện để đối tượng xấu thực hiện hành vi XPTDTE.

1.2.2.2. Nguyên nhân và điều kiện khách quan

- Nguyên nhân và điều kiện thuộc về yếu tố tình huống trong các tội XPTDTE.

Tình huống tội phạm là nói đến những sự kiện khách quan xảy ra trên thực tế tại một địa điểm và thời gian nhất định có ảnh hưởng trực tiếp đến việc làm phát sinh tội phạm. [21, tr.75]. Trong các nguyên nhân khách quan khác bên ngoài môi trường sống làm phát sinh các tội XPTDTE thì tình huống phạm có ý nghĩa rất quan trọng trong nhiều trường hợp. Tình huống phạm tội liên quan đến nhóm các tội XPTDTE là nhóm tội về nhu cầu tình dục, mà nhu cầu tình dục không có thời điểm phát sinh cụ thể nên đối tượng phạm tội thường thực hiện hành vi một cách bộc phát ít có sự cân nhắc, tận dụng mọi hoàn cảnh, điều kiện và có thể gây án vào bất cứ thời gian nào. Song nhìn chung tình huống phạm tội thuận lợi nhất để thực hiện

hành vi XPTDTE là nơi vắng vẻ hoặc nơi kín đáo.

- Nguyên nhân và điều kiện thuộc về pháp luật và công tác phòng ngừa, phát hiện tội phạm.

Công tác phòng ngừa, phát hiện tội phạm là nhiệm vụ hết sức quan trọng, thường xuyên, liên tục, vừa có tính cấp bách, vừa có tính lâu dài và phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của các cấp ủy đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền địa phương các cấp. Đối với các tội XPTDTE là nhóm tội đặc biệt nguy hiểm, tội phạm này xảy ra thường để lại hậu quả nặng nề, tác động xấu kéo dài cho bản thân nạn nhân về thể chất và về mặt tinh thần, làm cho nạn nhân có thai, bị chấn động về mặt tâm lý, bị ám ảnh suốt đời.. Do đó ,việc phát hiện, xử lý tội phạm thiếu kịp thời, nghiêm khắc cũng là một trong những nguyên nhân để tội phạm XPTDTE gia tăng. Thậm chí có những vụ XPTDTE chỉ được phát hiện khi người phạm tội đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần hoặc với nhiều nạn nhân.

Ba là, sự thờ ơ của môi trường xã hội bên ngoài. Do xã hội ngày càng phát triển với tốc độ chóng mặt trên tất cả các lĩnh vực văn hóa, chính trị, kinh tế...Chính sự phát triển như vũ bão này lại là tác nhân khiến cho thái độ sống của con người với nhau trở nên xa lạ, không còn thân thiết. Bởi guồng quay cuộc sống kéo họ vào những bận rộn, hối hả đời thường. Và thái độ sống vô cảm, thờ ơ cũng từ đó mà hình thành nên. Bệnh thờ ơ, vô cảm xuất hiện trong đời sống hiện đại ngày càng nhiều, đó chính là thái độ, cách ứng xử giữa người với người. Họ không còn thân thiết, hỏi thăm nhau đủ thứ chuyện mà đã trở nên vô cảm, lạnh lùng, thờ ơ, thiếu quan tâm của các thành viên trong xã hội, chỉ biết sống cho riêng mình, sợ va chạm, sống khép kín, theo chủ nghĩa cá nhân. Chính điều này đã tạo điều kiện cho những cái xấu, những đối tượng xấu có cơ hội nổi lên để thực hiện hành vi tội phạm nói chung và trong đó có tội XPTDTE.

1.3. Cơ chế tác động của các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em

Khi tìm hiểu nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội XPTDTE phải nghiên cứu cả nguyên nhân, điều kiện bắt nguồn từ xã hội và nguyên nhân, điều

kiện xuất phát từ phía người phạm tội. Bởi vì tội phạm là một hiện tượng vừa có tính xã hội, vừa có tính cá nhân. Với tính chất là một hiện tượng xã hội, tội phạm chịu sự tác động của nhiều hiện tượng và quá trình xã hội khác nhau. Mặt khác, tội phạm là hành vi của con người cụ thể nên nó phải chịu sự tác động, chi phối bởi các yếu tố thuộc chính con người thực hiện phạm tội đó. Hành vi XPTDTE trên thực tế luôn là kết quả của sự tác động qua lại giữa các yếu tố thuộc môi trường xã hội bên ngoài và các yếu tố tâm, sinh lý tiêu cực xuất phát từ cá nhân người phạm tội. Sự tác động này diễn ra theo một cơ chế nhất định gọi là cơ chế hình thành hành vi phạm tội. Cơ chế này vận hành theo công thức $S - X - R$, trong đó S là các yếu tố thuộc môi trường (kích thích khách thể), X là yếu tố tâm, sinh lý con người (kích thích phương tiện), R là hành động trả lời các kích thích đó (hành vi phạm tội).

Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE là sự tương tác giữa các hiện tượng, quá trình hay còn gọi là yếu tố xã hội tiêu cực làm phát sinh tình hình các tội XPTDTE. Các yếu tố xã hội tiêu cực này có trong môi trường sống, nhân thân người phạm tội. Chính sự tác động qua lại giữa các yếu tố này là cơ sở cho việc xác định hệ thống các yếu tố làm phát sinh tình hình các tội XPTDTE.

Môi trường sống của mỗi cá nhân có ảnh hưởng rất lớn đối với việc hình thành nhân cách, lối ứng xử của con người và là “bà đỡ” cho các loại hành vi người nảy sinh và tồn tại. Môi trường sống luôn luôn là bộ phận khách quan trong cơ chế tác động nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE. Môi trường sống thường được chia thành môi trường gia đình, môi trường nhà trường, môi trường xã hội... Khi sống trong một môi trường không lành mạnh, con người dễ bị tác động dẫn tới việc hình thành nhân cách lệch lạc của mỗi cá nhân. Tuy nhiên, tùy thuộc vào khả năng lĩnh hội, khả năng nhận thức của từng cá nhân con người mà sự tác động của môi trường sinh sống chung đối với mỗi con người rất khác nhau. Bởi trên thực tế, có nhiều người sống trong một môi trường có nét tương đồng nhau nhưng có người thực hiện hành vi phạm tội và có người không thực hiện hành vi phạm tội. Hoặc là ngay cả giữa những người phạm tội thì mức độ chịu sự tác động của môi trường dẫn đến việc thực hiện các hành vi phạm tội cũng khác nhau. Bởi mỗi cá

nhân vẫn có tính độc lập dưới sự ảnh hưởng của môi trường sống, có nghĩa là việc tiếp thu, chịu sự tác động từ môi trường sống đến cá nhân nào lại là do từng cá nhân đó. Bởi vì, mỗi con người là một thực thể của xã hội, mỗi cá nhân sống trong môi trường đó, không phải chỉ thụ động chịu sự tác động một phía từ môi trường mà cá nhân đó đang sống đến bản thân mình, mà cá nhân đó còn có thể chủ động tiếp nhận và tác động trở lại đến môi trường.

Do vậy, tuy cùng sống trong môi trường xấu, nhưng có cá nhân dễ dàng chịu sự tác động của môi trường xấu, tiếm nhiễm nhanh chóng những thói hư, tật xấu ngoài xã hội nhưng ngược lại, cũng có cá nhân bản lĩnh vững vàng trước mọi cám dỗ tiêu cực của môi trường sống một cách hạn chế. Đó là lý do vì sao trong xã hội có những người phạm tội tồn tại bên cạnh những người khác không phạm tội. Chính vì vậy khi tìm hiểu nguyên nhân của tội phạm thì phải tìm hiểu cả nguyên nhân từ phía người phạm tội với những tố chất sinh học và cả những đặc điểm tâm lý riêng biệt [21, tr.71].

Việc nghiên cứu tất cả các yếu tố tác động bắt nguồn từ phía xã hội và nguyên nhân xuất phát từ cá nhân người phạm tội, sự tác động qua lại giữa các yếu tố đó giúp cho chúng ta có cái nhìn đầy đủ, khách quan, toàn diện khi tìm hiểu về nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình các tội XPTDTE

Kết luận Chương 1

Nội dung Chương 1 của luận văn tác giả đã tập trung khái quát những vấn đề lý luận chung về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE như phân tích khái niệm, ý nghĩa, phân loại, cơ chế tác động đến các nguyên nhân và điều kiện và mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em với tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em, nhân thân người phạm tội và phòng ngừa tình hình các tội XPTDTE.

Việc phân tích các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE và của việc thực hiện tội phạm cần phải xác định tổng thể các hiện tượng xã hội tiêu cực cụ thể ở trong mối liên hệ nhân quả với tình hình tội phạm. Những vấn đề trả lời câu hỏi “vì sao tội phạm được thực hiện” và “cái gì tạo điều kiện cho cái đó”.

Các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm tác động lẫn nhau với hệ thống các mâu thuẫn xã hội theo hai khuynh hướng. Thứ nhất, chúng chịu ảnh hưởng của sự xuất hiện, phát triển, sự giải quyết các mâu thuẫn và các mặt đối lập cấu thành nó. Thứ hai, những cái quyết định luận phạm tội chiếm một vị trí nhất định trong chính hệ thống các mâu thuẫn xã hội, có tác động kìm hãm đến việc giải quyết các mâu thuẫn đó.

Những vấn đề lý luận cơ bản này là cơ sở để đánh giá thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2012 - 2016.

Chương 2

THỰC TRẠNG NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC TRẺ EM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

Trong những năm qua, tỉnh Đồng Nai đã cố gắng trong lĩnh vực giữ gìn an ninh chính trị và TTATXH. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm được các cấp, các ngành quan tâm và đã thu được nhiều kết quả, kiềm chế được sự gia tăng của các loại tội phạm nghiêm trọng. Tuy nhiên tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội ở Đồng Nai vẫn còn phức tạp, đặc biệt là các tội phạm XPTDTE vẫn diễn ra và có xu hướng ngày càng gia tăng. Hành vi phạm tội của các đối tượng đã gây tâm lý hoang mang, lo lắng lan rộng trong quần chúng nhân dân, đồng thời cũng tác động xấu đến tình hình ANTT trên địa bàn tỉnh.

2.1. Thực trạng nhận thức và làm sáng tỏ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Việc tìm hiểu, đánh giá thực trạng nhận thức của người dân trong xã hội về nguyên nhân và điều kiện của tội phạm XPTDTE có vai trò và ý nghĩa hết sức to lớn, bởi từ thực trạng của nhận thức mà đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của mọi người về nguyên nhân và điều kiện của tội phạm XPTDTE từ đó tiến tới loại trừ, ngăn chặn, giảm thiểu loại tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội.

Cho đến nay, việc tìm hiểu thực trạng nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của các loại tội phạm khác hoặc tội phạm XPTDTE chưa được tiến hành một cách có hệ thống và hiệu quả; chưa có công trình nghiên cứu lớn về thực trạng nhận thức của mọi người về một tội phạm cụ thể. Điều đó gây khó khăn cho việc tìm ra giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của mọi người, hay nói cách khác là mỗi người còn cách hiểu chung chung, thậm chí là chưa toàn diện đầy đủ, sai lệch về các nguyên nhân và điều kiện của tội XPTDTE, từ đó giảm thiểu hiệu quả của việc đấu tranh, phòng ngừa tội phạm này.

Tiến hành khảo sát vấn đề này đối với 200 người bao gồm các đối tượng: Cán bộ làm bên cơ quan bảo vệ pháp luật CQĐT, VKSND, TAND, Học sinh trường trung học cơ sở, giáo viên, công nhân, nông dân, tiểu thương, những người chưa có việc làm Đã cho kết quả như sau:

Kết quả khảo sát từ các cán bộ làm trong ngành bảo vệ pháp luật về nguyên nhân và điều kiện của tội XPTDTE thì hầu hết cho rằng phần lớn do người phạm tội có lối sống trụy lạc, nhu cầu tình dục thấp hèn, coi thường danh dự, nhân phẩm của người khác, bất chấp để đạt được mục đích thỏa mãn dục vọng, bên cạnh đó có một số ý kiến cho rằng do trình độ hiểu biết của người phạm tội và nạn nhân còn thấp, nhiều trường hợp đã cấu thành tội phạm hiếp dâm trẻ em, giao cấu với trẻ em...) mà vẫn không hay biết.

Nhận thức của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng về nguyên nhân và điều kiện của tội XPTDTE cũng được thể hiện ở trong các văn bản tố tụng hình sự như bản cáo trạng, bản án. Đối với bản cáo trạng trong các tội XPTDTE, đã nêu lên các tình tiết, nguyên nhân dẫn đến tội phạm. Cũng tương tự như vậy, tùy từng vụ án mà trong phần nhận định ở các bản án về tội XPTDTE có những nguyên nhân khác nhau nguyên nhân từ bị cáo, nguyên nhân từ bị hại...) và mức độ khác nhau nhằm làm sáng tỏ vụ án, đưa ra mức hình phạt tương xứng.

Tại Bảng 2.17- Phụ lục số kết quả điều tra xã hội học cho thấy:

Chiếm tỷ lệ lớn 75% mọi người cho rằng nguyên nhân và điều kiện của các tội XPTDTE chủ yếu từ phía người phạm tội có nhu cầu tình dục cao và tình dục thấp hèn, để thỏa mãn nhu cầu đó chính là việc thực hiện hành vi XPTDTE người khác một cách trái pháp luật;

Chiếm 40% số người cho rằng nguyên nhân và điều kiện của các tội XPTDTE do chính từ bản thân của nạn nhân có lối sống dễ dãi, buông thả, ý thức bảo vệ danh dự, nhân phẩm chưa cao;

Chiếm 10% số người cho rằng nguyên nhân, điều kiện của các tội XPTDTE do pháp luật chưa đủ sức răn đe, khung hình phạt của các tội này còn nhẹ so với hậu quả mà nó gây ra, bởi vậy người phạm tội có tâm lý coi thường pháp luật, dẫn tới việc phạm tội.

Chiếm 38% số người cho rằng nguyên nhân, điều kiện của các tội XPTDTE do trình độ học vấn của người phạm tội thấp, thiếu hiểu biết pháp luật

Chiếm 43,5% số người cho rằng nguyên nhân, điều kiện của các tội XPTDTE do thiếu sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường

So với một số tội danh khác, nhận thức của người dân trên địa bàn tỉnh Đồng

Nai về nguyên nhân và điều kiện của các tội XPTDTE đã có nét sơ bộ, tuy nhiên vẫn chưa nắm đầy đủ, toàn diện một số nguyên nhân khác có vai trò không nhỏ dẫn tới tình hình các tội XPTDTE như nguyên nhân giáo dục, kinh tế - xã hội, văn hóa...

2.1.1. Thực trạng nhận thức thông qua văn bản chỉ đạo của Đảng

Việc phòng ngừa tội phạm nói chung và các tội XPTDTE nói riêng luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm. Điều đó thể hiện qua các Chỉ thị của Đảng, quyết định của Bộ Chính trị và chính phủ. Đây là những văn bản có giá trị pháp lý quan trọng thể hiện quan điểm kiên quyết trong đấu tranh, phòng chống tội phạm của Đảng và nhà nước ta.

Ngày 22 tháng 10 năm 2010, Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 48- CT/TW về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Mục đích của Chỉ thị nêu rõ *“Trong thời gian tới, công tác phòng, chống tội phạm phải kiểm chế, làm giảm các loại tội phạm, nhất là các tội phạm nghiêm trọng, tội phạm mới; tạo ra môi trường lành mạnh, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ cuộc sống hạnh phúc và bình yên của nhân dân”*. Để đạt được mục đích đề ra chỉ thị yêu cầu: *“Tập trung điều tra, khám phá, xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm, nhất là tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về tham nhũng, tội phạm có tổ chức, các loại tội phạm về ma túy, mua bán người, lừa đảo chiếm đoạt lớn tài sản nhà nước...”*[05, tr. 01]

Ngày 01 tháng 12 năm 2011, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 09-CT/TW về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc trong tình hình mới. Chỉ thị xác định rõ *“động viên, khích lệ nhân dân tích cực tham gia xây dựng khu dân cư, xã, phường thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường ... an toàn về an ninh, trật tự; chủ động phòng ngừa, phát hiện, tố giác tội phạm, giáo dục, giúp đỡ, cảm hóa người vi phạm pháp luật tái hòa nhập cộng đồng; tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội của các cơ quan bảo vệ pháp luật”*.

Nghị quyết số 37-NQ/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội về công tác phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật. Trong đó Nghị quyết đã nhấn mạnh *“Thực hiện có hiệu quả Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm; phòng*

chống ma túy; phòng chống mua bán người. quản lý chặt chẽ mạng internet để ngăn chặn kịp thời những thông tin xấu, văn hóa phẩm độc hại”

Trên tinh thần Chỉ thị của Bộ chính trị và Nghị quyết của Quốc hội. Điều 37 Hiến pháp 2013 quy định trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục, “Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em”. Luật Trẻ em 2016 nghiêm cấm các hành vi xâm hại tình dục, bạo lực, lạm dụng, bóc lột trẻ em. Đặc biệt, Luật trẻ em dành một chương riêng (Chương IV) về bảo vệ trẻ em quy định các yêu cầu bảo vệ trẻ em; cấp độ bảo vệ trẻ em và trách nhiệm thực hiện; việc thành lập và hoạt động của các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; chăm sóc thay thế. Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tội phạm và hình phạt đối với các hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người (trong đó có trẻ em). Chính phủ cũng ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, góp phần từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của trẻ em, trong đó trọng tâm là tăng cường bảo vệ trẻ em.

Ngày 24 tháng 02 năm 2011 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 282/QĐ-TTg về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Kế hoạch đã nhấn mạnh nhiệm vụ trung tâm “Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các loại hình kinh doanh, dịch vụ dễ dẫn đến vi phạm pháp luật như: dịch vụ kinh doanh Gameonline, trò chơi điện tử có hình ảnh bạo lực, vũ trường, dịch vụ văn hóa, băng đĩa hình đồi trụy. Tập trung chỉ đạo phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn một số loại tội phạm có xu hướng gia tăng như: tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm do nguyên nhân xã hội, tội phạm ma túy, tham nhũng, tội phạm về môi trường, tội phạm và vi phạm pháp luật trong thanh, thiếu niên, tội phạm mua bán người, cướp có vũ trang... Đẩy nhanh tiến độ điều tra, xử lý kịp thời các vụ án trọng điểm được dư luận quan tâm, thực hiện tốt công tác thống kê tội phạm...”[25, tr. 04]

Quyết định số 267/QĐ-TTg ngày 22 tháng 2 năm 2011 về phê duyệt Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011 – 2015 và và Quyết định số 2361/QĐ- TTg ngày 22 tháng 12 năm 2015 về phê duyệt Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016 – 2020. Hai Chương trình này đều nhấn mạnh: Các cơ quan, tổ chức đoàn thể xã hội có trách nhiệm trong việc bảo vệ và giáo dục trẻ em cần làm tốt công tác phòng ngừa. *“tạo dựng môi trường an toàn, lành mạnh mà ở đó tất cả trẻ em đều được bảo vệ. chủ động phòng ngừa, giảm thiểu tình trạng trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em bị xâm hại, trẻ em bị bạo lực, tạo cơ hội để các em tái hòa nhập cộng đồng và bình đẳng về cơ hội phát triển”* [26], [27]. Vì điều đó sẽ làm giảm thiểu được rất nhiều nguy cơ xảy ra các hành vi xâm hại trẻ em, nếu như chúng ta có được đội ngũ công tác viên trẻ em đủ mạnh bởi họ là người trực tiếp nắm bắt thông tin tại địa phương

2.1.2. Thực trạng nhận thức thông qua văn bản triển khai thực hiện của chính quyền tỉnh Đồng Nai

Trên tinh thần của các văn bản: Nghị quyết của Chính Phủ, Chỉ thị của Bộ chính, Chỉ thị của Ban bí thư Trung ương. Tỉnh ủy, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc đến các ngành, các cấp, triển khai, có nội dung, chương trình, kế hoạch và biện pháp cụ thể để tổ chức thực hiện Nghị quyết của Chính Phủ, Chỉ thị của Bộ chính trị, của Ban Bí thư. Tuy nhiên chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh mới chỉ trên tinh thần đấu tranh, phòng ngừa các loại tội phạm nói chung trên địa bàn tỉnh, chưa có chỉ đạo cụ thể và những giải pháp phù hợp để ngăn chặn, hạn chế nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình các tội XPTDTE cũng như phòng ngừa hiệu quả đối với loại tội phạm này

Ngày 24/7/2013 UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành kế hoạch hành động số 5926/KH-UBND vì trẻ em tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2012 – 2020, với mục tiêu là giảm tối đa tỷ lệ trẻ em bị xâm hại tình dục, trẻ em vi phạm pháp luật. Với phạm vi hành động là trên toàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2012 – 2020, trong đó ưu tiên tập trung cho các huyện nghèo, miền núi. Với nội dung là quán triệt Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 5/12/2012 của Bộ Chính trị về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới" tới các cấp lãnh đạo và các tầng lớp nhân dân;

Tổ chức các chiến dịch, vận động xã hội tham gia thực hiện quyền trẻ em, tháng hành động vì trẻ em...; Tổ chức các hoạt động truyền thông đại chúng về công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, khuyến khích việc làm mang lại lợi ích thiết thực cho trẻ em; Xây dựng về nội dung bảo vệ, chăm sóc, giáo dục, vui chơi, giải trí, thể thao... cho trẻ em trong các chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016 – 2020. [54]

Ngày 02/02/2012 UBND tỉnh Đồng Nai cũng đã ban hành Chương trình bảo vệ trẻ em tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 – 2015; Quyết định 596/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Dự án bảo trợ giáo dục trẻ em ngày 10/3/2014; Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 24/5/2012 về việc tổ chức tháng hành động vì trẻ em hàng năm với các chủ đề như: *"Vì một xã hội không bạo lực, không xâm hại trẻ em"*, *"Không sao nhãng, ngược đãi, bạo lực, xâm hại trẻ em"*... [54] Mục đích nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp chính quyền, người dân về nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em để giảm thiểu tình trạng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại.

Ngày 3 tháng 04 năm 2017, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 2964/KH-UBND về việc thực hiện Kết luận số 05-KL/TW ngày 15/7/2016 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa X) *"Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới"*.

Gần đây nhất UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 2304/ QĐ-UBND ngày 22/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016 – 2020.

Từ phân tích các văn bản chỉ đạo của Đảng, Chính phủ và chính quyền tỉnh Đồng Nai đã cho chúng ta thấy tình hình tội phạm vẫn còn diễn biến phức tạp.

2.2. Thực trạng hậu quả (quan hệ nhân - quả) của nguyên nhân và điều kiện của hiện tượng được nghiên cứu - tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2012 - 2016

Tình hình tội phạm là một hiện tượng xã hội, pháp lý – hình sự được thay đổi về mặt lịch sử, mang tính chất giai cấp bao gồm tổng thể thống nhất các tội phạm thực hiện trong xã hội nhất định và trong một khoảng thời gian nhất định [60, tr.61].

Để nghiên cứu tình hình các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ 2012 đến 2016 tác giả nghiên cứu qua các vụ án đã xảy ra, số đối tượng phạm tội được phát hiện, điều tra và xử lý; diễn biến, cơ cấu, mức độ của tình hình các tội XPTDTE.

2.2.1. Mức độ (thực trạng) của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Thực trạng (mức độ) của tình hình tội phạm là đặc điểm định lượng tiêu biểu, cho biết về toàn bộ số người phạm tội cùng số tội phạm do họ thực hiện trong một đơn vị thời gian và không gian nhất định. [40, tr.151]

- Mức độ tổng quan

Mức độ của THTP chính là tổng hợp số liệu về vụ phạm tội đã xảy ra, số lượng người thực hiện các tội đó và thông số về nạn nhân trên một địa bàn nhất định và khoảng thời gian nhất

Như vậy, mức độ của tình hình các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2012 – 2016 được nhận thức thông qua tổng số các tội XPTDTE đã xảy ra trên địa bàn và trong thời gian nói trên. Để nghiên cứu về mức độ của tình hình tội phạm XPTDTE, cần làm sáng tỏ tội phạm ở phần rõ (phần hiện của THTP) và tội phạm ẩn (phần ẩn). Trong phạm vi luận văn này tác giả tập trung nghiên cứu mức độ tổng quan tuyệt đối và mức độ tổng quan tương đối.

+ Mức độ tổng quan tuyệt đối

Mức độ tổng quan tuyệt đối của tình hình các tội XPTDTE được thể hiện thông qua mức độ tổng quan của THTP và tình hình các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2012 đến năm 2016.

Mức độ tổng quan của THTP và tình hình các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai từ năm 2012 đến năm 2016, tổng số vụ án xét xử hình sự là: 15.430 vụ với 27.025 bị cáo, trong đó có 438 vụ với 468 bị cáo phạm các tội XPTDTE. Tỷ lệ các vụ XPTDTE tăng lên theo từng năm; năm 2012 có 77 vụ với 85 bị cáo; năm 2013 có 87 vụ với 90 bị cáo; năm 2014 có 106 vụ với 115 bị cáo; năm 2015 có 85 vụ với 90 bị cáo; năm 2016 có 83 vụ với 87 bị cáo. *(Xem bảng thống kê 2.1- Phụ lục số 1)*

Mức độ tổng quan của THTP xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người và tình hình các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Quan phân tích số liệu tại Bảng thống kê 2.2- Phụ lục cho thấy, trong thời gian 5 năm 2012 – 2016 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tình hình các tội XPTDTE luôn chiếm tỷ lệ tương đối lớn về số vụ án và số bị cáo trong tổng số tình hình các tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người được quy định tại Chương 12 của BLHS, chiếm đến 18,91% về số vụ án và 12,31% về số bị cáo. Đồng thời, qua phân tích cho thấy tình hình các tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người có xu hướng giảm về số vụ án và số bị cáo, còn tình hình các tội XPTDTE có xu hướng gia tăng về số vụ án và số bị cáo. *(Xem bảng thống kê 2.2- Phụ lục số 1)*

+ Mức độ tổng quan tương đối

Khi đánh giá mức độ tổng quan tương đối không thể bỏ qua chỉ số khái quát của tình hình tội phạm XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đó là tỷ lệ tội phạm mà ở đây là tỷ lệ các tội XPTDTE (xem Bảng 2.1 và cụ thể, tỷ lệ xét theo số vụ án là 2,83% còn theo số bị cáo là 1,73%) và cơ số tội phạm XPTDTE *(Xem bảng 2. 3 – Phụ lục)*. Qua bảng số liệu cho thấy cứ trung bình 100.000 người dân ở tỉnh Đồng Nai thì có 3.29 người XPTDTE, so với cả tỷ lệ tương đối thấp và cơ số tội phạm XPTDTE đều tăng từng năm từ 2012 – 2016. *(Xem bảng thống kê 2.3- phụ lục số 1)*

Từ số liệu thống kê cho thấy, mặc dù so với tổng số tội phạm nói chung, các tội XPTDTE chỉ chiếm một tỷ lệ không lớn, nhưng đây là loại tội phạm đặc biệt

nguy hiểm, không chỉ thể hiện sự suy đồi về đạo đức mà còn gây hoang mang trong dư luận xã hội, để lại những hậu quả nặng nề cho nạn nhân của tội phạm.

- Mức độ hành vi (*Xem bảng thống kê 2.4- phụ lục số 1*)

Thực tế nghiên cứu các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trong 05 tội danh cần phải nghiên cứu đó là các tội Hiếp dâm trẻ em (Điều 112), Tội cưỡng dâm trẻ em (Điều 114), Tội giao cấu với trẻ em (Điều 115), Tội dâm ô với trẻ em (Điều 116), tội Mua dâm người chưa thành niên (Điều 256), thì tất cả 5 đều được phát hiện và xét xử, tuy nhiên chiếm tỷ lệ không đáng kể có 2 tội danh là Cưỡng dâm trẻ em có tỷ lệ nhỏ chỉ chiếm 0,46% (tương đương 02 vụ/ 438 vụ) và chiếm tỷ lệ 0,43% (tương đương 02 bị cáo/ 468 bị cáo), tội Mua dâm người chưa thành niên (Điều 256) chiếm 0,23% (tương đương 01 vụ/ 438 vụ) và chiếm tỷ lệ 0,21% (tương đương 01 bị cáo/ 468 bị cáo).

Trong tổng số tội danh có trong đời sống thực tế thì thấy hành vi thì tội danh Giao cấu với trẻ em (Điều 115) có tỷ lệ cao nhất (56,8% tương đương 249 vụ/ 438 vụ). Xếp thứ hai là hành vi hiếp dâm trẻ em chiếm 27,2% (tương đương 119 vụ/ 438 vụ) và chiếm tỷ lệ 30,1% (tương đương 141 bị cáo/ 468 bị cáo). Xếp thứ ba là hành vi dâm ô với trẻ em chiếm tỷ lệ số vụ là 15,3% tổng số vụ với 67 vụ/ 438 vụ và tỷ lệ số bị cáo là 15,2% tương đương bị cáo 71/468 bị cáo.

- Diễn biến của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2012 - 2016

Diễn biến của tình hình tội phạm là sự vận động và sự thay đổi của thực trạng và cơ cấu của tình hình tội phạm trong một khoảng thời gian nhất định (một năm, ba năm, năm năm, mười năm..) [58, tr.64].

Như vậy diễn biến của tình hình tội phạm XPTDTE là sự phản ánh xu hướng tăng, giảm hoặc ổn định tương đối của tỉnh Đồng Nai trong thời gian từ năm 2012 – 2015

Qua biểu đồ diễn biến tình hình tội phạm tại Bảng 2.5 phụ lục số 1, cho thấy số vụ án XPTDTE xảy ra trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là 438 vụ với 468 bị cáo, số vụ án và số bị cáo năm sau tăng hơn năm trước và có dấu hiệu giảm nhưng không đáng kể. Nếu lấy số vụ của năm 2012 làm gốc, tức tỷ lệ số vụ và số bị cáo năm 2012 đều là 100% để so sánh thì số vụ phạm tội các năm sau đều tăng cụ thể: Năm 2013 tăng

lên 112,98% số vụ án, 107,05% số bị cáo; năm 2014 tăng lên 137,66% số vụ án, 135,29% số bị cáo; năm 2015 tăng lên 110,38% số vụ án, 105,88% số bị cáo; năm 2016 tăng nhẹ 107,79% số vụ án, 102,35% số bị cáo. Một cách rõ ràng hơn để nhận về xu hướng của diễn biến tình hình các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2012 – 2016 là thông qua phương pháp định gốc giai đoạn 03 năm ta thấy giai đoạn 2012 – 2014 với tỷ lệ số vụ, số bị cáo 100% thì đến giai đoạn 2012 – 2016 tỷ lệ này tăng lên, tăng lên 101,48 số vụ án và 100,34 số bị cáo. Như vậy, diễn biến của tình hình tội XPTDTE từ năm 2012 đến 2016 đã phản ánh tính chất phức tạp, mức độ nguy hiểm, có chiều hướng gia tăng theo từng năm.

2.2.2. Cơ cấu của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Cơ cấu của THPT là tổng thể của các hệ thống cấu trúc bên trong của THPT, cho biết về kết cấu cũng như tỉ lệ tương quan giữa các kết cấu đó từ tổng quan đến chi tiết, phản ánh về các mối liên hệ của THPT với các hiện tượng, quá trình kinh tế - xã hội khác. Vì thế nó giữ vai trò là cơ sở cho việc đánh giá tính chất của THPT và đặc biệt là cho việc xác định nguyên nhân và điều kiện của THPT. [40, tr.153]

2.2.2.1. Cơ cấu theo đơn vị hành chính cấp huyện của tỉnh Đồng Nai

Cơ cấu theo đơn vị hành chính – lãnh thổ của THPT trong tội phạm học hoặc khái niệm “địa lý tội phạm”, tất cả đều nói về tính phụ thuộc của THPT vào các yếu tố riêng biệt của môi trường tự nhiên – xã hội, kinh tế, văn hóa, giáo dục, tư tưởng, tập quán, truyền thống ... của một đơn vị hành chính lãnh thổ. Tội phạm học Việt Nam đã đưa ra phương pháp xác định chuyên biệt để xác định cấp độ nguy hiểm của THPT theo đơn vị hành chính – lãnh thổ. [35, tr. 60- 65]

Như vậy, để xác định xem THPT ở đâu nghiêm trọng hơn trong 11 đơn vị hành chính của tỉnh Đồng Nai trong giai đoạn 2012 – 2016. Tác giả dùng phương pháp đánh giá trên cơ sở tổ hợp 3 yếu tố: tổng số bị cáo; số dân cư ở từng địa bàn và diện tích tự nhiên. Áp dụng phương pháp này cho kết luận như sau:

Thứ nhất, nếu số dân trên bị cáo càng thấp thì mức độ phạm tội ở đơn vị hành chính đó càng cao. Theo đó, địa phương với mức độ phạm tội XPTDTE cao nhất là huyện Định Quán với số dân trên bị cáo 4936. Kế tiếp là hai địa phương thị

xã Long Khánh và huyện Vĩnh Cửu có mức độ phạm tội bằng nhau với số dân trên bị cáo 7365, tiếp đến huyện Cẩm Mỹ, huyện Nhơn Trạch, huyện Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, huyện Xuân Lộc, huyện Long Thành, lần lượt có số dân trên bị cáo là: 7380, 7692, 8145, 8419, 8889. Và địa phương có mức độ phạm tội theo đơn vị hành chính thấp là huyện Xuân Lộc, Trảng Bom và huyện Tân Phú, với số dân trên bị cáo lần lượt là 11901, 9507, 9705 (Xem bảng thống kê 2.6 – Phụ lục)

Thứ hai, dựa theo phương pháp tính diện tích và số bị cáo phân theo từng đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Qua thống kê cho thấy thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh, huyện Trảng Bom và huyện Thống Nhất có số bị cáo trên diện tích cao lần lượt là 0.398; 0.096; 0.089; 0.081, các huyện Thống Nhất, huyện Long Thành, huyện Cẩm Mỹ, huyện Định Quán, huyện Xuân Lộc, huyện Tân Phú, huyện Vĩnh Cửu lần lượt đứng thứ 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11. (Xem bảng thống kê 2.7 – Phụ lục)

2.2.2.2. Cơ cấu theo phương thức thực hiện tội phạm

Nghiên cứu 145 bản án với 175 bị cáo cho thấy: Các bị cáo phạm tội XPTDTE không có sự phân công chỉ đạo chặt chẽ theo từng khâu thực hiện như các loại tội phạm khác. Trong tổng số vụ án nghiên cứu, chỉ có 1 trường hợp đồng phạm đơn giản, trong đó các bị cáo đều tham gia với vai trò là người thực hành. Đa số người phạm tội có mối quan hệ quen biết với nạn nhân từ trước. Cụ thể như sau:

- Bị cáo có quen biết với nạn nhân từ trước khi thực hiện hành vi XPTDTE là : 139 bị cáo chiếm 79,43%

- Bị cáo không quen biết với nạn nhân, phục sẵn ở nơi thuận lợi, vắng người, hoặc lợi dụng trẻ ở nhà một mình để thực hiện hành vi XPTDTE: 36 vụ, chiếm 20,57%.

Để thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã dùng các phương thức, thủ đoạn như: dùng vũ lực, đe dọa người bị hại; dùng vật chất để dụ dỗ, cho người bị hại sử dụng rượu, bia; lợi dụng tình cảm, lợi dụng lòng tin của cha mẹ và sự kém hiểu biết của trẻ em để thực hiện hành vi phạm tội, Cụ thể như sau:

- Bị cáo lợi dụng tình cảm, lòng tin của cha mẹ nạn nhân rồi thực hiện hành vi XPTDTE: 34 bị cáo, chiếm 19,43%.

- Bị cáo dùng vật chất để dụ dỗ nạn nhân rồi thực hiện hành vi XPTDTE: 27 bị cáo, chiếm 15,43%.

- Bị cáo lợi dụng sự kém hiểu biết của trẻ em để thực hiện hành vi XPTDTE: 17 bị cáo, chiếm 9,71% .

- Bị cáo sử dụng các thủ đoạn khác như có tình cảm yêu đương với nạn nhân, bạn bè, cho nạn nhân sử dụng chất kích thích, vũ lực... để thực hiện hành vi phạm tội XPTDTE: 97 bị cáo, chiếm 55,43%.

2.2.2.3. Cơ cấu theo chế tài đã áp dụng

Cơ cấu này là cơ sở để nhận xét về tính chất của THTP và nó được xác định trên cơ sở số liệu thống kê thường xuyên của Tòa án. Kết quả thống kê cho thấy; hình phạt dưới 03 năm tù chiếm tỷ lệ cao nhất 53,4% tổng số bị cáo. Kế đến là hình phạt từ 03 năm đến dưới 07 năm chiếm tỷ lệ 21,4% tổng số bị cáo, phạt từ 07 năm đến dưới 15 năm tù chiếm tỷ lệ 16,4% tổng số bị cáo, hình phạt từ 15 năm đến dưới 20 năm tù chiếm tỷ lệ 5,12 % tổng số bị cáo. Chiếm tỷ lệ thấp nhất là hình phạt cải tạo không giam giữ chiếm tỷ lệ 0,21% tổng số bị cáo, hình phạt chung thân, tử hình và cho hưởng án treo chiếm lần lượt các tỷ lệ là 0,64%, 2,78% tổng số bị cáo và chiếm. (Xem bảng thống kê 2.8 – Phụ lục)

2.2.2.4. Cơ cấu theo các đặc điểm nhân thân người phạm tội

Qua nghiên cứu 145 bản án do tác giả chọn một cách ngẫu nhiên đã được TAND các cấp xét xử với 175 bị cáo phạm các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2012– 2016 cũng như từ các số liệu thống kê của các cơ quan tiến hành tố tụng ở Đồng Nai, tác giả sẽ phân tích làm rõ thực tiễn nhân thân người phạm các tội XPTDTE ở Đồng Nai trên hai yếu tố là đặc điểm tự nhiên và đặc điểm xã hội.

a) Đặc điểm tự nhiên

- Đặc điểm độ tuổi, giới tính

Từ số liệu thống kê cho thấy, các đối tượng phạm tội XPTDTE đa số ở độ tuổi đã trưởng thành, trong đó độ tuổi từ 30 trở lên có 253 bị cáo chiếm 54,05%. Người phạm tội từ 18 đến 30 tuổi có 195 chiếm 41,66%. Người phạm tội có độ tuổi dưới 18 chiếm tỷ lệ ít nhất có 23 bị cáo chiếm 4,91%. Trong tổng số 468 bị cáo phạm tội

XPTDTE, có 467 bị cáo là nam chiếm tỷ lệ 99,79% và chỉ có 01 bị cáo là nữ chiếm tỷ lệ 0,21%. (Xem Bảng thống kê 2.9 - phụ lục số 1)

- Đặc điểm về nơi cư trú, tôn giáo, tín ngưỡng và quốc tịch

Theo số liệu thống kê của TAND tỉnh Đồng Nai, trong thời gian từ 2012 – 2016 cho thấy, tổng số bị cáo phạm tội XPTDTE là 468 bị cáo, đa số các bị cáo phạm tội đều cư trú trong địa bàn tỉnh 422/468 bị cáo, chiếm tỷ lệ 90,17% và số người từ nơi khác tạm trú và làm việc rồi phạm tội 46/468 bị cáo, chiếm tỷ lệ 9,83%. (Xem bảng thống kê 2.8 - phụ lục)

Qua nghiên cứu 468 bị cáo phạm tội XPTDTE chỉ có 06 bị cáo là dân tộc thiểu số (02 bị cáo là dân tộc Hoa, 01 bị cáo dân tộc Khome; 01 bị cáo dân tộc Chăm, 1 bị cáo dân tộc Châu ro, 01 bị cáo dân tộc Sán diu) chiếm tỷ lệ 1,29%. Còn lại 452 bị cáo là dân tộc Kinh chiếm tỷ lệ 98,71% %. (Xem bảng thống kê 2.11 - phụ lục 1)

Về quốc tịch và tôn giáo thì 175 bị cáo đều có quốc tịch Việt Nam, có 45 bị cáo theo đạo Thiên chúa giáo, có 39 bị cáo theo đạo Phật giáo và 91 bị cáo không theo tôn giáo nào.

b) Đặc điểm xã hội

- Đặc điểm trình độ học vấn

Qua thống kê cho thấy, trong tổng số 175 bị cáo phạm các tội XPTDTE thì có 60 bị cáo có trình độ học vấn là tiểu học chiếm 34,3%; có 27 bị cáo trung học cơ sở chiếm 27,4%; có 37 bị cáo có trình độ học vấn là không biết chữ chiếm 21,2%; Trình độ cao đẳng, đại học có 02 bị cáo chiếm 1,1%. Trình độ sau đại học không có đối tượng nào. Từ đặc điểm trình độ học vấn này, cho thấy người phạm các tội XPTDTE có trình độ học vấn thấp, khả năng nhận thức và hiểu biết pháp luật hạn chế. (Xem bảng thống kê 2.12- phụ lục số)

- Đặc điểm về nghề nghiệp

Qua nghiên cứu đặc điểm nghề nghiệp của người phạm các tội XPTDTE, cho thấy đa số người phạm tội là người không có nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định. Trong các bị cáo phạm các tội XPTDTE có 64/175 bị cáo làm các nghề thuộc nhóm nghề nghiệp không ổn định, chiếm 36,57%; tiếp theo là những người có nghề

nghiệp là làm rẫy, làm ruộng có 38/175 bị cáo, chiếm 21,71%; kể đến có 22/175 bị cáo là công nhân chiếm 13,71%; số người phạm tội không có nghề nghiệp là 22/175 bị cáo chiếm 12,57% ; số còn lại học sinh, sinh viên, buôn bán, tiếp thị, chiếm tỷ lệ không đáng kể, chỉ có khoảng 7 - 8/175 bị cáo. (Xem Bảng thống kê 2.13- phụ lục số 1)

- Đặc điểm hoàn cảnh gia đình

Qua thống kê 145 bản án với 175 bị cáo phạm tội XPTDTE, đã được TAND các cấp đã xét xử, tác giả nhận thấy số người phạm tội là người chưa có gia đình hoặc có gia đình nhưng đã ly hôn chiếm đa số có 114 bị cáo chiếm tỷ lệ 65,14%; số người phạm tội là người có gia đình là 61 bị cáo chiếm tỷ lệ 34,86%; số người phạm tội có hoàn cảnh gia đình thuận lợi có 37 bị cáo chiếm tỷ lệ 21,14%; số người phạm tội có hoàn cảnh gia đình không thuận lợi như mồ côi cha, mồ côi mẹ, mồ côi cả cha mẹ, cha mẹ ly hôn hoặc không hòa thuận thường xuyên cãi vã, gia đình đông con, không quan tâm giáo dục con cái có 138 bị cáo chiếm tỷ lệ 78,86%.

Với kết quả nghiên cứu trên, cho thấy rằng những người chưa có gia đình, những người có hoàn cảnh gia đình không thuận lợi, dễ phạm tội hơn so với những người đã có vợ và sống trong gia đình có hoàn cảnh thuận lợi. (Xem bảng thống kê 2.14 - phụ lục 1)

c) Đặc điểm hành vi phạm tội

- Tiền án, tiền sự (xem Bảng thống kê 2.15 – Phụ Lục)

Nghiên cứu 145 bản án với 175 bị cáo phạm các tội XPTDTE, tác giả nhận thấy có: 146/175 bị cáo chưa có tiền án, tiền sự chiếm tỷ lệ 83,43%; có 21/175 bị cáo có tiền án chiếm tỷ lệ 12%; có 6/144 bị cáo có tiền sự chiếm tỷ lệ 4,57%; trong đó chưa được xóa án tích là: 11/175 bị cáo, chiếm 6,28%. Đặc biệt có 1 bị cáo đã có tiền án về tội dâm ô với trẻ em nay tái phạm tội hiếp dâm trẻ em.

- Phương thức, thủ đoạn gây án

Nghiên cứu 145 bản án với 175 bị cáo cho thấy: Các bị cáo phạm tội XPTDTE không có sự phân công chỉ đạo chặt chẽ theo từng khâu thực hiện như các loại tội phạm khác. Trong tổng số vụ án nghiên cứu, chỉ có 1 trường hợp đồng phạm đơn giản, trong đó các bị cáo đều tham gia với vai trò là người thực hành.

Đa số người phạm tội có mối quan hệ quen biết với nạn nhân từ trước. Cụ thể như sau: Bị cáo có quen biết với nạn nhân từ trước khi thực hiện hành vi XPTDTE là 138 bị cáo chiếm 78,86%; Bị cáo không quen biết với nạn nhân, phục sẵn ở nơi thuận lợi, vắng người, hoặc lợi dụng trẻ ở nhà một mình để thực hiện hành vi XPTDTE 37 vụ, chiếm 21,14%.

Để thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã dùng các phương thức, thủ đoạn như: dùng vũ lực, đe dọa người bị hại; dùng vật chất để dụ dỗ, cho người bị hại sử dụng rượu, bia; lợi dụng tình cảm, lợi dụng lòng tin của cha mẹ và sự kém hiểu biết của trẻ em để thực hiện hành vi phạm tội, Cụ thể như sau: Bị cáo lợi dụng tình cảm, lòng tin của cha mẹ nạn nhân rồi thực hiện hành vi XPTDTE: 39 bị cáo, chiếm 22,29%; Bị cáo dùng vật chất để dụ dỗ nạn nhân rồi thực hiện hành vi XPTDTE: 28 bị cáo, chiếm 16%; Bị cáo lợi dụng sự kém hiểu biết của trẻ em để thực hiện hành vi XPTDTE là 18 bị cáo, chiếm 10,28%; Bị cáo sử dụng các thủ đoạn khác như có tình cảm yêu đương với nạn nhân, bạn bè, cho nạn nhân sử dụng chất kích thích, vũ lực... để thực hiện hành vi phạm tội XPTDTE: 90 bị cáo, chiếm 51,42%.

- Động cơ, mục đích phạm tội và thái độ khai báo

Theo thống kê 175 bị cáo phạm tội XPTDTE, tác giả nhận thấy động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo là thỏa mãn nhu cầu tình dục cá nhân trái pháp luật, trái đạo đức, đa số các bị cáo đều bị bắt quả tang hoặc có chứng cứ vi phạm nên không thể che giấu hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, các bị cáo có thái độ khai báo trung thực, thành khẩn, sẵn sàng hợp tác với CQTHTT trong quá trình giải quyết vụ án; có 172/175 bị cáo chiếm tỷ lệ 98,28%; còn lại có 3/175 bị cáo có thái độ rất ngoan cố, khai báo quanh co, chối tội không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án, chiếm tỷ lệ 1,72%.

2.2.2.5. Cơ cấu theo đặc điểm nạn nhân của các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2012 – 2016

a) Về độ tuổi người bị hại

Về giới tính, nạn nhân là nữ. Về độ tuổi, nạn nhân dưới 16 tuổi chiếm tỷ lệ đa số trong các vụ án XPTDTE ở Đồng Nai. Đặc biệt, trong những năm gần đây, độ tuổi của nạn nhân ngày càng “trẻ hóa”, có những nạn nhân dưới 9 tuổi. Với đặc

điểm thể trạng là nữ chân yếu tay mềm, cộng thêm yếu tố độ tuổi còn nhỏ chưa hoàn thiện về thể chất nên không có hoặc ít có khả năng phản kháng, chống cự, đối phó khi tội phạm tấn công.

b) Về hoàn cảnh gia đình người bị hại

Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, nhiều gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nhất là ở nông thôn, cha mẹ tập trung lao động, làm mướn, làm thuê để kiếm sống, con cái không được chăm sóc kỹ càng. Do không có thời gian quan tâm, chăm sóc, giáo dục, lắng nghe con cái tâm sự nên các bậc cha mẹ này khó mà nắm được tâm tư, nguyện vọng của các em, nếu ở độ tuổi dậy thì thì các em càng tò mò về giới tính, dẫn đến các đối tượng này có thể là tội phạm hoặc nạn nhân của tội XPTDTE. Ngoài ra, sống trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, nhiều trẻ em phải bỏ học để lên các thành phố như Biên Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh... làm thuê, kiếm tiền giúp đỡ cho gia đình. Tuy nhiên do không được giáo dục đầy đủ từ phía gia đình và nhà trường), lại tiếp xúc với môi trường lao động vất vả, nhiều thành phần, rất dễ bị lôi kéo vào những thói hư, tật xấu như sống buông thả, trộm cắp, nghiện ngập, hay thiếu kiến thức sống nên dẫn tới XPTDTE

Một số gia đình có điều kiện kinh tế tốt suốt ngày quan tâm công việc, không trực tiếp chăm sóc, quản lý con mình mà chỉ cung cấp nhiều tiền, các vật dụng đắt tiền như máy tính bảng, điện thoại... nhưng lại không quan tâm con cái sử dụng các thiết bị, tiền đó như thế nào, không tìm hiểu các mối quan hệ, thời gian sinh hoạt của con nên các em dễ bị bạn bè xấu lôi kéo, dụ dỗ vướng vào các thói hư tật xấu như nghiện hút, uống rượu bia, XPTDTE hay bị người khác XPTDTE.

c) Về mối quan hệ giữa nạn nhân và người phạm tội

Đa số trong các tội XPTDTE, nạn nhân và người phạm tội có mối quan hệ quen biết với nhau, nhất là các tội XPTDTE trẻ em. Mối quan hệ quen biết, gần gũi hay thân tình đã giúp người phạm tội dễ dàng tìm hiểu, nắm bắt tính cách, thói quen sinh hoạt của nạn nhân, gia đình nạn nhân, dễ tiếp cận nạn nhân để XPTDTE mà không bị phát hiện. Mối quan hệ gần gũi, thân thiết còn làm cho nạn nhân và gia đình của nạn nhân tin tưởng, mất cảnh giác, không đề phòng... tạo điều kiện để đối tượng xấu thực hiện hành vi XPTD.

Ngoài ra các hành vi coi thường bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của mình hoặc người thân con em... như thường xuyên đi đêm một mình trên những đoạn đường vắng vẻ, để trẻ em ở nhà một mình, hoặc gửi trẻ cho những thanh niên mới lớn, có biểu hiện đua đòi hư hỏng, hoặc nạn nhân ăn mặc hở hang cũng là những yếu tố thúc đẩy việc phạm tội XPTDTE xảy ra

Qua nghiên cứu 175 bị cáo phạm tội XPTDTE cho thấy đa số đối tượng phạm các tội XPTDTE đều có quen biết với nạn nhân từ trước khi gây án; thậm chí là cha con, anh em, có mối quan hệ huyết thống với nhau. Cụ thể: có 19/175 bị cáo không quen biết với nạn nhân, chiếm tỷ lệ 10,85%; có 4/175 bị cáo có mối quan hệ cha với con ruột, chiếm tỷ lệ 2,28%; có 11/175 bị cáo có mối quan hệ là cha dượng với con vợ, chiếm tỷ lệ 6,28%; có 13/175 bị cáo có mối quan hệ là bác, chú, cậu cháu, anh em, bà con họ hàng, chiếm tỷ lệ 7,42%; có 36/175 bị cáo có mối quan hệ là hàng xóm với nhau, chiếm tỷ lệ 20,57%; có 92/175 bị cáo có mối quan hệ quen biết khác với nạn nhân, chiếm tỷ lệ 52,57%. (*Xem Bảng thống kê 2.16 - phụ lục 1*)

2.2.3. Tính chất

Tội phạm học xem tính chất của THTP cũng là một đặc điểm định tính của THTP. Nó phản ánh mức độ nguy hiểm, mức độ nghiêm trọng khác nhau của THTP ở từng thời gian, không gian khác nhau thông qua tương quan và tỷ lệ giữa các thành phần tạo nên cơ cấu của THTP. [48. tr.155]

Thời gian qua, tình trạng xâm hại tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có xu hướng gia tăng và tính chất nghiêm trọng, tạo bức xúc trong nhân dân.

Thứ nhất, về phạm vi hoạt động của các tội XPTDTE diễn ra có tính chất rộng lớn. Trên tất cả 11 đơn vị hành chính cấp huyện của tỉnh Đồng Nai đều có tội XPTDTE. Cao nhất là thành phố Biên Hòa, thứ hai là thị xã Long Khánh và thứ ba huyện Trảng Bom (xem bảng 2.7 –Phụ lục)

Thứ hai, về thủ đoạn thực hiện phạm tội và che dấu tội phạm

Các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội và che dấu tội phạm diễn ra rất phức tạp, chủ yếu hoạt động đơn lẻ, với thủ đoạn tinh vi như dụ dỗ, lừa gạt, ép buộc các bé hoặc lợi dụng sự thiếu quản lý của gia đình các

cháu, lợi dụng sự thật thà, ngây thơ, non nớt, thiếu hiểu biết các đối tượng, dụ dỗ các cháu nên nơi hoang vắng để thực hiện hành vi xâm phạm tình dục trẻ em.

Thứ ba, về động cơ và mục đích phạm tội

Động cơ của các đối tượng phạm các tội XPTDTE cũng giống như động cơ của tình hình các loại tội phạm khác, đó chính là mối quan hệ cảm xúc và nhận thức, ý chí, giữa cảm xúc và giải quyết ham muốn tình dục. Động cơ phạm tội xuất phát từ những nhu cầu, hứng thú thấp kém với những thói hư, tật xấu và đặc biệt là biện pháp để thỏa mãn nhu cầu đã thúc đẩy họ phạm tội.

Nghiên cứu 145 vụ án với 175 bị cáo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cho thấy động cơ phạm tội xuất phát từ ham muốn tình dục và giải quyết nhu cầu tình dục chiếm tỷ lệ cao và phạm tội trong điều kiện do sử dụng chất kích thích như rượu bia, thuốc lắc hoặc do xem văn hóa phẩm đồi trụy hoặc phạm tội do các trường hợp khác như do bị xúi dục, do bị rủ rê, lôi kéo hoặc do thách thức. Mục đích phạm tội nhằm thỏa mãn dục vọng mà họ bất chấp pháp luật, đạo đức tập quán, thuần phong mỹ tục

2.3. Thực trạng các nguyên nhân và điều kiện cụ thể của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2012 – 2016

2.3.1. Nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình tương tác nhập tâm

2.3.1.1. Những nguyên nhân và điều kiện khách quan

a) Môi trường gia đình

Qua nghiên cứu đặc điểm về hoàn cảnh gia đình của 175 bị cáo phạm tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2012 - 2016, cho thấy:

- Số lượng bị cáo sống trong hoàn cảnh gia đình không có cha, không có mẹ, hoặc không có cả cha và mẹ, cha mẹ ly hôn chiếm tỷ lệ khá cao 41,71% (73/175 bị cáo). (Xem Bảng thống kê 2.14 - phụ lục 1)

- Thống kê cho thấy, có 122/175 bị cáo (chiếm 69,71%), sống trong gia đình đông con, thiếu sự quan tâm chăm sóc và giáo dục, kinh tế kinh tế khó khăn nên không được cha mẹ quan tâm cho học hành đến nơi đến chốn, bị cáo thể hiện sự háms lợi, coi thường vật chất, lợi ít của người khác như có tiền án về trộm cắp tài

sản, bị cáo đã có thời gian suy nghĩ, học tập và cải tạo nhưng bị cáo vẫn thể hiện sống ít kỷ, coi thường các giá trị đạo đức, thậm chí là coi thường pháp luật tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

b) Môi trường giáo dục

Môi trường giáo dục là sự tác động có mục đích, có tổ chức nên nó là nhân tố chủ đạo trong phát triển nhân cách của trẻ, uốn nắn những phẩm chất tâm lý xấu, làm hình thành các phẩm chất, nhân cách tốt như xã hội mong muốn. Tuy nhiên, nhà trường vẫn tồn tại một số hạn chế đó là sự quản lý lỏng lẻo, không có hoặc có nhưng không đạt hiệu quả về sự phối hợp với gia đình trong việc giáo dục trẻ, nhiều trường hợp học sinh có những biểu hiện tiêu cực như thường xuyên trốn học, học hành sa sút, đánh nhau, đua đòi... nhưng nhà trường không quan tâm theo dõi, quản lý để kịp thời phát hiện và uốn nắn từ đó trẻ dễ hình thành tâm lý bất cần, chán học, bỏ học, thích tụ tập bạn bè xấu và nghe theo sự lôi kéo của bạn bè thực hiện hành vi phạm tội.

c) Môi trường bạn bè

Bạn bè đồng trang lứa đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành các đặc điểm nhân thân của trẻ, bởi chúng có thể tâm sự, tìm sự "cảm thông", hay chúng thấy được sự yêu mến hay cần thiết, khi thiếu sự trò chuyện ở gia đình chúng tìm đến bạn bè. Sự thiếu tự tin và thiếu tin cậy cũng là nguyên nhân khiến trẻ dễ bị ảnh hưởng bạn bè. Nếu sự ảnh hưởng từ những bạn bè tốt trẻ sẽ hình thành nhân thân tốt, ngược lại với bạn bè xấu thì trẻ dần dần hình thành những đặc điểm nhân thân xấu.

d) Môi trường kinh tế, văn hóa, xã hội vĩ mô

Dưới tác động của nền kinh tế thị trường, đời sống của một số bộ phận dân cư tại các huyện còn gặp nhiều khó khăn, sự phân hóa giàu nghèo ngày càng cao dẫn đến trẻ em bị sao nhãng, bị bỏ rơi, không đi học, không có việc làm, thời gian rảnh rỗi không biết làm gì, nhiều người đã sa vào con đường vi phạm pháp luật. Qua thống kê về cơ cấu nghề nghiệp, cho thấy: Có 22/175 bị cáo không có nghề nghiệp chiếm tỷ lệ 12,57%; Có 64/175 bị cáo không có nghề nghiệp ổn định chiếm tỷ lệ 36,57% (Xem Bảng thống kê 2.13 – Phụ lục). Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức,

lối sống trong xã hội có chiều hướng gia tăng. Mặt khác, do sự tác động của văn hóa phương tây, tiếp thu thiếu chọn lọc những sản phẩm văn hóa như băng đĩa, phim ảnh, sách ảnh có nội dung không lành mạnh, các tệ nạn xã hội, quan hệ gia đình có nhiều rạn nứt... Từ đó hình thành ở họ trạng thái tâm lý tiêu cực, họ chỉ biết hưởng thụ, sa đà vào các tệ nạn xã hội khi gặp điều kiện thuận lợi là thực hiện hành vi tội phạm.

Các chủ trương, chính sách và pháp luật của nhà nước về an ninh trật tự, phòng ngừa, đấu tranh chống các loại tội phạm này còn rất nhiều sơ hở, bất cập; nhiều đối tượng dựa vào đó để thực hiện hành vi phạm tội và trốn tránh pháp luật. Việc thực thi pháp luật để ngăn chặn tội phạm xâm phạm tình dục trẻ em vẫn còn để lọt người lọt tội, xử lý không đúng thẩm quyền, trái quy định của pháp luật. Nhiều vụ việc nghiêm trọng nhưng chỉ nhắc nhở, xử lý hành chính hoặc đưa ra hòa giải, thương lượng giữa đối tượng phạm tội và người bị hại. Điều này tạo cho đối tượng phạm tội tâm lý coi thường pháp luật, có thêm những phương thức, thủ đoạn mới, xảo quyệt hơn và nguy hiểm hơn để đối phó với các cơ quan có thẩm quyền để người phạm tội dễ dàng thực hiện tội phạm tiếp theo.

Qua nghiên cứu cơ cấu về nơi cư trú cho thấy, số bị cáo phạm tội XPTDTE từ nơi khác đến ở trọ rồi gây án cũng không phải ít. Do Đồng Nai có nhiều KCN, nên đã thu hút nhiều lao động từ các địa phương khác đến làm việc, sinh sống. Trong khi đó công tác quản lý, kiểm soát số người đến tạm trú và lưu trú trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế vì người lao động chủ yếu ở nhà thuê, không có nơi cư trú ổn định, đa số là những người lao động phổ thông nên trình độ văn hóa thấp, sống xa nhà, hơn nữa các công ty sa thải công nhân ngày một nhiều dẫn đến một số lượng người lao động thất nghiệp không có việc làm rảnh rỗi thường tụ tập ăn chơi, nhậu nhẹt, dễ dàng bị bạn bè lôi kéo đó cũng là một trong những nguyên nhân phát sinh tội phạm nói chung và tội phạm XPTDTE nói riêng.

2.3.1.2. Những nguyên nhân và điều kiện chủ quan

Việc xem xét những nguyên nhân và điều kiện chủ quan người phạm tội XPTDTE không chỉ nhằm lý giải vì sao cùng trong một môi trường sống nhưng có

người phạm tội và có người không phạm tội. Qua đó có những giải pháp nhằm phòng ngừa và ngăn chặn tội phạm này

Qua nghiên cứu các bản án XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, người phạm tội mang những yếu tố sau dẫn đến hành vi phạm tội:

Thứ nhất, Những hạn chế về ý thức pháp luật cá nhân

Trong xã hội, tình trạng hạn chế, kém hiểu biết và thiếu ý thức tôn trọng pháp luật, kỷ cương, đạo đức xã hội của một bộ phận dân cư có trình độ văn hóa thấp, thiếu khả năng lĩnh hội, không cập nhật, không nhận thức, đánh giá đâu là hành động hợp pháp, đâu là hành động bất hợp pháp. Điều này làm cho cá nhân có nhận thức méo mó, thiếu kiểm chế, có thái độ thờ ơ, coi thường pháp luật, có xu hướng chống đối pháp luật và các cơ quan bảo vệ pháp luật dẫn đến phạm tội, đặc biệt là những đối tượng phạm tội lần đầu.

Thứ hai, sai lệch về sở thích, nhu cầu, khuynh hướng giá trị và những sai lệch về cách thức thỏa mãn nhu cầu, lợi ích vật chất của bản thân. Bản thân người phạm tội đã có sẵn động cơ phạm tội, coi thường nhân phẩm, danh dự của người khác, lối sống trụy lạc, nhu cầu tình dục tầm thường đã thúc đẩy họ phạm tội để thỏa mãn nhu cầu tình dục thấp hèn. Việc thực hiện hành vi phạm tội phụ thuộc vào chính chủ thể của tội phạm, thái độ thiếu tôn trọng pháp luật, đạo đức dẫn đến thái độ coi thường nhân phẩm của người khác, coi thường pháp luật đã hình thành ở họ những nhu cầu thỏa mãn cá nhân trái pháp luật. Sai lệch này được biểu hiện chủ yếu ở những người phạm tội tái phạm, tái phạm nguy hiểm. Những người này đã biết những điều cấm được quy định trong BLHS, đã bị gia đình, nhà trường và xã hội lên án, đã bị xét xử bằng một bản án hình sự và chấp hành theo quy định pháp luật. Thế nhưng họ vẫn phạm các tội XPTDTE hoặc phạm tội khác.

Thứ ba, nguyên nhân từ người phạm tội do nhu cầu thỏa mãn sự tò mò. Đặc điểm tâm lý phổ biến của con người trong độ tuổi mới lớn, nhất là ở các em nam. Ở độ tuổi dậy thì, khi cơ thể đang trưởng thành với sự thay đổi lớn, hàng ngày đã thôi thúc các em tìm cách khám phá những hiện tượng, biến đổi xung quanh hay khám

phá cơ thể người khác giới... Những tâm lý tò mò, thích khám phá này mà nhiều em nam đã thực hiện hành vi XPTDTE.

Thứ tư, là việc xem thường các nghĩa vụ. Các chuẩn mực như: đạo đức, pháp luật cần được con người tuân thủ. Một người đã thực hiện hành vi thuộc các tội XPTDTE thì người đó trước hết đã coi thường các chuẩn mực đạo đức, những thứ đã có từ lâu. Mặt khác chủ thể của hành vi phạm tội XPTDTE có những sai lệch này do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Về khách quan, do nhận thức chưa đúng về những chuẩn mực đạo đức và ứng xử trong đời sống xã hội, trong đó có chuẩn mực về tôn trọng quyền danh dự, nhân phẩm của người khác. Những sai lệch này kết hợp với sai lệch về ý thức pháp luật, sự khó khan trong kinh tế, sự thiếu hụt tình cảm và nhu cầu hạnh phúc gia đình cơ bản chưa được đáp ứng ...

2.3.2. Nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình tương tác xuất tâm

2.3.2.1. Những nguyên nhân và điều kiện chủ quan

Thứ nhất, sự kiên quyết của chủ thể hành vi phạm tội XPTDTE qua thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội. Kết quả nghiên cứu được trình bày ở phần 2.1 cho thấy: do nạn nhân còn nhỏ tuổi, nhận thức hạn chế nên thủ đoạn lợi dụng lòng tin của trẻ thường được sử dụng nhiều nhất, sử dụng vụ lực để gây án, dùng vật chất dụ dỗ trẻ hoặc dùng các thủ đoạn khác. Các đối tượng thường lợi dụng vào điều kiện, lựa chọn thời điểm thuận lợi, sự ngây thơ của trẻ nhỏ để thực hiện hành vi đội bại. Như vậy, có thể nhận xét rằng các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai chủ yếu hành động bột phát không có sự chuẩn bị từ trước, các đối tượng thực hiện bột phát, bất ngờ, dùng nhiều phương thức thủ đoạn để thực hiện hành vi xâm hại tình dục trẻ nhỏ, lợi dụng sơ hở của nạn nhân, điều kiện thuận lợi để gây án

Thứ hai, do lỗi của nạn nhân, qua thống kê 120 nạn nhân được nghiên cứu thì lợi ích mà các đối tượng hướng đến là xâm hại tình dục để thỏa mãn nhu cầu đội bại của người phạm tội. Vậy yếu tố nạn nhân của tội phạm XPTDTE là những đặc điểm về mặt sinh học, tâm lý, xã hội, lối sống của nạn nhân, đóng vai trò là nguyên nhân và điều kiện làm nảy sinh hành vi. Tại mục 2.2.2.5 đã trình bày lỗi của nạn nhân thể cụ thể trong đặc điểm nhân thân của nạn nhân cho thấy: Do đặc điểm về thể chất, các em còn non nớt chưa có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, chưa có khả năng chống trả lại các hành vi xâm

hại của tội phạm; đặc điểm tâm sinh lý của trẻ em, sự bông bột thiếu suy nghĩ và non nớt về trí tuệ nên chưa nhận thức được các hành vi bị xâm hại tình dục hoặc do tò mò, làm theo phim ảnh, sách báo đồi trụy, dùng chất kích thích của các em là nguyên nhân dẫn đến tình trạng trẻ bị xâm hại tình dục; do độ tuổi còn nhỏ nên khả năng phát triển về tâm lý, nhận thức còn hạn chế, còn thiếu kiến thức xã hội, thiếu hiểu biết pháp luật, kiến thức giới tính, dễ bị đối tượng phạm tội dụ dỗ, mua chuộc để thực hiện hành vi XPTDTE.

2.3.2.2. Những nguyên nhân và điều kiện khách quan

Những nguyên nhân và điều kiện khách quan chính là các yếu tố bên ngoài môi trường sống tác động làm phát sinh các tội XPTDTE. Hai yếu tố như thời gian và địa điểm (yếu tố tình huống) có vai trò rất quan trọng trong nhiều trường hợp liên quan đến các tội XPTDTE. Bởi việc xâm phạm tình dục nói chung và XPTDTE nói riêng là nhóm tội về nhu cầu tình dục, nhu cầu tâm sinh lý của con người, nhu cầu này thường không có thời điểm phát sinh cụ thể nên đối tượng phạm tội thường thực hiện hành vi một cách bộc phát, ít có sự cân nhắc, đối tượng phạm tội thường tận dụng mọi hoàn cảnh, điều kiện và có thể gây án vào bất cứ thời gian nào nếu điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi. Trong mục 1.2.2.2 đã phân tích tình huống thuận lợi nhất để thực hiện hành vi XPTDTE là nơi vắng vẻ, kín đáo hoặc tại nhà ở của bị hại trong những trường hợp trẻ nhỏ sống trong gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn bố mẹ thường xuyên vắng nhà nên dễ trở thành nạn nhân của các tội XPTDTE. Ngoài yếu tố thời gian và địa điểm thì sự thờ ơ của môi trường xã hội bên ngoài và sự yếu kém của các cơ quan chức năng trong việc phát hiện và ngăn chặn tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong thời gian qua cũng là một trong các nguyên nhân khách quan bên ngoài môi trường sống làm phát sinh các tội XPTDTE.

2.4. Thực trạng làm sáng tỏ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thông qua chủ thể phòng, chống tội phạm

Đấu tranh chống tội XPTD là hoạt động thường xuyên và là nhiệm vụ chung của mọi cá nhân, cơ quan, tổ chức. Tuy nhiên, chủ thể có vai trò quan trọng trong việc làm sáng tỏ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là các cơ quan bảo vệ pháp luật bao gồm: cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án. Chất lượng hoạt động của các cơ quan này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả

trấn áp tội phạm XPTDTE. Thực tế hiện nay cho thấy kết quả hoạt động trấn áp tội phạm XPTDTE của các chủ thể này vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Cụ thể như:

Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật với các cơ quan Nhà nước khác. Chế độ trao đổi thông tin tội phạm hàng tháng, quý giữa các cơ quan với nhau chưa được thường xuyên, chưa có sự tổng kết để tìm ra nguyên nhân, điều kiện nhằm đưa ra biện pháp đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này.

Còn hạn chế trong phát hiện tội phạm xâm phạm tình dục Các cơ quan này thiếu sự chủ động, tích cực phát hiện tội phạm. Trong 145 vụ án XPTDTE đã nghiên cứu cho thấy đa số các vụ phạm tội được phát hiện do nạn nhân, gia đình nạn nhân trình báo. Số việc được phát hiện nhờ vào hoạt động trinh sát, nghiệp vụ hay thể hiện vai trò của cơ quan chức năng trong việc chủ động tìm kiếm thông tin chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ.

Từ những con số trên cho thấy sự bị động của các cơ quan chức năng trong việc phát hiện tội phạm XPTDTE. Việc phát hiện tội phạm chậm trễ, không kịp thời sẽ có những tác động xấu đến tình hình các tội XPTD, tạo cơ hội cho họ thực hiện hành vi phạm tội mới.

Đối với lực lượng CQĐT: Điều tra tội phạm XPTDTE là quá trình thực hiện đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ của ngành Công an, như: tiếp nhận, xử lý thông tin, điều tra tại hiện trường, sử dụng các biện pháp nghiệp vụ chuyên ngành để nhanh chóng làm rõ hành vi phạm tội. Tuy nhiên việc tiếp nhận xử lý thông tin có liên quan đến hành XPTDTE chưa được chú trọng, lúng túng. Các mô hình như tổ tự quản, hòm thư tố giác tội phạm được bố trí nhiều nhưng còn mang tính hình thức, chưa thật sự phát huy hiệu quả. Sự phối hợp giữa các bộ phận nghiệp vụ trong cùng lực lượng công an và các ngành, các cấp trong thực hiện các biện pháp phòng, chống chưa đồng bộ nhất là trong quản lý, xử lý những người phạm tội. Các cơ quan điều tra trên địa bàn tỉnh chưa thực sự tích cực, quyết liệt trong đấu tranh, phòng chống tội phạm XPTDTE, dẫn đến tình trạng án XPTDTE được điều tra khá thấp so với tội phạm xảy ra trên thực tế, quá trình điều tra dẫn đến bỏ lọt tội phạm dẫn đến VKSND phải trả hồ sơ bổ sung.

Đối với cơ quan VKSND: VKSND có rất nhiều điều kiện để làm tốt công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, như kịp thời phát hiện những bất cập, những sơ hở trong pháp luật và trong việc thực thi pháp luật của các ngành, các cấp, những sơ hở trong quản lý nhà nước, của nhân dân, từ đó chủ động tham mưu cho Đảng và chính quyền trong công tác phòng ngừa tội phạm nói chung và tội phạm XPTDTE nói riêng. Viện kiểm sát chưa có những tổng kết thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm từ những vụ việc cụ thể để làm tốt hơn vai trò của mình.

Đối với TAND: Do vụ án XPTDTE mang tính chất nhạy cảm nên việc xét xử công khai nhằm tuyên truyền, giáo dục pháp luật còn hạn chế. Đội ngũ thẩm phán có chất lượng không đồng đều, tình trạng một số thẩm phán chưa tập trung nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, việc xét xử tại phiên tòa chưa đôi lúc chưa hiệu quả như: khi xét xử còn tùy tiện trong việc áp dụng mức phạt, chưa thấu tình đạt lý, áp dụng pháp luật còn máy móc. Lực lượng hội thẩm nhân dân chủ yếu là những cán bộ về hưu, trình độ pháp luật còn hạn chế, không chủ động nghiên cứu hồ sơ cũng như bảo vệ ý kiến quan điểm của mình khi xét xử, qua trình xét xử còn phụ thuộc thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Kết luận chương 2

Trong chương 2, tác giả đã trình bày thực trạng nhận thức nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, thực trạng hậu quả (quan hệ nhân – quả) của nguyên nhân và điều kiện và tìm ra các nguyên nhân và điều kiện cụ thể của tình hình tội phạm này. Qua nghiên cứu những nội dung trên cho thấy:

Tình hình các tội XPTDTE các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong giai đoạn 2012 – 2016 diễn biến khá phức tạp, có xu hướng gia tăng cả về số vụ, tính chất và hành vi phạm tội.

Nguyên nhân và điều kiện của các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng thuộc về người phạm tội do thỏa mãn nhu cầu tình dục thấp hèn, trình độ học vấn thấp. Hành vi phạm tội chủ yếu do bộc phát nhất thời không có sự chuẩn bị từ trước. Người phạm tội chủ yếu là phạm tội lần đầu, độ tuổi chủ yếu từ 30 tuổi trở lên, không có nghề nghiệp ổn định, phần lớn sinh sống ở nông thôn, có trình độ văn hóa

thấp. Hành vi phạm tội được thực hiện ở những nơi vắng vẻ, ít người qua lại, thậm chí ở nhà bị hại, người phạm tội và người bị hại chủ yếu là quen biết nhau. Ngoài nguyên nhân chủ yếu trên còn có các nguyên nhân và điều kiện thuộc về môi trường sống như yếu tố thuộc phạm vi gia đình, nhà trường, bên cạnh đó các yếu tố tiêu cực trong sự phát triển kinh tế - xã hội khiến một bộ không nhỏ người dân gặp khó khăn, thất nghiệp; công tác tuyên truyền pháp luật chưa đạt hiệu quả, quản lý các lĩnh vực có liên quan đến an ninh trật tự còn lỏng lẻo, tạo điều kiện cho loại tội phạm này phát sinh; những hạn chế trong công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án tội XPTDTE như trình độ chuyên môn, sự phối hợp giữa các cơ quan này vẫn còn một số hạn chế. Một số vụ án XPTDTE có nguyên nhân và điều kiện không nhỏ thuộc về nạn nhân như sống buông thả.

Những nội dung đã được nghiên cứu và trình bày trong chương 2 sẽ là cơ sở để tác giả tiếp tục nghiên cứu đến nguyên nhân và điều kiện, từ đó có cơ sở dự báo THTP trong tương lai và tìm ra các biện pháp phòng ngừa hiệu quả cho tình hình tội XPTDTE trong thời gian tới.

Chương 3

NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC TRẺ EM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI PHÒNG NGỪA HIỆN TƯỢNG TIÊU CỰC NÀY

3.1. Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em và dự báo tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Trên cơ sở phân tích khái quát tình hình tội phạm xâm phạm tình dục trẻ em, kết quả nghiên cứu, khảo sát, đánh giá và điều tra xã hội học về những nguyên nhân và điều kiện của các tội XPTDTE, tác giả đưa ra một số dự báo tình hình tội phạm diễn ra trong tương lai, đồng thời cũng đề ra một số giải pháp, kiến nghị góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa tình hình tội phạm XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong thời gian tới.

3.1.1. Cơ sở dự báo

Dự báo tình hình tội phạm là một phần, một bộ phận của dự báo xã hội, vì bản chất của tội phạm là một hiện tượng xã hội [60, tr.183].

Dự báo tình hình tội phạm nói chung và tội phạm XPTDTE nói riêng, là một hoạt động quan trọng và không thể thiếu được trong quá trình nghiên cứu. Bởi làm tốt việc nghiên cứu dự báo THTP thì sẽ có căn cứ khoa học để đề ra các biện pháp phòng ngừa tội phạm phù hợp, có tính khả thi và đạt hiệu quả phòng ngừa loại tội phạm XPTDTE này. “*Dự báo THTP là sự phán đoán về thực trạng, diễn biến, tính chất của THTP có thể xảy ra trong tương lai, về các nguyên nhân và điều kiện, về các khả năng phòng chống nó trong từng giai đoạn nhất định và việc đánh giá về chất và lượng của những thay đổi trong tình hình tội phạm; các nguyên nhân và điều kiện của nó*” [60, tr.183].

Hoạt động dự báo tình hình các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong thời gian tới được xác lập trên cơ sở khoa học đó là: Số liệu về tình hình các tội XPTDTE trong thời gian nghiên cứu từ năm 2012 đến năm 2016; những tài liệu về hiện tượng kinh tế - xã hội tiêu cực đã, đang và sẽ tác động đến tình hình tội này; kết quả nghiên cứu về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE; hiệu quả

hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm của hệ thống tư pháp hình sự. Đặc biệt, phải hiểu rõ rằng tình hình tội phạm nói chung, tình hình các tội XPTDTE đều là hiện tượng xã hội vì nó tồn tại trong xã hội, có nguồn gốc xã hội, có nội dung xã hội và số phận của nó cũng mang tính xã hội. Vì vậy, dự báo tình hình các tội XPTDTE phải đặt trong sự biến đổi của các điều kiện kinh tế - xã hội của địa bàn tỉnh Đồng Nai ở từng giai đoạn tương ứng.

3.1.2. Nội dung dự báo tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em

Trên cơ sở phân tích, nghiên cứu nguyên nhân, điều kiện phạm tội, cũng như kết quả của hoạt động đấu tranh phòng, chống các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong thời gian từ năm 2012 - 2016 có thể đưa ra dự báo tình hình tội phạm này tại địa phương trong thời gian tới như sau:

- Diễn biến và tính chất: Tuy số lượng các tội XPTDTE không nhiều như các loại tội phạm khác như trộm cắp tài sản, cố ý gây thương tích, lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản... nhưng số lượng các tội XPTDTE sẽ gia tăng, nhất là tội hiếp dâm và giao cấu với trẻ em. Bên cạnh việc gia tăng về số lượng, tính chất của các tội XPTDTE cũng nghiêm trọng hơn, có thể đi kèm với các tội khác như giết người, cướp tài sản..., phương thức, thủ đoạn phạm tội càng tinh vi, xảo quyệt, tính chất mức độ nguy hiểm ngày càng cao, hậu quả ngày càng lớn. Do đó, các yếu tố là nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh vẫn chưa được khắc phục, loại trừ.

- Về chủ thể thực hiện tội phạm: Đa phần những vụ việc được phát hiện, đối tượng gây án là người quen biết, thậm chí là người thân với nạn nhân đã lợi dụng, dụ dỗ hoặc đe dọa để thực hiện hành vi phạm tội, trong khi bản thân nạn nhân còn nhỏ tuổi, không có khả năng tự bảo vệ hoặc chưa có ý thức về việc bị xâm hại, có khoảng 90% số vụ XPTDTE đối tượng phạm tội là những người thường xuyên gần gũi, quen biết (người quen của bố mẹ các em, hàng xóm, họ hàng, thầy giáo, thậm chí là bố dượng, bố đẻ...). Đây là những đối tượng đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và một số ít các trường hợp người ở các tỉnh lân cận có quen biết với nạn nhân, gia đình nạn nhân hoặc ở gần gia đình nạn nhân. Các đối tượng này tập trung chủ yếu ở độ 30

tuổi trở lên và vẫn tập trung vào những người không có nghề nghiệp, nghề nghiệp không ổn định hoặc trình độ văn hóa thấp, có nhu cầu lệch lạc về nhu cầu tình dục, hay tụ tập bạn bè nhậu nhẹt...

- Về phương thức và thủ đoạn thực hiện: Đối tượng phạm tội thường lợi dụng trẻ ở nhà một mình, sự thiếu hiểu biết về giới tính và khả năng phòng vệ yếu của các bé gái để thực hiện hành vi xâm hại tình dục hoặc dùng tình cảm để dụ dỗ, lừa gạt nạn nhân hoặc dùng lợi ích vật chất như tiền, quà để đưa nạn nhân tới các địa điểm thuận lợi như nhà nghỉ, khách sạn cà phê sân vườn, những nơi vắng vẻ ít người qua lại, thậm chí là tại cửa nạn nhân. Một số trường hợp, đối tượng có dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác làm tê liệt sự kháng cự của nạn nhân để thực hiện hành vi XPTD.

- Về địa bàn gây án: Trên tất cả 11 đơn vị hành chính cấp huyện thuộc tỉnh Đồng Nai đều có thể xảy ra tội phạm XPTDTE. Hai địa phương có sự gia tăng về tội phạm này là huyện Trảng Bom và thành phố Biên Hòa đây là địa phương có nhiều thành phần phức tạp, an ninh không ổn định, mặc dù được các ban ngành quan tâm nhưng đây vẫn là đơn vị có số vụ XPTDTE nhiều nhất trong tỉnh.

- Về nạn nhân: Trẻ em bị xâm hại tình dục xảy ra ở nhiều độ tuổi, độ tuổi từ 6 tuổi đến dưới 13 tuổi vẫn chiếm chủ yếu, bởi vì số này có điều kiện tiếp xúc với nhiều loại hình internet, mạng xã hội như facebook, zalo, vaiber... nên dễ làm quen, bị lôi kéo, dụ dỗ, tạo điều kiện để phần tử xấu thực hiện hành vi XPTD. Đặc biệt có cả những bé dưới 09 tuổi chưa có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không có khả năng tự bảo vệ mình trước nguy cơ bị xâm hại; các em rất dễ bị dụ dỗ, lừa phỉnh, lôi kéo bằng cách như cho bánh kẹo hoặc đồ chơi yêu thích để đối tượng xấu lợi dụng thực hiện hành vi phạm tội của mình. Nhiều trường hợp, do các cháu không nhận thức được vấn đề nên thường chịu đựng không dám nói sự việc để cha mẹ biết hoặc các em sợ đối tượng phạm tội đánh hoặc hứa hẹn nếu các em không nói sẽ tiếp tục cho quà... Chính vì vậy, nhiều vụ việc xâm hại tình dục trẻ em không bị phát giác; đồng thời, đối tượng phạm tội vẫn ung dung ngoài vòng pháp luật, tiếp tục lừa phỉnh, lợi dụng các em để xâm hại tình dục trong một thời gian dài

Nạn nhân bị xâm hại chủ yếu trẻ em gái, phần lớn trong độ tuổi từ 13 – 16, thậm chí có nạn nhân dưới 6 tuổi. Các vụ xâm hại thường xảy ra ở các khu chung

cur, tập thể, một số vùng nông thôn... nơi không có người trông coi, giám sát thường xuyên. Nhiều vụ có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, loạn luân, thể hiện sự suy đồi đạo lý, coi thường pháp luật, tính mạng và nhân phẩm của nạn nhân.

3.2. Tăng cường nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Phòng, chống tội phạm nói chung và các tội XPTDTE nói riêng là việc các cơ quan của Nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân bằng nhiều biện pháp nhằm khắc phục những nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội nhằm ngăn chặn, hạn chế và làm giảm từng bước, tiến tới loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

Các cơ quan có trách nhiệm trong việc chấp hành các qui định của pháp luật về đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại tình dục trẻ em bao gồm cơ quan chuyên trách và cơ quan không chuyên trách.

3.2.1. Đối với cơ quan chuyên trách

Cán bộ tư pháp phải nâng cao trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, phải xác định đấu tranh phòng ngừa tội phạm là thể hiện ở nhiều phương diện, không chỉ chú trọng đến việc thu thập chứng cứ, chứng minh, điều tra tội phạm mà trong quá trình giải quyết vụ án các Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán phải có trách nhiệm phát hiện và làm rõ các nguyên nhân và điều kiện của tội phạm. Nhiệm vụ này là một trong các nội dung mới được bổ sung trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được Quốc hội thông qua ngày 27/11/2015, quy định tại Điều 6 phát hiện và khắc phục nguyên nhân, điều kiện phạm tội: *“1. Trong quá trình tiến hành tố tụng hình sự, Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm phát hiện nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục phòng ngừa.”* [30]

Điều luật còn quy định trách nhiệm của Cơ quan, tổ chức hữu quan phải thực hiện yêu cầu, kiến nghị của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. *“Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, kiến nghị, cơ quan, tổ chức hữu quan*

phải trả lời bằng văn bản về việc thực hiện yêu cầu, kiến nghị của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.”

Trên cơ sở các quy định của pháp luật, Tòa án các cấp tăng cường sự phối hợp với Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát và các cơ quan hữu quan khác để thu thập đầy đủ chứng cứ, hoàn thiện hồ sơ vụ án; thường xuyên trao đổi, thống nhất nhận thức về các quy định của pháp luật cũng như những vấn đề còn có ý kiến khác nhau về đánh giá các tình tiết khách quan của vụ án, nhằm đảm bảo xét xử, giải quyết các vụ án về xâm hại tình dục phụ nữ và trẻ em đúng pháp luật.

Cần xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ pháp luật phải bản lĩnh sáng tạo, có tâm huyết và lòng dũng cảm, thật sự tài năng, trí tuệ. Chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ pháp luật (tích cực tham gia các lớp đào tạo, tập huấn nghiệp vụ, tổng kết rút kinh nghiệm...), kịp thời cập nhật những thông tin, kiến thức pháp luật mới, những phương thức thủ đoạn mới của tội phạm, những nguyên nhân và điều kiện của nhóm tội xâm phạm tình dục. Mỗi cơ quan tiến hành tố tụng cần xây dựng trong ngành mình chuyên đề bồi dưỡng chuyên sâu cũng như đề tài nghiên cứu khoa học về nguyên nhân và điều kiện của các tội XPTDTE.

Thường xuyên tổ chức việc trao đổi, rút kinh nghiệm công tác xét xử, đặc biệt là kinh nghiệm xét xử, giải quyết các vụ án về xâm hại tình dục phụ nữ và trẻ em trong toàn hệ thống Tòa án nhân dân.

Cùng với việc áp dụng các biện pháp theo luật định, đẩy nhanh tiến độ giải quyết án thì công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án XPTDE cần chú ý một số nội dung sau: khuyến khích, động viên nạn nhân và gia đình nạn nhân tích cực tham gia các hoạt động điều tra giám định, nhận dạng, đối chất.... Trong các vụ án XPTDTE, nạn nhân giữ vai trò quan trọng. Tuy nhiên, vì là những người chưa thành niên tâm lí, nhận thức chưa đầy đủ nên những nạn nhân thường rất sợ hãi, hoảng loạn khi bị hành vi phạm tội xâm hại. Vì vậy, cán bộ thụ lý vụ án cần phải có những hiểu biết sâu sắc về tâm, sinh lí của trẻ em để sử dụng các chiến thuật hợp

lý, giúp nạn nhân vượt qua nỗi ám ảnh, sợ hãi, mặc cảm, để bình tĩnh trình bày những tình tiết phục vụ quá trình điều tra làm rõ vụ án.

3.2.2. Đối với các cơ quan, tổ chức không chuyên trách

Cụ thể, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tăng cường giáo dục kiến thức, kỹ năng bảo vệ trẻ em, đặc biệt về phòng ngừa xâm hại tình dục và bạo lực đối với trẻ em cho cha mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ, người trực tiếp làm việc với trẻ em và kiến thức, kỹ năng tự bảo vệ mình trước các nguy cơ bị xâm hại cho trẻ em.

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các trường học, cơ sở giáo dục trên địa bàn thực hiện các biện pháp bảo vệ trẻ em; xây dựng môi trường sư phạm an toàn, lành mạnh, không có bạo lực, xâm hại trẻ em; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua “*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*”. Đặc biệt, tăng cường tuyên truyền, giáo dục kiến thức về giới và kỹ năng phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh tại các cơ sở giáo dục, trường học; kịp thời phát hiện các trường hợp học sinh có dấu hiệu bị bạo lực, xâm hại, thông báo, cung cấp thông tin và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc điều tra, xử lý.

Sở Y tế hướng dẫn hệ thống y tế cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc, tư vấn sức khỏe, hỗ trợ khẩn cấp cho trẻ em bị bạo lực, xâm hại; nâng cao năng lực, kỹ năng cho cán bộ y tế trong việc chăm sóc, tư vấn sức khỏe đối với trẻ em bị bạo lực, xâm hại.

Sở Văn hóa và Thể thao phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình; hướng dẫn gia đình kiến thức, kỹ năng bảo vệ trẻ em, phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em, trách nhiệm phát hiện, thông báo, tố giác hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em.

Sở Thông tin và Truyền thông định hướng các cơ quan báo chí, thông tin đại chúng dành thời lượng, chuyên mục, chuyên trang hợp lý để đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em; tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ

năng về bảo vệ trẻ em, phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em; phát hiện, lên án các hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em và bảo đảm quyền bí mật thông tin của trẻ em.

UBND các huyện và thành phố Biên Hòa đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức, trách nhiệm của gia đình, cộng đồng, các cấp chính quyền trong việc phòng ngừa, phát hiện, tố giác các hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em; triển khai thực hiện Luật trẻ em và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật; ưu tiên bố trí nguồn lực để bảo đảm việc hỗ trợ, can thiệp cho trẻ em khi bị bạo lực, xâm hại...

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, huyện và thành phố Biên Hòa, Thành đoàn, Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc tỉnh, huyện và thành phố tăng cường giám sát việc thực thi pháp luật về bảo vệ trẻ em; tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và toàn xã hội lên án mạnh mẽ, kịp thời phát hiện, tố giác các hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em, đặc biệt là xâm hại tình dục trẻ em

Hội Từ thiện và Bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Đồng Nai và các tổ chức xã hội, trong phạm vi chức năng của mình, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ trẻ em trong tổ chức của mình và quần chúng nhân dân; tiếp nhận, thu thập thông tin về các hành vi, vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em, kịp thời chuyển tới các cơ quan có thẩm quyền để can thiệp, xử lý; tư vấn, tham gia hỗ trợ, can thiệp cho trẻ em khi bị xâm hại, bạo lực theo quy định của pháp luật.

3.3. Giải pháp khắc phục các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em để phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

3.3.1. Những giải pháp khắc phục nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Từ thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2012- 2016, tác giả đưa ra một số giải pháp để phòng ngừa, ngăn chặn loại tội phạm này như sau:

3.3.1.1. Giải pháp khắc phục các hạn chế trong môi trường gia đình

Gia đình là môi trường quan trọng hình thành nuôi dưỡng và giáo dục nhân

cách, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp chống lại các tệ nạn xã hội, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc vì vậy xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc là một trong những mục tiêu quan trọng của chiến lược phát triển kinh tế xã hội, đồng thời là trách nhiệm của mỗi gia đình. Để phòng ngừa tội phạm nói chung và tội phạm XPTDTE nói riêng cần phải hạn chế, loại trừ những nguyên nhân làm phát sinh nhân thân xấu từ góc độ gia đình như: Mỗi gia đình cần phải tạo bầu không khí gia đình ấm áp và hòa thuận, gắn bó, quan tâm chăm sóc lẫn nhau giữa các thành viên để giúp trẻ luôn có cảm giác bình yên và yêu thương; Xây dựng nếp sống sinh hoạt lành mạnh để trẻ có thời gian luyện tập nhân cách của mình.; Việc giáo dục con cái trong gia đình đòi hỏi cha mẹ cần có phương pháp giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm lý, khí chất, trí tuệ, năng khiếu... của mỗi đứa trẻ để chúng tự tin bộc lộ hết khả năng của mình. Không được quá nuông chiều hoặc quá nghiêm khắc đối với trẻ, cần có sự động viên khích lệ, khen thưởng khi trẻ làm được việc tốt, có thành tích cao trong học tập, ngược lại phải phê bình và uốn nắn khi trẻ làm việc gì sai trái, thành tích học tập không tốt; Cha mẹ là người thầy đầu tiên của trẻ, con cái lệ thuộc, hay đê ý và bắt chước cha mẹ. Do đó cha mẹ là người trực tiếp gieo vào tâm hồn trẻ những hạt giống yêu thương, trung thực, tốt bụng hay giả dối, gây hấn, bạo lực... Vì thế cha mẹ phải làm người sáng để trẻ noi theo, phải hoàn thiện bản thân một cách tốt nhất, thẳng thắn và có bản lĩnh để biết nhận lỗi và sửa sai một cách cụ thể. Qua đó trẻ học được lòng can đảm, tính trung thực và có lòng bao dung; Gia đình cần giáo dục lao động, nghề nghiệp và rèn luyện tính tự lập cho trẻ bởi đối với mỗi con người, lao động vừa là phương thức hình thành nhân cách, phát triển tình cảm, bộc lộ năng lực cá nhân, vừa tạo ra nguồn của cải nuôi sống bản thân và xã hội. Chỉ thông qua lao động, con người mới có điều kiện hoàn thiện nhân cách, trở thành con người phát triển toàn diện.

3.3.1.2. Giải pháp khắc phục các hạn chế trong môi trường nhà trường

Thời gian qua, môi trường nhà trường còn bộc lộ những hạn chế là nguyên nhân của tình hình tội phạm như đã phân tích ở Chương 2. Cần phải có các biện pháp khắc phục các yếu tố tiêu cực xuất phát từ nhà trường, đó là: Cao tỷ lệ học

sinh đến trường, hạn chế tình trạng bỏ học cần có chính sách khuyến khích, động viên các bậc phụ huynh cho con em đến trường và chính sách hỗ trợ đối với học sinh, sinh viên nhất là người dân tộc thiểu số, có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn; Tiến hành cải cách, đổi mới nội dung giáo dục cho phù hợp với từng lứa tuổi, từng học sinh (học sinh cá biệt...), đó là giáo dục kiến thức khoa học với kiến thức xã hội, kiến thức pháp luật phải song song, học đi đôi với hành. Đổi mới phương thức dạy học nhằm cuốn hút học sinh say mê học tập, nâng cao vai trò chủ động, phát huy khả năng sáng tạo trong học tập của các em. Đặc biệt, cần quan tâm giáo dục về pháp luật giới tính cũng như tuyên truyền kiến thức về tình yêu, tình dục lành mạnh cho trẻ em và người chưa thành niên. Nhà trường cần tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng, các tổ chức đoàn thể thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho học sinh, sinh viên, người chưa thành niên; tuyên truyền về các thủ đoạn phạm tội XPTDTE và các biện pháp phòng ngừa...

Tăng cường sự phối hợp trong giáo dục giữa nhà trường và gia đình cần được tiến hành thường xuyên, nghiêm túc mới nâng cao được hiệu quả giáo dục. Trong quá trình giảng dạy nhà trường và gia đình cần phải có sự gặp gỡ, trao đổi... để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và phát hiện những biểu hiện sai trái của học sinh, sinh viên ở trường, ở nhà để có biện pháp giáo dục kịp thời phù hợp và hiệu quả.

3.3.1.3. Hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường bạn bè

Môi trường bạn bè cũng có ảnh hưởng vô cùng quan trọng trong việc hình thành các đặc điểm nhân thân xấu, đặc biệt là bạn bè đồng trang lứa. Vì vậy, cha mẹ phải thường xuyên quan tâm để biết trẻ chơi với những bạn thân nào, tốt hay xấu để định hướng cho trẻ, động viên khuyến bảo trẻ tránh xa những bạn có lối sống tiêu cực, những bạn thường xuyên la cà tụ tập ở những điểm ăn chơi, tập tành uống rượu bia, hút thuốc... Định hướng cho trẻ không được quan hệ chơi bời với những người có lối sống không lành mạnh, bởi triết lý kinh nghiệm: "gần mực thì đen, gần đèn thì sáng"

3.3.1.4. Hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường văn hóa

Để hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường văn hóa đến quá trình hình thành nhân cách của trẻ, cần tăng cường phòng chống văn hóa phẩm độc hại, các tệ nạn xã hội, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Sở Thông tin và Truyền thông

phối hợp với ngành Công an tiến hành kiểm tra việc chấp hành các quy định kinh doanh của các cơ sở kinh doanh Internet, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp lập trang web, phát tán, chia sẻ các phim ảnh, bài viết có nội dung khiêu dâm, kích dục và Sở Văn hóa, thể thao và du lịch cần tăng cường các biện pháp giải quyết tình trạng nhập khẩu, tiếp thu thiếu chọn lọc những sản phẩm văn hóa nước ngoài, tình trạng các văn hóa phẩm độc hại, bạo lực được bày bán và sử dụng công khai như hiện nay; phải quản lý chặt chẽ việc kiểm duyệt truyện, sách, báo, game online, băng đĩa, phim ảnh có nội dung không lành mạnh. Cần tăng cường công tác quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực có liên quan đến an ninh trật tự, tổ chức phối hợp thanh, kiểm tra các ngành nghề kinh doanh có điều kiện có nguy cơ tội phạm chọn làm địa điểm để thực hiện hành vi xâm phạm tình dục trẻ em như: nhà nghỉ, khách sạn, cơ sở massage, quán giải khát sân vườn..., nhằm hạn chế tình hình tội phạm XPTDTE. Bên cạnh đó, chính quyền, các ban, ngành của tỉnh cần quan tâm tổ chức các loại hình văn hóa lành mạnh, thể dục thể thao thu hút thanh, thiếu niên và mọi người tham gia, góp phần hạn chế các nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm nói chung và tội phạm XPTDTE nói riêng.

3.3.1.5. Giải pháp khắc phục các hạn chế thuộc môi trường kinh tế - xã hội

Thực hiện tốt chính sách phát triển kinh tế xã hội, để khắc phục, hạn chế và loại trừ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE tại Đồng Nai.

Cần có chính sách phát triển kinh tế hợp lý đối với từng lĩnh vực, ngành kinh tế để tạo việc làm. Cải cách thủ tục hành chính, khuyến khích đầu tư sản xuất, đặc biệt là đầu tư nước ngoài làm thay đổi dần cơ cấu phát triển kinh tế. Để giảm tỉ lệ thất nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, các cấp chính quyền địa phương cần đẩy mạnh phát triển thị trường, xúc tiến thương mại, đẩy mạnh hỗ trợ các hoạt động sản xuất kinh doanh như điều chỉnh hạn mức cho vay, tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng với lãi suất hợp lý...Hỗ trợ để khuyến khích và thu hút nhân tài là con em của tỉnh đang theo học các khóa đào tạo trên mọi miền đất nước, giúp họ có cơ hội được cống hiến cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà, đồng thời góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người dân địa phương, làm hạn chế

tình trạng thất nghiệp là một trong những nguyên nhân phát sinh tội phạm nói chung và XPTDTE em nói riêng.

Để thu hẹp khoảng cách giàu- nghèo, chính quyền địa phương cần có chính sách ưu đãi hơn với phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội ở miền núi đặc biệt đối với đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Hiện nay, trong điều kiện tốc độ đô thị hóa ngày càng có nhiều lao động nông thôn ở Đồng Nai không còn đất sản xuất, không có việc làm, họ cần được đào tạo nghề, cần có công việc phù hợp. Do vậy tỉnh cần có chính sách đẩy mạnh phát triển nông thôn, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng nâng cao giá trị ngành dịch vụ trong nông nghiệp, phát triển sản xuất các mặt hàng nông sản đa dạng là thế mạnh của tỉnh (hồ tiêu, điều, cà phê) có khả năng cạnh tranh cao, tăng cường công nghiệp hóa nông thôn. Tổ chức tốt việc dạy nghề cho lứa tuổi thanh thiếu niên để họ có việc làm tại chỗ, tránh tình trạng lao động thuần nông bỏ nông thôn lên thành thị kiếm việc làm hoặc người dân nông thôn không có việc làm, dư thừa thời gian dễ phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm.

Đẩy mạnh phát triển các làng nghề truyền thống ở các địa phương trong tỉnh bằng các chính sách hỗ trợ, đầu tư vốn, đầu tư trang thiết bị kỹ thuật, xây dựng thương hiệu sản phẩm làng nghề thủ công mỹ nghệ, tạo được công việc cho nhiều người. Đẩy lùi các tệ nạn xã hội, tăng cường giám sát việc thực hiện pháp luật trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là những nơi tập trung các đối tượng liên quan đến tệ nạn xã hội chủ yếu ở các khu công nghiệp để kịp thời phát hiện và xử lý. Tạo ra môi trường lành mạnh, nhiều chương trình, sân chơi bổ ích, phong phú, đa dạng loại hình vui chơi, giải trí để thu hút người dân tham gia, từ đó sẽ tránh xa được các tệ nạn và hành vi phạm tội.

3.3.1.6. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật

Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành kế hoạch phòng chống tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh. Các tổ chức tuyên truyền nên đa dạng hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống

XPTD như: Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện công tác PBGDPL thông qua các hình thức cụ thể như: Phổ biến về tội XPTDTE thông qua: nói chuyện chuyên đề pháp luật; tập huấn; các buổi sinh hoạt đoàn thể, sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật, qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, internet, panô, áp-phích, tranh cổ động, đăng tải trên Công báo, đăng tải thông tin pháp luật trên trang thông tin điện tử; Tăng cường phổ biến phòng chống XPTDTE qua hình thức báo viết, báo điện tử, các chuyên trang, chuyên mục trên Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai, Báo Đồng Nai và các phương tiện thông tin đại chúng khác. Chú trọng sử dụng có hiệu quả hệ thống loa truyền thanh cơ sở trong việc phổ biến thông tin pháp luật.

Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai, Báo Đồng Nai đa dạng hóa các hình thức PBGDPL để phổ biến các quy định của pháp luật, tình hình thi hành pháp luật và thông tin khác về pháp luật. Tiếp tục củng cố, phát huy hiệu quả tối đa hệ thống phát thanh ở cơ sở; quan tâm đầu tư trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật.

Bên cạnh việc đổi mới, đa dạng về hình thức thì nội dung của công tác tuyên truyền cũng cần được đổi mới cho phù hợp hơn, vừa thiết thực, vừa gần gũi với đời sống hàng ngày của nhân dân. Các nội dung tuyên truyền giáo dục về phòng ngừa XPTDTE cần phù hợp với từng nhóm đối tượng, lứa tuổi. Khi biên soạn các nội dung tuyên truyền nâng cao hiểu biết pháp luật về XPTDTE cần phải đơn giản, dễ hiểu nhưng vẫn bảo đảm mọi người hiểu đúng, hiểu rõ.

Xây dựng, củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ nòng cốt làm công tác PBGDPL có kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ và chuyên sâu theo từng lĩnh vực pháp luật ở các cấp, các ngành. Thường xuyên rà soát, đánh giá thực trạng và xây dựng kế hoạch đảm bảo đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ PBGDPL hàng năm cho báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật và cán bộ làm công tác PBGDPL. Không ngừng nâng cao năng lực, trình độ cho đội ngũ công chức tư pháp đáp ứng các yêu cầu quy định trong Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, đặc biệt là rà soát, kiện toàn đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật từ tỉnh đến cơ sở theo Thông tư sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2013/TT-BTP ngày 18/12/2013 của Bộ Tư pháp. Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của các tổ chức

tham gia PBGDPL tại cơ sở; tổ chức bồi dưỡng, đào tạo về kiến thức pháp luật, nghiệp vụ PBGDPL cho đội ngũ này. Huy động các luật sư, luật gia, thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên, trợ giúp viên pháp lý và những người làm công tác pháp luật khác tham gia công tác PBGDPL.

3.3.1.7. Giải pháp khắc phục các hạn chế của pháp luật

Trước tình trạng xâm hại tình dục trẻ em thời gian qua, các cơ quan liên quan đến công tác phòng ngừa, đấu tranh cần tìm những nỗ lực trong quá trình triển khai các quy định của pháp luật trong thực tiễn để có những giải pháp khắc phục hạn chế của pháp luật trong thời gian tới.

Một trong những hạn chế các quy định, các thủ tục pháp luật liên quan tới các hành vi, vi phạm liên quan đến hành vi vi phạm xâm hại tình dục trẻ em và các chế tài xử phạt, pháp luật về hình sự và tố tụng hình sự, luật giám định, tư pháp, đặc biệt là những quy định đặc biệt liên quan đến quy trình xét xử các vụ án xâm hại tình dục đối với trẻ em phải có những quy định riêng để làm sao nhanh chóng, thuận tiện nhất để đảm bảo quyền lợi trẻ em.

Những hành vi xâm hại trẻ em, trong đó hành vi có dấu hiệu phạm tội dâm ô đối với trẻ em quy định tại điều 116 Bộ luật Hình sự. Tội phạm dâm ô đối với trẻ em thường ít để lại dấu vết, nạn nhân càng nhỏ tuổi thì việc thu thập chứng cứ lại càng khó khăn hơn. Với những trường hợp này, để thu thập chứng cứ, tiến tới khởi tố vụ án, khởi tố bị can, truy tố, xét xử là cả vấn đề phức tạp. " Hiện nay trong Bộ luật Hình sự chỉ có những từ ngữ cơ bản, chung chung về tội danh dâm ô đối với trẻ em. Hầu hết các tài liệu đào tạo về luật pháp hiện nay thì từ "dâm ô" cũng chưa được mổ xẻ"

Để thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm xâm hại tình dục trẻ em cần rà soát, bổ sung hệ thống pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và xử lý vi phạm hành chính liên quan đến hành vi xâm hại tình dục trẻ em, đặc biệt là hành vi dâm ô đối với trẻ em để thuận lợi trong quá trình thực thi pháp luật.

3.3.2. Những giải pháp khắc phục hậu quả của nguyên nhân và điều kiện

3.3.2.1. Những giải pháp ngăn chặn tội phạm tiềm tàng

- Tác động vào chủ thể tiềm tàng của các tội phạm xâm phạm tình dục trẻ em

Để tác động vào chủ thể tiềm tàng của các tội phạm xâm phạm tình dục trẻ em cần thực hiện các biện pháp quản lý hành chính của UBND cấp huyện, xã, đặc biệt là của Công an các cấp. Các giải pháp bao gồm:

Thứ nhất, cần tăng cường quản lý hộ tịch, hộ khẩu: rà soát các quy định về quản lý đăng ký hộ khẩu, khai báo, đăng ký tạm trú, tạm vắng để cải cách thủ tục hành chính, giảm phiền hà, làm mất thời gian của nhân dân, công khai niêm yết các thủ tục để người dân biết, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân đăng ký hộ khẩu, đổi mới công tác quản lý đăng ký hộ khẩu, tạm trú, tạm vắng từ thủ công qua cách thức sử dụng công nghệ thông tin. Cần có biện pháp xử lý nghiêm cán bộ buông lỏng việc kiểm tra, quản lý nhân khẩu để nâng cao trách nhiệm của họ, quản lý chặt chẽ và thường xuyên kiểm tra các khách sạn, nhà nghỉ, quán trọ vì đây là những nơi mà đối tượng phạm tội thường ẩn náu hoặc gây án.

Thứ hai, muốn thực hiện tốt công tác này, các cơ quan chức năng cần phối hợp chặt chẽ với nhân dân phát động phong trào tự bảo vệ an ninh trật tự, phong trào “toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc” ở từng thôn, xóm, khu phố. Khuyến khích việc thành lập và hoạt động của đội xung kích, tổ dân phòng, phát động trong nhân dân phong trào phát hiện và tố giác tội phạm kịp thời nhất là ở vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số nơi ý thức pháp luật của người dân còn thấp.

Thứ ba, đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật và kiến thức về giới tính. Đây là biện pháp có vai trò rất quan trọng và hiệu quả cao đối với chủ thể tiềm tàng của tội XPTDTE. Thông qua tuyên truyền chủ thể tiềm tàng sẽ hiểu biết được hành vi XPTDTE là trái pháp luật, trái đạo đức và phải chịu hình phạt rất nặng trước pháp luật, bị xã hội lên án. Do đó, công tác tuyên truyền phải được tiến hành thường xuyên, liên tục trên diện rộng đến mọi địa bàn dân cư, tập trung chú trọng đến đối tượng có trình độ học vấn thấp, những người không có nghề nghiệp và nghề nghiệp không ổn định.

- Tác động vào nạn nhân tiềm tàng và gia đình nạn nhân tiềm tàng của tội XPTDTE.

Hiện nay đối tượng trẻ em gái nằm trong nhóm nguy cơ trở thành nạn nhân của các tội XPTDTE. Đây là nhóm đối tượng có khả năng nhận thức chưa đầy đủ

nên các em sẽ không tự bảo vệ bản thân nếu thiếu sự giúp đỡ của gia đình, nhà trường và xã hội. Do đó, để phòng chống xâm hại tình dục, ngay từ khi các em còn nhỏ (khoảng từ 3 - 6 tuổi), cha mẹ, thầy cô giáo ở trường mầm non cần trang bị cho các em nhận thức cơ bản về giới tính, những bộ phận nhạy cảm mà người lớn, kể cả người thân như ông bà, anh chị em, chú bác cũng không được chạm vào, không được đi với người lạ, không chơi với người lạ... Đây là việc làm rất cần thiết, tạo tiền đề quan trọng giáo dục ý thức tự bảo vệ chống xâm hại của các em nhưng lại ít được cha mẹ và nhà trường quan tâm. Ở giai đoạn tiểu học (từ 6 - 11 tuổi), nhà trường và cha mẹ cần quan tâm giáo dục giới tính, kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục cho trẻ, trong đó cần chú trọng đến các kỹ năng xử lý những tình huống bị xâm hại tình dục hoặc nguy cơ bị xâm hại tình dục. Thực tế hiện nay, hầu hết các trường tiểu học, việc đào tạo những kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục cho trẻ là rất hạn chế hoặc thực hiện một cách hình thức. Ở lứa tuổi học sinh cấp 2 (11 - 16 tuổi) và cả ở giai đoạn vị thành niên (từ 16 - dưới 18), việc tiếp tục trang bị cho các em các kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục phức tạp hơn là một việc rất cần thiết mà nhà trường và gia đình cần quan tâm, tăng cường tuyên truyền cho trẻ em và người dân biết về các phương thức, thủ đoạn của loại tội phạm này để mọi người nâng cao ý thức cảnh giác, phòng ngừa. Hơn hết, các bậc phụ huynh cần tìm hiểu và trang bị cho con em những kỹ năng tự bảo vệ mình trước người lạ; không nên để con nhỏ ở nhà hay đến chỗ vắng một mình; không cho con tiếp xúc với những người có biểu hiện nhân cách xấu, hay uống rượu, xem phim “đen”... Khi trẻ bị XHTD, cần phải báo ngay cho Công an để được hỗ trợ tư vấn, giải quyết, tránh để lọt tội phạm; đồng thời động viên, chia sẻ giúp trẻ ổn định tâm lý. Để đấu tranh hiệu quả với loại tội phạm này, ngoài trách nhiệm của cơ quan Công an và các cơ quan chức năng, các cấp, ngành, địa phương cần vào cuộc quyết liệt, tăng cường tuyên truyền để mọi người nâng cao ý thức cảnh giác, phòng ngừa, trong đó việc bảo vệ bé gái từ mỗi gia đình cần được đặt lên hàng đầu, là vấn đề cốt lõi. Mỗi gia đình cần giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng phòng, chống XHTD trẻ em, cùng với đó, nhà trường cần đẩy mạnh giáo dục giới tính cho trẻ hoặc xây dựng những chương trình

bổ ích, những buổi ngoại khóa để từ đó giúp các em tự bảo vệ mình, cảnh giác đối với những hành vi xâm hại. Có như vậy, trẻ em mới có môi trường sống, học tập và trưởng thành an toàn, lành mạnh

3.3.2.2. Những giải pháp ngăn chặn tội phạm xâm phạm tình dục trẻ em đang xảy ra

- Trước tiên, cần sớm hoàn thiện chế độ thông tin, tiếp nhận tin báo tội phạm, xây dựng các kênh tố giác tội phạm nói chung và các tội XPTDTE nói riêng trên địa bàn tỉnh như hòm thư tố giác tại các cơ quan, trường học, qua điện thoại, đường dây, tạo điều kiện và cơ chế tốt nhất để tiếp nhận mọi nguồn thông tin về tội phạm; cần nâng cao cơ sở vật chất cho các cơ quan tư pháp để đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, xử lý thông tin về tội phạm; các lực lượng CAND cần khẩn trương sử dụng các hoạt động nghiệp vụ phối hợp để xác minh kịp thời các tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, khởi tố, điều tra tội phạm theo quy định của pháp luật; phát huy vai trò, tích cực của điều tra viên trong việc điều tra cũng như việc lập hồ sơ tránh trường hợp VKSND phải trả hồ sơ điều tra bổ sung do bỏ lọt tội phạm, hoặc vi phạm thủ tục tố tụng hay chưa đủ chứng cứ.

Cần nâng cao chất lượng công tác điều tra ban đầu ở hiện trường bảo vệ tốt hiện trường các vụ án có vai trò và ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc chứng minh tội phạm trong các vụ án XPTDTE. Trong hoạt động điều tra đặc biệt chú ý các thông tin về mối quan hệ của những đối tượng nghi vấn với nạn nhân và gia đình nạn nhân để làm cơ sở cho hoạt động lấy lời khai người làm chứng, người liên quan.

Đối với các tội XPTDTE, người bị hại là các cháu còn rất nhỏ (nhiều vụ án bị hại mới chỉ từ 4 đến 6 tuổi) nên chưa thể nhận thức được tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội đối với bản thân mình. Do vậy, những thông tin về phía họ thì trong khi lấy lời khai, thu thập các thông tin từ người giám hộ có quan hệ ruột thịt với bị hại cần cần nhắc thận trọng, khách quan.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động thu thập chứng cứ, giám định... góp phần bảo đảm đánh giá vụ án một cách khách quan, toàn diện nhất.

Cần có bộ phận điều tra chuyên sâu về hành vi phạm các tội XPTDTE trong tổ chức Cơ quan điều tra tội phạm xâm phạm trật tự xã hội. Thông qua đó để hình thành kỹ

năng nghề nghiệp cho Điều tra viên trong hoạt động điều tra các vụ XPTDTE để đáp ứng được với diễn biến phức tạp cũng như tính chất nghiêm trọng của loại tội phạm này.

Tăng cường hơn nữa trong sự phối hợp giữa các bộ phận nghiệp vụ trong cùng lực lượng công an và các ngành, các cấp trong thực hiện các biện pháp phòng, chống;

- Đối với cơ quan Viện kiểm sát chủ động trong việc quản lý, phân loại và xử lý tin báo về tố giác tội phạm. Khi cần thiết ra yêu cầu kiểm tra, xác minh và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Kiểm sát viên tích cực nghiên cứu kỹ hồ sơ, thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm sát chặt chẽ quá trình điều tra, dẫn đến khi xem xét, quyền truy tố tránh trường hợp VKSND phải trả hồ sơ điều tra bổ sung hoặc TAND tuyên không phạm tội. Đối với những vụ án XPTDTE phức tạp Viện kiểm sát cần tổ chức các cuộc họp liên ngành giữa các cơ quan tiến hành tố tụng để phân tích đánh giá chứng cứ của vụ án đối với các vụ án phức tạp, đồng thời đánh giá, làm rõ thực trạng nguyên nhân làm phát sinh tình XPTDTE để có các biện pháp phòng ngừa thích hợp

Những vụ án gây hậu quả nghiêm trọng, gây sự phẫn nộ lớn trong nhân dân càng cần thiết phải xử lý kịp thời, nghiêm minh, tránh những hiện tượng tiêu cực hay nương nhẹ để gây ra dư luận xấu trong nhân dân. Để làm được những điều này, cần xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ pháp luật đủ về số lượng, giỏi về nghiệp vụ, nhất là Thẩm phán phải có tâm huyết, thật sự tài năng, trí tuệ, bản lĩnh bảo vệ công lý. Đào tạo nghiệp vụ và xây dựng cơ chế xử lý đối với các hội thẩm nhân dân nhằm nâng cao trách nhiệm trong hoạt động xét xử của Hội thẩm nhân dân

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh trong việc tổng kết, đánh giá những nguyên nhân của tình hình tội phạm nói chung và các tội XPTDTE nói riêng xảy ra trên địa bàn tỉnh, từ đó kiến nghị các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa các tội XPTDTE một cách có hiệu quả.

Cần trang bị cơ sở vật chất, thiết bị kỹ thuật hiện đại hơn nữa cho các cơ quan tiến hành tố tụng để phục vụ tốt hơn, hiệu quả hơn cho công tác điều tra tội phạm.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, người thân, nhất là các bậc làm cha, làm mẹ cần xây dựng thiết chế gia đình bền vững.

Để tránh những sự việc đau lòng do tội phạm xâm hại tình dục gây nên, cha mẹ cần thường xuyên để mắt, quan tâm, chia sẻ với con về giới tính, tình dục tuổi mới lớn. Vì trẻ em hiện nay dậy thì sớm và yêu sớm. Tránh bạo lực khi con có sai phạm, phải nâng đỡ, tôn trọng ý kiến của con, phải biết kiềm chế khi gặp phản ứng trước những căng thẳng khó kiểm soát của con. Trang bị cho con biết cách thức phòng vệ trước những đối tượng có ý định thực hiện hành vi đồi bại. Không cho trẻ ăn mặc hở hang vì dễ gây kích thích sự ham muốn đối với những kẻ có ý xấu.

Tăng cường công tác truyền thông nhằm góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của gia đình, nhà trường, cộng đồng dân cư, cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và mọi công dân trong công tác bảo vệ trẻ em, ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em bị xâm hại, lạm dụng. Chú trọng hình thức tư vấn, tham vấn và vận động trực tiếp đối với gia đình và cộng đồng dân cư về kỹ năng bảo vệ trẻ em khỏi bị xâm hại. Tập trung hoạt động truyền thông - giáo dục vào những phường, xã trọng điểm, có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và những nhóm đối tượng còn hạn chế trong thực hiện trách nhiệm của mình đối với trẻ em.

3.3.2.3. Những giải pháp ngăn chặn tái phạm

- Thứ nhất, nâng cao hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm xâm phạm tình dục trẻ em

Trước hết, cần nâng cao chất lượng công tác tiếp nhận, xử lý tin báo tố giác tội phạm, tổ chức tập huấn nghiệp vụ chuyên sâu cho cán bộ, công chức làm công tác này. Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, quy hoạch, bố trí cán bộ, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ làm công tác điều tra, truy tố, xét xử tội phạm XPTDTE. Cần lựa chọn những người có tiêu chuẩn kiến thức pháp luật, tâm lý đối với cán bộ điều tra), luân chuyển cán bộ không đủ năng lực làm công tác khác. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ về chính trị, pháp luật và nghiệp vụ về phòng chống tội XPTDTE. Bên cạnh đó, các CQĐT, VKSND, TAND cần có sự phối hợp chặt chẽ nhằm nâng cao kết quả cao trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình trong đấu tranh chống loại tội phạm này

Trên cơ sở các quy định của pháp luật, Tòa án các cấp tăng cường sự phối hợp với Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát và các cơ quan hữu quan khác để thu thập đầy đủ chứng cứ, hoàn thiện hồ sơ vụ án; thường xuyên trao đổi, thống nhất nhận thức về các quy định của pháp luật cũng như những vấn đề còn có ý kiến khác nhau về đánh giá các tình tiết khách quan của vụ án, nhằm đảm bảo xét xử, giải quyết các vụ án về xâm hại tình dục trẻ em đúng pháp luật.

Tòa án nhân dân tỉnh cần tập trung làm tốt hơn nữa công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, Thẩm phán; thường xuyên tổ chức việc trao đổi, rút kinh nghiệm công tác xét xử, đặc biệt là kinh nghiệm xét xử, giải quyết các vụ án về xâm hại tình dục phụ nữ và trẻ em trong toàn hệ thống Tòa án nhân dân.

Bên cạnh đó, để nâng cao chất lượng của công tác điều tra, truy tố, xét xử tội phạm XPTDTE nhằm đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật và phù hợp với tình hình hiện nay thì pháp luật hình sự cần mở rộng thêm chủ thể của hành vi giao cấu với trẻ em và dâm ô với trẻ em là người có độ tuổi từ 16 tuổi trở lên.

- Thứ hai, nâng cao hiệu quả công tác thi hành án hình sự

Thi hành án hình sự là công tác có vị trí quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đồng thời cũng là biện pháp ngăn ngừa người phạm tội tiếp tục phạm tội, giáo dục, động viên, khuyến khích, giúp cho người phạm tội hiểu, nhận thức, biết ăn năn hối hận về hành vi mình gây ra và cố gắng sửa chữa. Vì vậy trong thời gian phạm nhân XPTDTE chấp hành hình phạt tù, cơ quan thi hành án cần nhận thức đúng, đầy đủ về vị trí, vai trò, tính chất, tầm quan trọng của công tác quản lý giam giữ, giáo dục, cải tạo các đối tượng trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ ANTT. Cần thống nhất nhận thức mọi hoạt động thi hành án hình sự phải đạt được mục tiêu cao nhất là giáo dục, cải tạo người phạm tội; tạo điều kiện cho họ sửa chữa lỗi lầm, tái hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống, trở thành người có ích cho xã hội sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

Để công tác giáo dục, cải tạo phạm nhân đạt hiệu quả, trại giam nơi người bị kết án chấp hành hình phạt cần phải căn cứ vào tính chất của tội phạm, mức án người chấp hành hình phạt..., thực hiện phân loại phạm nhân để biết được đặc điểm

nhân thân, lai lịch, thái độ chấp hành án của từng phạm nhân mà áp dụng các biện pháp, tuyên truyền, quản lý, giáo dục, cải tạo cho phù hợp. Đối với các phạm nhân phạm tội XPTDTE ngoài việc giáo dục tính tôn trọng pháp luật nói chung cần tập trung giáo dục nhân cách, đạo đức, chuẩn mực xã hội, tôn trọng các quyền cơ bản của công dân, lối sống và sinh hoạt lành mạnh.

- Thứ ba, thực hiện tốt công tác tái hòa nhập cho người chấp hành xong hình phạt

Bên cạnh việc nâng cao hiệu quả công tác thi hành án hình sự, thì công tác giúp đỡ người chấp hành xong hình phạt tù tái hòa nhập cộng đồng là một vấn đề cần quan tâm, coi đây là biện pháp hiệu quả trong lĩnh vực cải tạo, giáo dục người bị kết án. Công tác tái hòa nhập cộng đồng là một hoạt động mang tính xã hội cao, đây có thể được coi là khâu cuối cùng nhằm thực hiện một cách trọn vẹn và đầy đủ ý nghĩa của bản án. Để công tác tái hòa nhập cộng đồng đi vào chiều sâu và có hiệu quả, cần thực hiện các biện pháp sau:

Các cấp chính quyền địa phương, cần có kế hoạch rà soát, lập hồ sơ quản lý số người chấp hành xong hình phạt tù về cư trú tại địa phương, thực hiện công tác điều tra, phân loại cơ bản, nắm tình hình về đối tượng trong diện cần thiết tổ chức công tác tái hòa nhập cộng đồng để có chủ trương phù hợp và tạo điều kiện cho người chấp hành xong án phạt tù ổn định cuộc sống không tái phạm tội.

Các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội trên địa bàn cần phối hợp chặt chẽ trong việc tổ chức dạy nghề, nâng cao tay nghề, quan tâm giúp đỡ về vật chất, thông qua các hội, đoàn thể bảo lãnh cho vay vốn để tạo việc làm hoặc mở rộng sản xuất kinh doanh tăng thu nhập; phối hợp với các doanh nghiệp trên địa bàn giới thiệu và tiếp nhận lao động đối với số người chấp hành xong án phạt tù để họ có việc làm đảm bảo ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng.

Cần tăng cường công tác quản lý, giáo dục, giúp đỡ thông qua việc tiếp nhận, phân công trách nhiệm quản lý, hỗ trợ các thủ tục pháp lý như đăng ký hộ khẩu, cấp chứng minh nhân dân, xóa án tích... Đồng thời các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội phải thường xuyên nắm tình hình, hoạt động, diễn biến, tâm tư, nguyện vọng, những thuận lợi, khó khăn của người chấp hành xong hình phạt tù để có biện pháp

quản lý, giáo dục, động viên giúp đỡ, để họ xóa bỏ mặc cảm, tích cực lao động, tham gia các hoạt động xã hội chung tại cộng đồng dân cư và tự giác chấp hành đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Cấp cơ sở cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền rộng rãi về tái hòa nhập cộng đồng với nội dung phù hợp, bằng nhiều phương pháp, hình thức phong phú, xóa bỏ định kiến, kỳ thị, phân biệt đối xử đối với người chấp hành xong án phạt tù, quan tâm tạo điều kiện giúp đỡ để họ ổn định cuộc sống, góp phần phòng ngừa, chống tái phạm tội và hành vi vi phạm pháp luật khác. Tuyên truyền những mô hình tiên tiến, cách làm sáng tạo có hiệu quả thiết thực giúp đỡ người chấp hành xong hình phạt tù tái hòa nhập cộng đồng.

3.3.3. Tổ chức phòng ngừa tình hình tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Trong những năm qua, hoạt động đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong đó có các tội XPTDTE được chính quyền và nhân dân tỉnh Đồng Nai chú trọng: các cơ quan Công an nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và cơ quan thi hành án hình sự đã nỗ lực làm tốt nhiệm vụ phòng, chống tội phạm trong đó có các tội XPTDTE. Vì tính chất nghiêm trọng, phức tạp của loại án XPTDTE nên các Cơ quan tố tụng thường phân công, bố trí cán bộ có năng lực, có kinh nghiệm và đạo đức nghề nghiệp trực tiếp giải quyết vụ án.

Tuy nhiên các Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án chưa làm rõ nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình các tội XPTDTE hoặc có nêu nhưng chưa đầy đủ, công tác phát hiện và xử lý hành vi phạm tội vẫn chú trọng đến vấn đề chứng cứ, xác định tội danh...là chủ yếu.

Các cơ quan có thẩm quyền chưa tăng cường nâng cao nhận thức, tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhất là làm rõ các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE trong nhân dân để họ có tinh thần cảnh giác và có các biện pháp phù hợp để tự bảo vệ bản thân, con em họ khỏi bị hành vi phạm tội xâm hại. Mọi người chưa thấy được vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em khỏi hiểm họa bị xâm phạm

Đây là trách nhiệm của tất cả các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và mọi công dân. Tuy vậy, trên thực tế hiện nay vẫn còn tồn tại quan niệm, tư tưởng của một số

đồng người trong xã hội cho rằng việc thực hiện pháp luật chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án..., chưa thấy đó là trách nhiệm, bổn phận của công dân. Việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật nói chung và các văn bản pháp luật về quyền trẻ em nói riêng của các cơ quan chức năng còn nhiều hạn chế.

Ý thức trách nhiệm thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng và công dân còn nhiều hạn chế, chưa mang lại hiệu quả cao, chưa chủ động phối hợp giữa gia đình, nhà trường và chính quyền trong công tác quản lý, chăm sóc và giáo dục các em.

Nhận thức, làm sáng tỏ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh Đồng Nai còn nhiều hạn chế cũng là một trong những yếu tố dẫn đến công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm vẫn chưa hiệu quả và tình hình các tội XPTDTE vẫn còn diễn biến phức tạp và ngày càng nghiêm trọng. Để bảo đảm các giải pháp phát huy tác dụng, một vấn đề quan trọng là cần phải tổ chức thực thi các giải pháp một cách sâu rộng trên toàn bộ địa bàn tỉnh.

Huy động sức mạnh của toàn xã hội, của đông đảo người dân tham gia tích cực và có hiệu quả trong hoạt động phòng ngừa tình hình tội XPTDTE thì chắc chắn sẽ từng bước kiểm chế, kiểm soát và hạn chế đến mức thấp nhất những hành vi phạm tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh, góp phần bảo vệ tốt nhất cho trẻ em, thế hệ tương lai của tỉnh.

Kết luận Chương 3

Trong chương 3, tác giả đã trình bày việc tăng cường nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE; từ những nguyên nhân và điều kiện đã phân tích trước đó mà đưa ra dự báo tình hình tội XPTDTE, qua đó đề ra những giải pháp khắc phục nguyên nhân và điều kiện và giải pháp khắc phục hậu quả của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đồng thời, cũng như đưa ra một số giải pháp phòng ngừa tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong những năm tới.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2012 – 2016, tác giả rút ra một số kết luận như sau:

Tình hình các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2012 đến năm 2016 diễn biến khá phức tạp và nghiêm trọng, có xu hướng gia tăng, với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội là rất lớn, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến nhân phẩm của các em, do các em còn quá nhỏ, trí lực non nớt, thể lực yếu ớt nên khi xâm phạm đến nhân phẩm thì tội phạm cũng trực tiếp xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của các em và làm ảnh hưởng đến những giá trị thuần phong mỹ tục của dân tộc gây bất bình và lên án từ phía xã hội. Do đó, để nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tội phạm nói chung và các tội XPTDTE nói riêng cần phải nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện phát sinh nhóm tội này trong những giải pháp nhất định, từ đó mới có thể đưa ra những giải pháp phòng, chống có hiệu quả cao.

Với đặc thù của các tội XPTDTE, người phạm tội chủ yếu là nam giới, đang ở trong độ tuổi thanh niên, có trình độ văn hóa thấp từ đó ảnh hưởng tới nhận thức các vấn đề xã hội của người phạm tội cũng thấp. Đa số người phạm tội là làm nông nghiệp, làm thuê, làm rẫy, không nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định có nhiều thời gian dư thừa. Họ sống trong môi trường thiếu hoàn thiện, bị tác động của môi trường văn hóa không lành mạnh, suy thoái đạo đức, bất chấp sự lên án của xã hội và sự trừng trị của pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội nhằm thỏa mãn dục vọng thấp hèn của bản thân, thủ đoạn chủ yếu là lợi dụng sự thiếu hiểu biết của các em gái, lợi dụng sự buông lỏng trong quản lý đối với các em để thực hiện hành vi phạm tội. Địa bàn gây án là nhà của nạn nhân, những khu vực vắng vẻ, tại nhà nghỉ và quán cà phê sân vườn.

Tình hình các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có nhiều nguyên nhân và điều kiện để nó phát sinh và tồn tại nhưng chủ yếu gồm: nguyên nhân và điều kiện về kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục... đã làm cho một số bộ phận người có nhận thức lệch lạc trong đạo đức, nhân cách và có lối sống tha hóa với những nhu cầu thấp hèn dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội. Trong công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa, quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, đăng ký tạm trú, tạm vắng còn nhiều hạn chế và sơ hở

mà bọn tội phạm có thể lợi dụng để phạm tội; hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, còn nhiều bất cập trong công tác phòng ngừa tội phạm nói chung và các tội XPTDTE nói riêng; chưa tạo được sức mạnh của toàn xã hội tham gia vào công tác này; các cơ quan chức năng chưa phát huy hết hiệu quả hoạt động của mình.

Phòng ngừa tội phạm nói chung và các tội XPTDTE nói riêng phải được tiến hành đồng bộ với các biện pháp, giải pháp, chủ yếu hướng vào việc tác động lành mạnh hóa môi trường gia đình, nhà trường và xã hội để hạn chế những yếu tố tiêu cực là nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đồng thời, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội, trước hết, phải thực hiện các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội để triệt tiêu nguồn gốc phát sinh tội phạm. Đồng thời phải thực hiện các chính sách văn hóa – xã hội, đặc biệt là chính sách giáo dục văn hóa đạo đức, các biện pháp chăm sóc và giáo dục con cái, giải quyết các tệ nạn xã hội đảm bảo an ninh an toàn xã hội. Để góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa các tội XPTDTE đòi hỏi phải kết hợp giữa các cơ quan chuyên trách như CAND, VKSND, TAND, cơ quan thi hành án hình sự và lực lượng không chuyên trách như gia đình, nhà trường, các cơ quan đoàn thể và mọi công dân. Phòng ngừa tội phạm nói chung và các tội XPTDTE nói riêng sẽ ngày càng thu được nhiều kết quả tốt khi phát huy được sức mạnh của toàn xã hội với các giải pháp đồng bộ.

Luận văn là công trình nghiên cứu khoa học đầu tiên nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện các tội XPTDTE từ thực tiễn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2012 – 2016 đã được tác giả nghiên cứu một cách nghiêm túc trên cơ sở lý luận, kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn từ quá trình học tập và công tác. Để đạt được như trên là sự cố gắng, nỗ lực của bản thân tác giả, sự hỗ trợ, giúp đỡ tận tình nhiệt huyết của giáo viên hướng dẫn, các Thầy, Cô, các nhà khoa học và các bạn bè đồng nghiệp. Tuy nhiên, với khả năng và kinh nghiệm nghiên cứu của bản thân còn hạn chế nên quá trình thực hiện và hoàn thành luận văn không tránh khỏi những hạn chế, sai sót nhất định. Tác giả rất mong nhận được sự đóng góp của quý thầy cô, anh, chị và các bạn để tác giả tiếp tục hoàn thiện công trình nghiên cứu của mình.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban bí thư Trung ương Đảng (2011), *Chỉ thị số 09/CT-TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc trong tình hình mới*, Hà Nội.
2. Ban chỉ đạo 138/CP (2014), *Mô hình phòng, chống tội phạm tại cơ sở*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
3. Bộ Công an (2013), *Chỉ thị số 02/CT-BCA-C41, ngày 01/4/2013 về việc tập trung chấn chỉnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nghiệp vụ cơ bản của lực lượng cảnh sát nhân dân trong tình hình mới*, Hà Nội.
4. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội. Bộ Chính trị (2010), *Chỉ thị số 48/CT-TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*
5. Bộ Chính trị (2010), *Chỉ thị số 48/CT-TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*.
6. Bộ Chính trị (2014), *Kết luận số 92-KL/TW, ngày 12/3/2014 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
7. Bộ Lao động thương binh và xã hội (2010), *Thông tư số 23/2010/TT-BLĐTBXH ngày 16/8/2010 về quy định quy trình can thiệp, trợ giúp trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục*, Hà Nội.
8. Bộ Thông tin và truyền thông (2014), *Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 19/8/2014 Quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử mạng xã hội*, Hà Nội.
9. Chính phủ (1998), *Nghị quyết số 09/CP ngày 31/7/1998 về “Tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”*.
10. Chính phủ (2011), *Nghị định số 80/2011/NĐ-CP Quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù*.
11. Công an tỉnh Đồng Nai (2012 – 2016), *Báo cáo tổng kết công tác năm*

2012, 2013, 2014, 2015, 2016.

12. Công an tỉnh Đồng Nai - Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (2012 – 2016), *Thống kê nhân khẩu năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2011*.
13. Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai (2012 – 2016), *Kinh tế xã hội Đồng Nai 5 năm 2012 – 2016, sách phục vụ Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ X nhiệm kỳ 2012 - 2016*.
14. Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai (2012 – 2016), *Niên giám thống kê năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016*.
15. Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (2016), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần X nhiệm kỳ 2015 – 2020*, Đồng Nai.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng*, Hà Nội.
17. Nguyễn Minh Đức (2012), *Phòng tránh vi phạm pháp luật về tệ nạn ma túy trong lứa tuổi thanh niên, thiếu niên*, Nxb Thông tin và truyền thông Hà Nội.
18. Nguyễn Minh Đức (2014), *Đặc điểm tội phạm học do người chưa thành niên thực hiện và giải pháp phòng ngừa chung*, Tạp chí cảnh sát nhân dân, (số 5), tr. 6-8.
19. Học viện cảnh sát nhân dân (2005), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
20. Nguyễn Ngọc Hòa (2007), *Phòng ngừa tội phạm trong tội phạm học*, Tạp chí luật học, (số 06), tr. 25-32.
21. Hội đồng Trung ương (2013), *Giáo trình triết học Mác – Lê nin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Dương Tuyết Miên (2014), *Tội phạm học đương đại*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
23. Quốc hội (2003), *Bộ luật tổ tụng hình sự nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1999) sửa đổi, bổ sung năm 2009*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định 282/QĐ-TTg ngày 24/02/2011 về*

việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ chính trị về tăng cường sự lãnh của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới

26. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định số 267/2011/QĐ-TTg ngày 22/02/2011 về phê duyệt Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011 -2015.*
27. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 2361/2015/QĐ-TTg ngày 22/12/2015 về phê duyệt Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em giai đoạn 2015 -2020.*
28. Phạm Văn Tinh (1996), *Cơ chế hành vi phạm tội – cơ sở để xác định nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí kiểm sát số (03), tr. 18-21.
29. Phạm Văn Tinh (2000), *Các phương pháp nghiên cứu tình hình tội phạm, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
30. Phạm Văn Tinh (2007), *Vấn đề định nghĩa khái niệm tội phạm và nhu cầu nâng cao trình độ tội phạm học ở nước ta*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 12), Tr 69-73.
31. Phạm Văn Tinh (2007), *Khái niệm tội phạm và tình hình tội phạm dưới góc độ tội phạm học*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 6), Tr 73 - 79.
32. Phạm Văn Tinh (2008), *Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay – mô hình lý luận*, Tạp chí nhà nước và pháp luật, (số 06), Tr. 79 - 84.
33. Phạm Văn Tinh (2009), *Tội phạm và phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 4), Tr 57- 64.
34. Phạm Văn Tinh, Đào Bá Sơn (2010), *Đấu tranh với tình hình tội phạm chống người thi hành công vụ ở nước ta hiện nay*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
35. Phạm Văn Tinh (2010), *Quyền con người – bản chất và cách khoa học pháp lý*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 12), Tr 60 - 65.
36. Phạm Văn Tinh (2011), *Khoa học pháp lý Việt Nam và yêu cầu nâng cao trình độ lý luận theo tinh thần Nghị Quyết XI của Đảng*, Tạp chí Nhà nước

và Pháp luật, (số 8).

37. Phạm Văn Tinh (2011), *Phòng ngừa tội phạm và vấn đề bảo vệ quyền con người – Một nghiên cứu kiên ngành tội phạm học và nhân quyền học*, Tạp chí Cảnh sát Nhân dân, (số 7), Tr 7 - 14.
38. Phạm Văn Tinh (2012), *Tài liệu giảng dạy môn tội phạm học*, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội
39. Phạm Văn Tinh (2013), *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*, Công an nhân dân, Hà Nội.
40. Phạm Văn Tinh và Nguyễn Văn Cảnh (2013), *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*, Học viện Cảnh sát nhân dân, Bộ Công an, Hà Nội.
41. Phạm Văn Tinh (2014), *Phòng ngừa tội phạm và chiến lược phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí nhà nước và pháp luật số 03), Tr. 74-84.
42. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai năm (2012 - 2016) *Báo cáo công tác tổng kết năm và các bản án về xâm phạm tình dục năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016*
43. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai năm (2012 - 2016) *Báo cáo công tác tổng kết năm và các bản án về xâm phạm tình dục năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016 và 145 bản án xâm phạm tình dục trẻ em*
44. Trần Hữu Tráng (2011), *Nạn nhân của tội phạm*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, Hà Nội
45. Trần Hữu Tráng (2010), *Bàn về nguyên nhân tội phạm học*, Tạp chí Luật học (số 11), Tr. 43-51.
46. Trường đại học luật Hà Nội (2005), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
47. Trường đại học luật Hà Nội (2005), *Giáo trình luật TTHS Việt Nam*, Nxb tư pháp, Hà Nội.
48. Trường đại học luật Hà Nội (2008), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
49. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2004), *Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

50. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2012 - 2016), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Đồng Nai năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016*.
51. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2012), *Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 24/5/2012 về tổ chức hành động vì trẻ em hằng năm với chủ đề: "Vì một xã hội không bạo lực, không xâm hại trẻ em"*.
52. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2013), *Kế hoạch số 5926/KH-UBND ngày 27/11/2013, hành động vì trẻ em tỉnh tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2012-2020*.
53. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2013), *Văn bản số 7236/UBND-NC ngày 6/9/2013 về việc phòng chống tội phạm giết người và xâm hại tình dục trẻ em*.
54. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2014), *Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 10/3/2014, phê duyệt dự án bảo trợ giáo dục trẻ em*.
55. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai năm (2012-2016), *Báo cáo công tác tổng kết năm, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016*.
56. Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật (2000), *Tội phạm học Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
57. Võ Khánh Vinh (2002), *Dự báo tình hình tội phạm, một số vấn đề lý luận – thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
58. Võ Khánh Vinh (2006), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
59. Võ Khánh Vinh (2008), *Giáo trình tội phạm học*, Trường Đại học Huế, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
60. Nguyễn Xuân Yêm (2013), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Bảng 2.1. Mức độ tổng quan của tình hình tội phạm và tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ năm 2012 – 2016

Năm	Tình hình tội phạm		Tình hình tội XPTDTE		Tỷ lệ%	
	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo
2012	3.115	5.268	77	85	2,47	1,61
2013	3.147	5.411	87	91	2,76	1,68
2014	3.108	5.498	106	115	3,41	2,09
2015	2.938	5.412	85	90	2,89	1,66
2016	3.122	5.395	83	87	2,78	1,60
Tổng	15.430	26.984	438	468	2,83	1,73

(Nguồn: Báo cáo thống kê của TAND tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ năm 2012 - 2016)

Bảng 2.2. Mức độ tổng quan của tình hình tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người và tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ năm 2012 – 2016.

Năm	Tình hình tội phạm quy định tại Chương 12 BLHS		Tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em		Tỷ lệ	
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
2012	536	957	77	85	14.37	8.88
2013	485	836	87	91	17.94	10.88
2014	514	803	106	115	20.62	14.32
2015	412	669	85	90	20.63	13.45
2016	369	538	83	87	22.49	16.17
Tổng	2316	3803	438	468	18.91	12.31

(Nguồn: Báo cáo thống kê của TAND tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ năm 2012 – 2016)

Bảng 2.3. Cơ sở tội phạm và cơ sở tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ năm 2012 – 2016

Năm	Tổng số bị cáo phạm tội đã xét xử	Tổng số bị cáo phạm tội XPTDTE đã xét xử	Dân số trung bình (triệu người)	Cơ số tội phạm chung	Cơ số tội XPTDTE
2012	5.268	85	2.707,8	194.54	3.14
2013	5.411	91	2.772,7	195.15	3.28
2014	5.498	115	2.838,6	193.69	4.05
2015	5.412	90	2.910,0	185.98	3.09
2016	5.395	87	3.015,6	178.90	2.88
Tổng	26.984	468	14.244,7	948.26	16.44
Trung bình	5.397	93.6	2.8489,4	189.65	3.288

(Nguồn: Báo cáo thống kê của TAND tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ năm 2012 - 2016)

Bảng 2.4. Tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ năm 2012 – 2016 phân theo hành vi phạm tội

Điều Năm	Điều 112		Điều 114		Điều 115		Điều 116		Điều 256		Tổng số	
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
2012	28	34	1	1	41	42	7	8	0	0	77	85
2013	20	22	0	0	49	50	18	19	0	0	87	91
2014	32	40	1	1	53	53	20	21	0	0	106	115
2015	22	26	0	0	51	52	11	11	1	1	85	90
2016	17	19	0	0	55	56	11	12	0	0	83	87
Tổng	119	141	2	2	249	253	67	71	1	1	438	468
Tỷ lệ	27,2	30,1	0,46	0,43	56,8	54,1	15,3	15,2	0,23	0,21	100/ 100	100/ 100

(Nguồn: Báo cáo thống kê của TAND tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ năm 2012 – 2016)

Bảng 2.5. Diễn biến tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ năm 2012 – 2016. (so sánh định gốc)

Năm	Số vụ	Số bị cáo	Tỷ lệ phần trăm (%)	
			Số vụ	Số bị cáo

2012	77	85	100	100
2013	87	91	112.98	107.05
2014	106	115	137.66	135.29
2015	85	90	110.38	105.88
2016	83	87	107.79	102.35
Giai đoạn 03 năm	Số vụ	Số bị cáo	Phần trăm số vụ (%)	Phần trăm số bị cáo (%)
2012 - 2014	270	291	100	100
2014 - 2016	274	292	101.48	100.34

(Nguồn: Báo cáo thống kê của TAND tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ năm 2012 – 2016)

Bảng 2.6. Cơ cấu về mức độ của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phân theo dân cư 11 đơn vị hành chính cấp huyện

STT	Nơi cư trú	Dân số (nghìn người)	Tổng số bị cáo (2012-2016)	Số dân/ 1 bị cáo
01	TP.Biên Hòa	884000	105	8419
02	TX.Long Khánh	140000	19	7365
03	Huyện Tân Phú	165000	17	9705
04	Huyện Định Quán	207324	42	4936
05	Huyện Cẩm Mỹ	155000	21	7380
06	Huyện Thống Nhất	162900	20	8145
07	Huyện Trảng Bom	275729	29	9507
08	Huyện Xuân Lộc	226120	19	11901
09	Huyện Long Thành	240000	27	8889
10	Huyện Nhơn Trạch	200000	26	7692
11	Huyện Vĩnh Cửu	139952	19	7365
12	Tòa án cấp tỉnh xét xử		124	
Toàn tỉnh Đồng Nai		2796025	468	5974

(Nguồn: Thống kê của TAND tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2012 - 2016)

Bảng 2.7. Cơ cấu về mức độ của tình hình các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phân theo diện tích 11 đơn vị hành chính cấp huyện

STT	Nơi cư trú	Diện tích (km)	Tổng số bị cáo (2012-2016)	Số dân/ 1 bị cáo
01	TP.Biên Hòa	264.08	105	0.398
02	TX.Long Khánh	197.2	19	0.096
03	Huyện Tân Phú	774	17	0.022
04	Huyện Định Quán	966.5	42	0.043
05	Huyện Cẩm Mỹ	467.95	21	0.045
06	Huyện Thống Nhất	247.19	20	0.081
07	Huyện Trảng Bom	326.11	29	0.089
08	Huyện Xuân Lộc	725.84	19	0.026
09	Huyện Long Thành	431.01	27	0.063
10	Huyện Nhơn Trạch	401.8	26	0.064
11	Huyện Vĩnh Cửu	1092.01	19	0.017
12	Tòa án cấp tỉnh		124	
Toàn tỉnh Đồng Nai		5893.77	468	0.079

(Nguồn: Thống kê của TAND tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2012 - 2016)

Bảng 2.8. Cơ cấu xét theo chế tài đã áp dụng

Hình phạt	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Cải tạo không giam giữ	01	0.21
Cho hưởng án treo	13	2.78
Dưới 03 năm tù	250	53.4
Từ 03 năm đến dưới 07 năm tù	100	21.4
Từ 07 năm đến dưới 15 năm tù	77	16.4
Từ 15 năm tù đến dưới 20 năm tù	24	5.12

Chung thân, tử hình	03	0.64
Tổng	468	100

(Nguồn: Báo cáo thống kê của TAND tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2012 - 2016)

Bảng 2.9. Cơ cấu xét theo độ tuổi và giới tính của bị cáo

Năm	Số bị cáo	Độ tuổi			Giới tính	
		Dưới 18 tuổi	Từ 18 đến 30 tuổi	Từ 30 tuổi trở lên	Nam	Nữ
2012	85	3	25	57	85	
2013	91	8	40	43	90	1
2014	115	8	58	49	115	
2015	90	3	36	51	90	
2016	87	1	33	53	87	
Tổng	468	23	195	253	467	1

(Nguồn: Báo cáo của TAND tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ 2012 đến 2016)

Bảng 2.10. Cơ cấu xét theo cư trú của bị cáo

Đặc điểm	Cư trú	
	Trong tỉnh	Nơi khác đến
Số bị cáo	422	46
Tỷ lệ	90,17	9,83

(Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2012 - 2016)

Bảng 2.11. Cơ cấu xét theo tôn giáo của bị cáo

Đặc điểm	Tôn giáo	
	Có tôn giáo	Không
Số bị cáo	462	06
Tỷ lệ	98,71	1,29

(Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2012 – 2016)

Bảng 2.12. Cơ cấu xét theo trình độ học vấn của bị cáo

Trình độ văn hóa	Số bị cáo	Tỷ lệ (%)
Không biết chữ	37	21.2
Tiểu học	60	34.3
Trung học cơ sở	48	27.4
Trung học phổ thông	28	16
Cao đẳng, Đại học	2	1.1
Sau đại học	0	0
Tổng số	175	100

(Nguồn: Tổng hợp 145 bản án HSST đã xét xử của TAND các cấp)

Bảng 2.13. Cơ cấu xét theo nghề nghiệp của bị cáo

STT	Nghề nghiệp	Số người phạm tội	Tỷ lệ %
1	Không có nghề nghiệp	22	12.57
2	Làm rẫy, làm ruộng	38	21.71
3	Học sinh, sinh viên	8	4.57
4	Công nhân	24	13.71
5	Buôn bán, tiếp thị	7	4
6	Thợ xây, phụ hồ	12	6.86
7	Lái xe, đánh cá, chăn nuôi, bán vé số, tiếp viên... (gọi chung là các nghề khác)	64	36.57

(Nguồn: Tổng hợp 145 bản án HSST đã được TAND các cấp xét xử)

Bảng 2.14. Cơ cấu xét theo hoàn cảnh gia đình của người phạm các tội

XPTDTE tại tỉnh Đồng Nai

Bản thân người phạm tội	Hoàn cảnh cụ thể	Số trường hợp	Tỷ lệ %
	Đã có vợ	61	34,86
	Chưa có vợ	114	65,14
Cha	Thuận lợi	37	21,14

mẹ, người nuôi dưỡng	Không thuận lợi	Mồ côi cả cha và mẹ	17	9,71
		Mồ côi cha	26	14,85
		Mồ côi mẹ	16	9,14
		Cha mẹ ly hôn	14	8,00
		Trường hợp khác (gia đình thường xuyên cãi vã, không quan tâm giáo dục con cái...)	65	37,14

(Nguồn: Tổng hợp 145 bản án HSST do TAND các cấp đã xét xử)

Bảng 2.15. Cơ cấu xét theo đặc điểm tiền án, tiền sự của bị cáo

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Số bị cáo	Tỷ lệ (%)
Tiền án, tiền sự	Phạm tội lần đầu	146	83,43
	Tiền án	21	12
	Tiền sự	8	4,57
	Tổng	175	100

(Nguồn: Tổng hợp 145 bản án các tội xâm phạm tình dục trẻ em đã xét xử của TAND các cấp)

Bảng 2.16. Mối quan hệ của người phạm tội và nạn nhân trong các vụ phạm tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

STT	Mối quan hệ	Số vụ	Tỉ lệ
01	Không quen biết	19	10.85
02	Cha với con ruột	4	2.28
03	Cha dượng với con vợ	11	6.28
04	Bác, chú, cậu cháu, anh em bà con	13	7.42
05	Hàng xóm với nhau	36	20.57
06	Quen biết khác	92	52.57

(Nguồn: Tổng hợp 145 bản án HSST đã được TAND các cấp xét xử)

Bảng 2.17: Thống kê kết quả điều tra xã hội học đối với nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của các tội XPTDTE trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2012 -2016

- Tổng số phiếu phát ra: 250

- Tổng số phiếu thu vào 200

STT	Nguyên nhân	Người được khảo sát	Kết quả lựa chọn nguyên	Tỷ lệ %
1	Trình độ học vấn của người phạm tội thấp, thiếu hiểu biết pháp luật	200	76	38%
2	Do nạn nhân có lối sống dễ dãi, buông thả (do uống rượu, đi chơi khuya...)	200	80	40%
3	Gia đình văn hóa thấp (thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau trước mặt con cái...)	200	97	48%
4	Thiếu sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường và xã hội	200	87	43,5%
5	Do người phạm tội có lối sống trụy lạc, nhu cầu tình dục thấp hèn, coi thường danh dự, nhân phẩm của người	200	150	75%